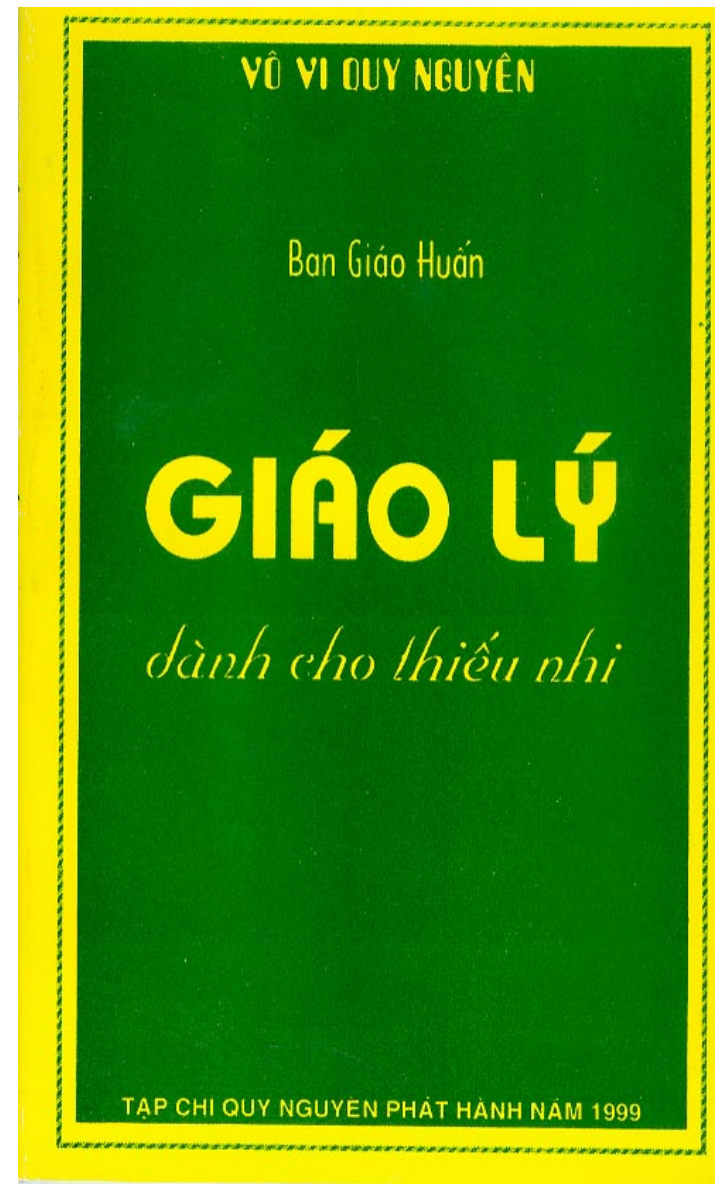




MỤC LỤC:

1 Thư ngỏ của Đức Thầy Từ Minh Đạt gửi các huynh trưởng Đoàn Thiếu Nhi Quy Nguyên	3
2 Thư ngỏ của Đức Thầy Từ Minh Đạt gửi các đoàn viên Đoàn Thiếu Nhi Quy Nguyên	4
3 Thượng Đế	5
4 Con người	10
5 Thức	20
6 Tu	22
7 Đời sống toàn thiện	24
8 Nhân quả	50
9 Luân hồi	54
10 Diễm quang	58
11 Vũ trụ quan	59
12 Thiên Ma	61
13 Giới động vật	65
14 Tận thế	72
15 Hội Long Hoa	76
16 Quả vị	87
17 Đức Ngài Pháp Chủ VVQN	93
18 Vô Vi Quy Nguyên	107

THƯ NGỎ CỦA ĐỨC THẦY TỪ MINH ĐẠT

Gởi các huynh trưởng Đoàn Thiếu Nhi Quy Nguyên.

Đại Hùng Linh Điện, ngày Tết Trung Thu năm Mậu Dần 1998,

Các anh chị em huynh trưởng của Đoàn Thiếu Nhi Quy Nguyên thân mến,

Tập sách Giáo Lý Dành Cho Thiếu Nhi này dùng để hướng dẫn về căn bản giáo lý cho các em.

Giáo Lý là hệ thống tư tưởng có thực, giúp cho con người thực hiểu về cuộc sống, con người, vũ trụ.... Có thực hiểu, con người mới trở thành người tốt, đạo đức thực sự. Giáo Lý cũng là một hệ thống lý luận có thực không mơ hồ. Khác với các giáo lý khác, mọi vấn đề xấu ở trên đời đều đổ lỗi cho Satan... chẳng hạn, mà không chịu nhìn thấy cái thực của mình. Phải nhìn thấy cái thực mới có sự sửa chữa.

Đoàn Thiếu Nhi Quy Nguyên là một tổ chức tập hợp các em tuổi từ 5 đến 17, vì các em còn nhỏ nên tập sách giáo lý này dùng lại ở mức căn bản. Tuy nhiên, cũng tùy theo lứa tuổi của các em, các huynh trưởng chọn lọc từ tập sách này mà hướng dẫn. Không hẳn phải hướng dẫn tất cả cho một em nhỏ tuổi vừa lên 5; phải tùy nghi nhưng phải phù hợp.

Sau này, Ban Giáo Huấn sẽ cho phát hành một số tranh truyện về Giáo Lý, về lịch sử Đức Ngài, về Đạo Pháp,... cho các em đọc để hiểu hơn. Đi xa hơn sẽ có các phim về Giáo Lý....

Chúc các vị huynh trưởng làm tốt công tác.

TỪ MINH ĐẠT

THƯ NGỎ CỦA ĐỨC THẦY TỪ MINH ĐẠT

Gởi các Đoàn Viên Đoàn Thiếu Nhi Quy Nguyên

Đại Hùng Linh Điện, ngày Tết Trung Thu năm Mậu Dần 1998,

Các em Thiếu Nhi Quy Nguyên yêu quý,

Hôm nay Thầy giới thiệu đến các em tập sách Giáo Lý Dành Cho Thiếu Nhi này, trước là giúp cho các em hiểu thêm giáo lý về Pháp Đạo, kế là giúp cho các em những kiến thức cần thiết, hữu ích mà các em khó có thể tìm hiểu và biết được ở trong các sách vở nào khác.

Điều quan trọng là các em hiểu được sự vật, hiểu được cuộc sống một cách có trình tự và hợp lý. Cuộc sống, Thượng Đế, Trời Phật, vũ trụ, con người,... không phải là những ý niệm trừu tượng nữa.

Hiểu được tất cả để mình biết thế nào trở thành một con người tốt và hữu ích thực sự. Thấy được tất cả để biết mình đang ở đâu, người đang ở vị trí nào để sau này nếu hữu duyên các em có thể giúp cho người khác trở nên những người đạo đức.

Mình không thể nào giúp được mình, giúp được người một cách hoàn chỉnh khi mình không biết mình đang ở đâu, người đang ở đâu. Không thể nào nói khơi khơi rằng mình giúp mình đi lên, giúp người đi lên mà không biết vị trí của mình và người.

Giáo Lý của Vô Vi Quy Nguyên không mơ hồ. Các em cũng vậy, hiểu được Giáo Lý, hiểu được cái Đạo không phải ở chỗ mơ hồ, lý thuyết suông mà phải thấy cái thực, nắm được cái chính xác. Đó chính là thấy được chỗ đứng của mình vậy.

Chúc các em thấu triệt được Giáo Lý. Thế giới đang trong tầm tay các em.

Chúc lành tất cả,

Từ Minh Đạt

Thượng Đế

Định nghĩa:

Thượng Đế là bậc Toàn Năng, Ngài tạo ra tất cả Trời Đất, Thiên Đàng, Địa Ngục, mọi cõi, mọi vật, mọi loài, mọi tôn giáo, mọi tư tưởng... Không có cái gì trên đời mà không được tạo bởi Thượng Đế.

Giới tính và hình dáng của Thượng Đế:

Thượng Đế không có giới tính. Ngài không là đàn ông, cũng không là đàn bà. Ngài cũng không mang hình người, không mang hình thú, Ngài không mang một hình tướng thường tình nào của thế gian cả.

Tình cảm của Thượng Đế:

Tất cả mọi loài đều là con của Ngài. Ngài thương đồng đều. Ngài không có sự phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, người hay vật,... Tất cả đều bình đẳng dưới mắt của Thượng Đế. Thượng Đế cũng không đòi hỏi người đời hay muôn loài thờ phượng Ngài như thế nào. Ngài là một người Cha thương con với tình yêu bao la. Một người Cha thực sự yêu con thì không bao giờ đòi hỏi con mình thờ phượng mình như thế nào cả, không bao giờ đòi hỏi người con phải ca tụng mình, phải luôn nhớ đến mình, phải dâng những phẩm vật cao quý nhất đến cho mình. Người Cha thương con chỉ mong rằng con mình luôn tốt đẹp và không sa chân lỡ bước vào con đường tội lỗi.

Danh hiệu của Thượng Đế:

Thượng Đế là vị tạo ra tất cả nên con người xem Ngài như là Vua. Ngài sanh ra ta, nên con người cũng xem

Ngài như Cha Mẹ. Vì vậy, con người thường gọi Ngài là:

- Đức Vua Cha
- Đức Mẫu Mẹ
- Đức Chúa Trời
- Đức Thượng Đế
- Đức Allah...

Ngài còn được con người gọi bằng nhiều tên kính trọng khác. Mặc dầu con người ta đặt ra nhiều tên gọi có khác nhau nhưng đều nhằm nói đến Đấng Toàn Năng là Thượng Đế.

Đối với Pháp Vô Vi Quy Nguyên của chúng ta, chúng ta gọi Thượng Đế bằng những tên sau:

- Đức Vua Cha
- Đức Mẫu Mẹ
- Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế
- Đức Huyền Khung Thượng Đế Vô Cực Đại Thiên Tôn
- Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn
- Đức A Di Đà Phật

Với quan niệm của con người, những ai sinh mình thì được gọi là Cha, Mẹ. Vì vậy, ta gọi Thượng Đế là Đức Vua Cha hay Đức Mẫu Mẹ là vậy. Riêng danh từ Mẫu Mẹ, ta phải dùng 2 tiếng Mẹ để phân biệt các vị Mẫu của Phật Giáo, của nhiều tôn giáo khác hay được thờ phượng trong dân gian.

Ngôi:

Ngôi là sự bao gồm. Người ta thường nói Thượng Đế có 3 Ngôi. Ba Ngôi đó bao gồm sự sinh hóa từ cái Không sang cái Có để rồi Hành.

*** Theo Công Giáo, 3 Ngôi đó là:**

- Cha

- Con
- Thánh Thần

* Theo Phật Giáo, 3 Ngôi (Tam Tôn) đó là:

- A Di Đà
- Quán Thế Âm
- Đại Thế Chí

* Theo Ai Cập, 3 Ngôi đó là:

- Osris
- Iris
- Horus

* Theo Bà La Môn Giáo (Hindu), 3 Ngôi đó là:

- Brahma
- Vishnou
- Shiva

* Theo Hồi Giáo (Islam), 3 Ngôi đó là:

- Ahura Mazda
- Asha
- Vohumano

*....

Vô Vi Quy Nguyên chúng ta gọi tên 3 Ngôi bằng từ diễn tả nên tính cách hoạt động của mỗi Ngôi:

- Vô Cực
- Thái Cực
- Tích Cực

Ở đây tạm lấy 3 khái niệm của Vô Vi Quy Nguyên, của Phật Giáo và của Thiên Chúa Giáo làm ý niệm cho dễ hiểu về 3 Ngôi.

Ngôi Vô Cực:

Đức Ngài dạy: “*Ngôi Vô Cực là Ngoại Càn Khôn, Vô Sắc Giới là tinh diệu tự tại thông suốt mọi lẽ Tịch Diệt Hư Vô.*”

Nói một cách khác, Ngôi Vô Cực tức là sự Vô Ngã, nghĩa là sự chuyển hóa ở cái Không. Hình ảnh của Cha hay Đức A Di Đà là biểu hiện của sự Vô Ngã.

Ngôi Thái Cực:

Đức Ngài dạy: “*Ngôi Thái Cực là Cõi Sắc Giới, là ngôi chuyển hóa của Tạo Hóa.*”

Nói một cách gần hơn, Ngôi Thái Cực tức là cái Bản Ngã, là từ cái Không đã sinh hóa thành Có. Con là hình tượng của bản ngã, như Đức Chúa Jesus là sự hiện hữu. Đức Quan Thế Âm là sự hiện hữu. Các Ngài cứu khổ, cứu nạn tức là thay đổi cái **thức** bắt nguồn từ **bản ngã**.

Ngôi Tích Cực:

Đức Ngài dạy: “*Ngôi Tích Cực là Trái Đất, Cõi Dục Giới, là chuyển vận hành động của thế gian.*”

Là sự Hành, là cái Thể giữa Vô Ngã và Bản Ngã. Làm như Thánh Thần là sự Hành: Làm việc, giúp đời,... để tiến hóa. Đức Đại Thế Chí tay cầm hoa sen để mang **chơn linh** của con người về cõi Cực Lạc, tức là đi từ cái Bản Ngã trở thành Vô Ngã.

Đức Ngài dạy: “*Ba Ngôi Thế Giới gọi là Tam Thiên; Ba Ngôi này hợp thành Ngôi Đại Thiên Thế Giới, tức cõi Đại La. Trong kinh gọi là Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới (Bala), nên Phật gọi là Đắc Nhập Như Lai Tạng.*”

Ba Ngôi là sự **kết hợp sinh hóa** từ cái Không trở thành cái Có, rồi trở về cái Không, rồi thành cái Có..., tức là sự vận hành của Thượng Đế hay gọi chung là Thượng Đế.

Con Người

Khái niệm:

Người là một trong những dòng điện lực được phát sinh từ Thượng Đế. Dòng điện lực này thích hợp với cõi phàm trần nên tích tụ thành những nguyên nhân Người hay còn gọi là Chơn Linh, Chơn Thần, Linh Hồn,... Những nguyên nhân này phối hợp với sự cấu tạo của vật chất tại cõi phàm trần nên tạo ra thành Con Người.

Hình ảnh của con người được tạo từ những chất liệu để phù hợp với cách sống tại cõi Thế.

Nguyên nhân dòng điện thích hợp với cõi Phàm Trần:

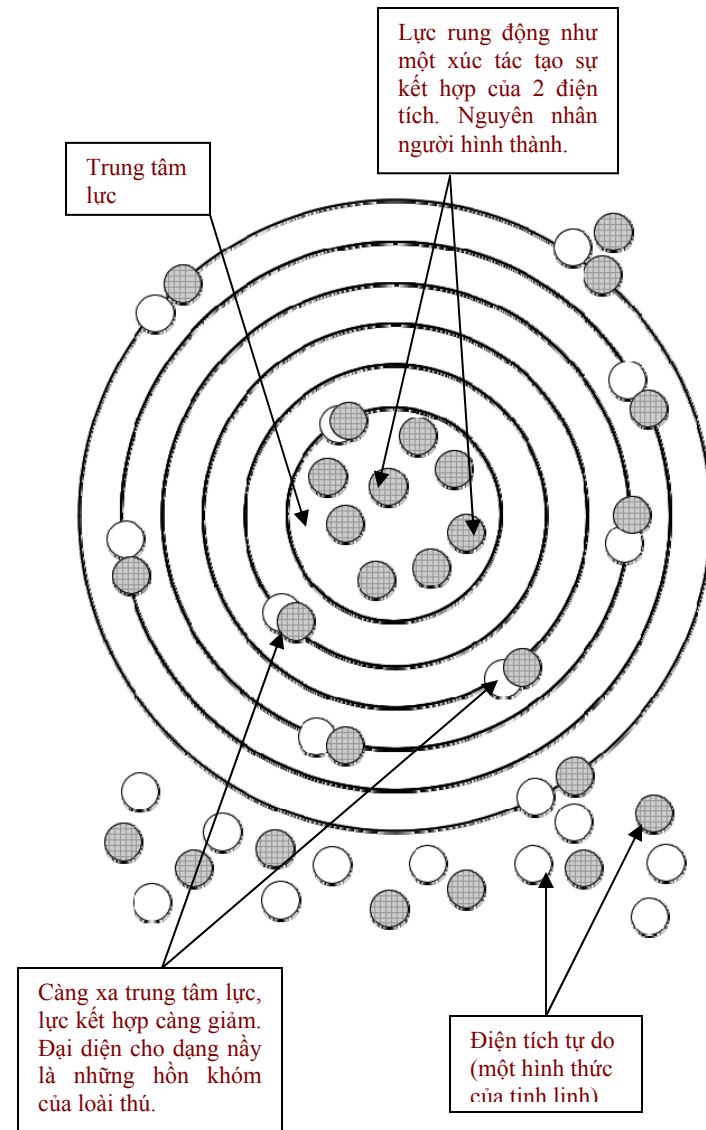
Những dòng điện đó bị nhiễm nơi bụi trần nên thích hợp với cõi phàm trần. Nếu dòng điện đó nhiễm với cõi nào khác thì dòng điện đó sẽ thích hợp với cõi đó.

Nói một cách dễ hiểu hơn là Chơn Linh của con người phạm tội, vọng động, hướng tới cõi phàm, hướng tới vật chất thì sẽ bị nhiễm nơi cõi phàm.

Dòng điện nhiễm bụi trần tác động với điện lực tại cõi phàm để cấu tạo thành những nguyên nhân người như thế nào?

Ở phần hữu vi, những vật thể từ ngoài không gian bay vào quả đất đều có những phản ứng với những môi trường của quả đất khi vừa xâm nhập như phụt cháy chẳng hạn rồi tạo thành những vật thể biến dạng với hình dáng ban đầu như bị vỡ ra hay bị oxy hóa.... Tương tự như vậy, những dòng điện có khuynh hướng nhiễm nơi trần cảnh, khi bước vào cõi phàm trần cũng bị chấn

động, chính sự chấn động này làm cho các điện tích kết hợp lại với nhau tạo thành những nguyên nhân người,....



Làm thế nào để con người trở về với Thượng Đế?

* Khi con người không còn bị nhiễm nơi cõi Phàm Trần, có nghĩa là trong tâm con người thanh tịnh không còn những vướng mắc, vọng động, trói buộc thì con người sẽ được trở về với Thượng Đế.

* Muốn tâm được thanh tịnh (có nghĩa là không còn sự vướng mắc, vọng động, trói buộc), con người cần phải **hành** đồng loạt những điều sau:

Thiền,
Lập hạnh lành,
Giữ đúng Bát Chánh Đạo (Hiếu, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Trung, Liêm, Sī), có nghĩa là làm một con người tốt.
Tu tâm sửa tánh, tức tự sửa chữa mình mỗi ngày qua những hành động, tư tưởng của mình.

Thực hiện hoàn toàn những điều trên, Điền Linh Quang của Người sẽ không còn vướng bụi hồng trần và có thể trở về hòa nhập cùng với Điền Linh Quang của Thượng Đế.

Nhiệm vụ trước mắt của con người:

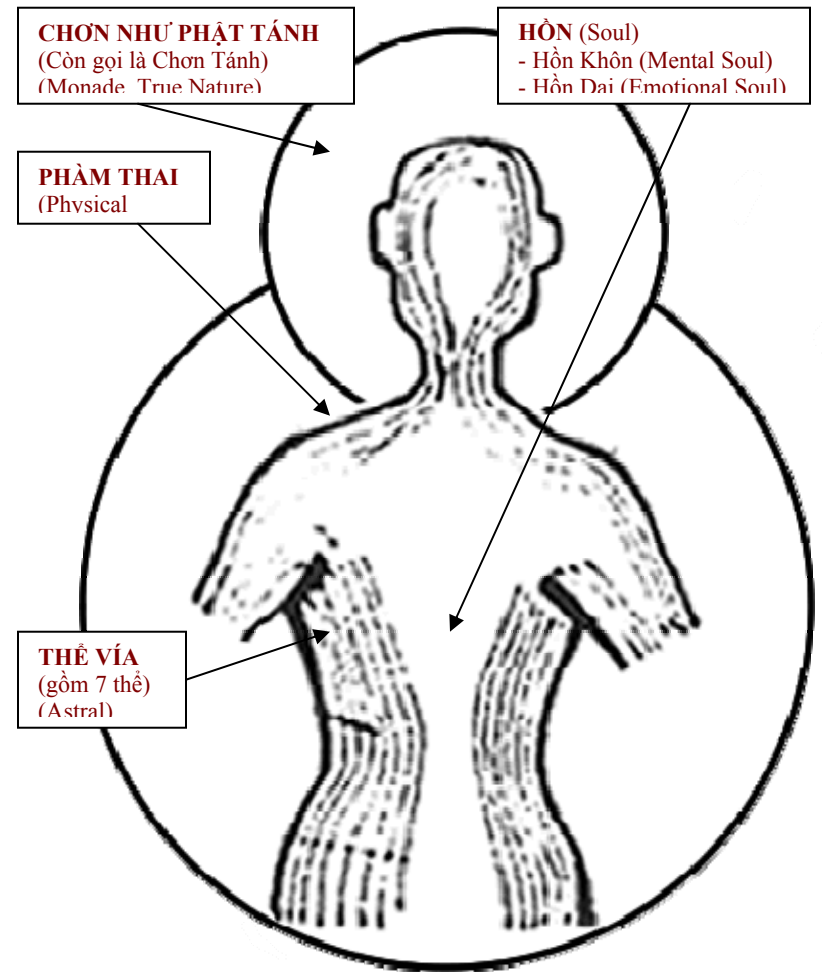
Để trở về với Thượng Đế, con người phải thực hiện đúng 4 điều trên, nhưng:

Làm thế nào để thiền đúng?
Làm thế nào để có thể lập được hạnh lành thực sự?
Làm thế nào để có thể làm đúng một con người tốt?
Con người tốt phải theo tiêu chuẩn nào?
Làm thế nào để biết rõ về mình để tự sửa mình mỗi ngày? Làm thế nào để thấy được hành động, tư tưởng của mình, biết được đâu là đúng và sai để tự sửa?

Tất cả chỉ có được khi ta thực sự bước vào tu học theo pháp Vô Vi Quy Nguyên

SƠ ĐỒ CẤU TRÚC THỂ VÍA CON NGƯỜI

THE CHART OF ASTRAL BODY STRUCTURE



THỂ VÍ, HỒN VÀ CHƠN LINH

Chơn Linh và Hồn khác nhau như thế nào?

Hồn là nguyên nhân Người kết hợp với sự cấu tạo vật chất tại cõi Thể.

Điểm Linh Quang bị nhiễm nơi Hồng Trần có khuynh hướng tiến tới Người thì gọi là Nhân Người hay Nguyên Nhân Người. Những nguyên nhân này kết hợp với sự cấu tạo vật chất nên tạo ra Hồn. Hồn là sản phẩm từ sự cấu tạo trên và tồn tại theo tiến trình sinh hóa của cuộc đất. Vì vậy, khi tận thế, ngày diệt của cuộc đất, Hồn Người cũng bị diệt theo.

Chơn Linh là phần tinh hoa của Hồn thu thập được để tiến hóa. Chơn Linh là chủ sự hoạt động của Hồn và con người. Chơn Linh ở cao hay thấp tùy vào sự thu thập, học hỏi và sự sống của Người.

Một ví dụ minh họa về Chơn Linh:

Ông A nằm mộng thấy ông B đến thăm. Hôm sau quả thật có ông B đến. Như vậy có 2 lý do ông A thấy trước như vậy.

*** Lý do 1:** Ông A có sự thanh nhẹ nên cường độ rung cảm mạnh khiến cho tâm linh của ông dễ dàng bắt được tín hiệu từ ông B.

*** Lý do 2:** Chơn Linh của ông B đã đến gặp ông A. Lý do mà ông B không biết rằng trong vô vi Chơn Linh của mình đã đến gặp ông A vì trong thời gian hiện tại, ông B chưa được sáng suốt và khai mở cho lắm để hòa cảm với Chơn Linh của mình.

**Trong trường hợp chết bất đắc kỳ tử, làm thế nào
Thế Vía biết trước được để chuẩn bị tạo thành một
bản thể mới?**

Con người do duyên nghiệp mà sinh ra. Vì vậy, trước khi sinh ra, con người đã biết trước được rằng: Thời gian để trả hết duyên nghiệp trong đời này là bao lâu. Họ sinh ra đời, sống và làm việc như một chương trình điện toán đã sắp xếp sẵn. Từ cái ăn, cái mặc, cái ý thích, sự học vấn, làm việc, bạn bè, thân thuộc... tất cả đã được sắp xếp sẵn. Bộ đầu của họ không biết nhưng tâm thức của họ biết. Vì vậy, thế vía biết được rằng xác thân sẽ chết lúc nào và chết bằng cách gì.

Sự tiến hóa của Chơn Linh:

Khi chưa tiến hóa, con người nhìn thể xác mình cho rằng: Thể xác này chính là Ta. Khi chết rồi, con người vẫn tồn tại dưới dạng khác, nhìn thể xác mình bỏ lại và cho rằng: Thể xác là một bản thể phụ thuộc, hồn ta chính là Ta. Nhưng hồn chỉ là trạng thái của Ma, vẫn bị những ảnh hưởng, những chi phối khác, vẫn chịu đau khổ, ưu buồn, muốn thoát khỏi cũng không được, muốn được đi lên cũng không được, muốn thành quả cũng không được, muốn trở về với bàn tay của Thượng Đế cũng không được.

Hồn tích lũy kinh nghiệm, tích lũy tu tập để đi lên thoát khỏi cái ảnh hưởng của Hồn (tức là Ma). Sự tích lũy ấy đã giúp cho Người tiến hóa thêm lên và họ bước ra khỏi lĩnh vực của Hồn. Từ đó, người ta thấy rằng Hồn cũng không phải là Ta. Nó bị bỏ lại như cái xác phàm mà Ta đã từng bỏ. Nó cũng là một bản thể phụ thuộc của Ta mà thôi. Ở mức độ cao hơn, người ta sẽ nhận thấy rằng: Chơn Linh mới đích thực là Ta.

Ở đây trong tập Giáo Lý Dành Cho Thiếu Nhi này, chỉ dừng lại ở mức Chơn Linh vì con người ở cõi Thế chỉ trụ

ngay mức độ này là cao nhất. Trước khi đề cập về Chơn Linh, ta cần hiểu sơ qua về mối quan hệ giữa: Người - Hồn - Chơn Linh.

- Nếu người hoàn toàn không tu học, học hỏi thì Chơn Linh của người ấy và Hồn không có khác biệt gì nhau.

- Nếu người có phần Chơn Linh cao, nghĩa là đã có nhiều đời, nhiều kiếp tích tụ kiến thức,... nhưng ở đời này do nhiều lý do người này ngu muội, không chịu trau dồi thì Chơn Linh của họ cũng không thể ứng cảm để nhắc nhở được. Khi người này lìa thế, Chơn Linh họ phải xuống bậc vì thu nhận những điểm trở ngại cho việc tiến hóa được tích tụ từ người này.

- Nếu có Chơn Linh, khi chết con người sẽ trở về hòa nhập với Chơn Linh của họ và mang theo những gì thu thập được trong kiếp sống. Từ đó, họ tự phân định được mức độ tiến hóa của họ.

- Để một Chơn Linh được tiến hóa, Chơn Linh đó thường đào thải những điểm cản trở sự tiến hóa ấy xuống thế làm người để tự học, tự gỡ những điểm kẹt của Chơn Linh.

Ví dụ: Chơn Linh của một người có điểm kẹt là sự keo kiệt, ôm đồm. Chơn Linh này sẽ đào thải điểm kẹt đó xuống thế làm người. Dù Chơn Linh là một tinh hoa của sự thông thái nhưng chỉ chuyển xuống thế làm một phạm nhân ngu muội để tự học và tự gỡ. Người ngu muội này nếu có nhiều âm đức thì sống trong cuộc sống giàu sang nhưng vì do ngu muội nên họ sẽ thất bại hoặc sống nghèo. Nhiều khi phải đợi đến nhiều đời, người phạm nhân này mới sống một cuộc sống nghèo cùng cực được. Phải nghèo cùng cực để cuối cùng người phạm nhân với cái điểm kẹt này không còn cái gì để giữ để ôm đồm nữa

và phải qua nhiều đời, nhiều kiếp sống như vậy, cái TÂM ôm đồm, keo kiệt ấy mới chấm dứt. Như vậy, sau nhiều kiếp, người phạm nhân này trở về hòa nhập cùng Chơn Linh của họ. Điểm kẹt đó được cởi bỏ, Chơn Linh được thăng tiến. Ở mức độ khác lại có những điểm trở ngại khác và những điểm này cứ lần lượt xuống trần hoặc các cõi cần thiết để học và tháo gỡ. Cứ như thế mà tiếp diễn cho đến ngày họ thành quả, có nghĩa là Chơn Linh đã trở về hòa nhập cùng Thượng Đế.

Qua ví dụ trên, ta rút ra được bài học:

- Con người phạm nhân u tối, không có nghĩa là Chơn Linh họ u tối. Có thể họ là những vị tiến hóa cao, cần phải học để gỡ những điểm kẹt nên phải ra đời dưới dạng như vậy. Như vậy, đừng nên nhìn người bằng hình tướng bề ngoài.

- Sự may mắn của các pháp hữu Vô Vi Quy Nguyên là được Thầy chỉ rõ nơi điểm kẹt của mình. Không phải lặn lội nhiều đời, nhiều kiếp dưới trần để thấy ra điểm kẹt của mình. Biết bao nhiêu nghiệp lực khác sẽ tạo ra trong quá trình nhiều đời, nhiều kiếp đó.

- Cuộc sống là quá trình học hỏi để tiến hóa.

- Kiếp trước của ông B là ông A nhưng không có nghĩa rằng kiếp sau của ông A là ông B. Vì ông B chỉ là kết tụ những điểm kẹt cần để tiến hóa của ông A và của những thân nhiều đời trước của ông A. Vì vậy, trong quá trình tu học đừng thắc mắc về kiếp trước, kiếp sau. Điều đó hoàn toàn không đúng và nói chung không cần thiết trong việc tu học.

- Trước khi ta nói đến chuyện tu lên, ta phải biết ta đang ở đâu? Từ đâu để đi lên? Đó là lý do cuốn giáo lý này đề

cập đến phần Hồn và Chơn Linh. Ta phải biết một cách rõ ràng, không sai lạc, mơ hồ.

- Muốn nói đến việc đi lên hay không, điều trước tiên ta phải trở về hòa nhập với Chơn Linh của ta, có nghĩa là Ta phải thấy được Ta.

PHẦN ĐỌC THÊM

Làm thế nào để Chơn Linh của người từ cõi này di chuyển được sang cõi khác?

Đối với các cõi từ Trung Thiên trở xuống, Chơn Linh nhờ vào sự thay đổi tầng số và cường độ của điện lực mà di chuyển. Từ Trung Thiên trở lên thì bằng phương pháp kết tụ điện lực tại cõi muốn đến đó gọi là Hóa Thân. Vì vậy, ở nhiều nơi trên thế giới, người ta cùng thấy một vị trong cùng một thời điểm. Các Hóa Thân này cũng có thể tiến vào nhân gian bằng con đường thai hóa, khi được sinh ra đời, các Hóa Thân này được gọi là Ứng Thân.

***Ghi chú:** Các từ ngữ Hóa Thân, Ứng Thân,... được tạm dùng ở đây nhằm làm tên gọi để diễn tả các trường hợp. Có thể các từ này trùng hợp với các kinh điển của các Tôn Giáo khác nhưng ý nghĩa có thể khác nhau. Phật Giáo gọi Ứng Thân ở đây bằng từ Báo Thân, là cái thân cũng chịu những nghiệp lực, quả báo,... như các chúng sanh khác. Điều này chỉ đúng với hàng Trung Thiên cấp thấp trở xuống chứ không đúng với các Chư Vị từ A La Hán trở lên. Các vị từ A La Hán trở lên khi xuống thế mang hình hài thể gian vẫn có Sinh Lão Bệnh Tử nhưng nằm ở nguyên nhân khác, không phải do nghiệp báo tác động. Vì vậy, để gọi chung chung, trong sách này chúng tôi chỉ dùng từ Ứng Thân.*

Sự khác biệt của các Ứng Thân và Chơn Linh của chúng sanh khi cả 2 đều mang xác phàm:

Mang xác phàm đều có đầy đủ các yếu tố tạo ra thể xác là: Thể Xác Vật Chất và Thể Vía. Với chúng sanh bình thường khi lìa đời không những cõi bỏ xác phàm mà còn phải tự cõi bỏ thể vía để tiến hóa. Vì vậy, nếu nhận xét kỹ, con người trước khi chết đầu là chết bất đắc kỳ tử đi nữa nét mặt của họ sẽ có thay đổi, thường là tối sầm lại. Đó là hiện tượng thể vía đã xuất ra ngoài để chuẩn bị một bản thể khác cho hồn nương vào. Còn các vị từ cõi Thượng xuống thể thì thể vía cũng sẽ tan biến theo xác phàm.

Thức

Khái niệm: Thức là cái tiếp nhận từ bên ngoài để làm sự biết cho bản thân.

Người ta có 8 Thức:

- Mắt
- Mũi
- Miệng
- Tai
- Thân
- Ý
- Mạt Na Thức
- A Lại Da Thức

Ý nghĩa của 8 Thức:

6 Thức trên gắn liền với 6 giác quan của con người. Tên của 6 Thức ấy cũng đủ diễn tả nên cái chức năng của nó.

- **Mạt Na Thức:** Còn gọi là Thức thứ 7, có chức năng chuyển tiếp như chuyển tiếp các Thức từ đời này sang đời nọ.

Ví dụ: Một người say mê âm nhạc, khi sanh vào đời khác, mặc dầu còn rất bé, người này rất thích thưởng thức âm nhạc.

- **A Lại Da Thức:** Còn gọi là Thức thứ 8, chức năng của nó là một kho tàng chứa đựng tất cả các Thức. Mọi hành động của con người làm, mọi tư tưởng của con người nghĩ từ quá khứ đều được chứa vào A Lại Da Thức của con người.

Bộ não có thực là nguồn tư tưởng của con người không? Vai trò của Bộ não khác với Tâm Thức như thế nào?

Bộ não là trung tâm tiếp nhận và xử lý nhỏ các ý thức từ tâm thức của con người đem ứng dụng vào cuộc sống. Khi con người chết, bộ não bỏ lại, con người chỉ mang theo cái thực của mình là Tâm Thức.

Tâm Thức là kết quả tổng hợp của 8 Thức kể trên. Tâm Thức là trung tâm điều khiển mọi ý thức, hành động từ quá khứ, hiện tại và tương lai của con người, là cái tư tưởng thật là con người.

Ví dụ: Trong tâm thức của một người thích về toán học chẳng hạn. Khi sinh ra đời lỡ sống vào một môi trường khác, bị ảnh hưởng theo môi trường, cũng đồng nghĩa là bộ não của họ bị ảnh hưởng theo môi trường khác. Học một ngành nghề khác, họ tưởng họ say mê vào cái ngành nghề khác này nhưng ngành nghề này rất dễ bị thay đổi sang một ngành nghề khác nữa hay một lúc nào đó họ gặp môi trường mà tâm thức của họ đang hướng về thì tự động họ sẽ xoay chiều trong cuộc sống.

Tu !

Mục đích của sự Tu:

Tu để giải thoát mà trở về với Thượng Đế.

Muốn trở về với Thượng Đế cần phải có sự **giải thoát**. Giải thoát ở đây là giải thoát sự trói buộc trong tâm thức của bản thân. Nói một cách dễ hiểu hơn là cởi những điểm kẹt trong tâm thức.

Hệ quả của sự Tu:

Khi người ta thực sự muốn trở về với Thượng Đế, tự động con người trở thành một con người toàn thiện, lành mạnh, sáng suốt.

Tu là gì?

Tu là sự sửa đổi. Sự sửa đổi này cần phải trải qua 2 mức độ:

* Mức độ 1: Sửa đổi những điều xấu thành điều tốt, hành động xấu thành hành động tốt, tư tưởng xấu thành tư tưởng tốt.

* Mức độ 2: Sửa đổi những điều xấu từ trong tâm thức thành những điều tốt. Xóa bỏ những điểm kẹt còn ẩn tàng trong tâm thức và làm cho kho tàng A Lại Da Thức trở nên hoàn hảo.

Có mấy loại Tu:

Có 2 loại Tu: Tu cho mình và Tu cho mình cho người.

* Tu cho mình: Là sự tu sửa, tìm sự giải thoát cho riêng bản thân mình.

Một người xuất gia tu trong chùa, đọc kinh, niệm Phật cho mọi người nghe, chỉ cho người nghe kinh, niệm Phật, lễ bái, thiền mà không trực chỉ nơi tâm người, không giúp chỉ người tháo gỡ những điểm kẹt trong tâm thức người hay không chỉ cho người thế nào là hành động, tư tưởng tốt cần thiết cho sự tiến bộ, thì cũng xem đây là sự tu cho mình.

* Tu cho mình, cho người: Đây mới thực là sự tu, vì ngay bước đầu đã không có sự vị kỷ được đặt làm căn bản cho sự tu. Đừng bao giờ nghĩ rằng “mình lo mình chưa xong thì làm sao lo được cho thiên hạ.” Mang tư tưởng đó làm căn bản cho sự tu học thì khó có thể có ngày thành quả được bởi vì cái căn bản đã có sự phân chia “mình” và “người”.

Hãy lấy căn bản đúng nhất cho đường tu tập là **Tu cho mình và cho người**. Không chối bỏ một duyên lành của chúng sanh nào đến với ta. Tùy duyên, tùy hoàn cảnh mà khai mở cho người. Ta biết về Thượng Đế 1 thì ta chỉ lại cho người 1. Có như thế, tâm ta mở rộng hơn một chút. Từ đó, ta có thể tiếp nhận và biết thêm đến 2, 3 hay nhiều nữa.

Sự tu cho mình, cho người không cần phải vào chùa, xuất gia,... ai cũng có thể làm được. Từ người già đến em bé, ai cũng có thể có cái tâm cho mình và cho người cả.

Đời Sống Toàn Thiện

Thế nào là lối sống phải?

Lối sống phải trước hết phải là lối sống đúng làm người. Con người khác với con thú là có sự nhân, sự nghĩa, có đạo đức, có tính kỷ luật, có sự tổ chức. Vì vậy, lối sống phải trước hết là sống theo Đạo Làm Người.

Đạo làm người có rất nhiều quan niệm sống, tùy theo phong tục, tập quán mà có lối sống khác biệt nhau. Tuy nhiên, lối sống đúng nhất mà Ông Trời mong mỗi con người có được, bản thân con người cũng vậy, ai cũng đều cảm thấy phù hợp, đó là lối sống của Bát Chánh.

Bát Chánh Đạo là gì

Đức Ngài dạy: *Hiếu, Trung, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, Liêm, Sĩ. Đây gọi là **BÁT CHÁNH PHÁP** mà người đạo đức phải gồm đủ. Người tu học phải trau dồi (Tu là sửa). Chắc là mình không giữ được trọn vẹn Bát Chánh, nhưng sửa làm sao cho tròn trong hạnh lành.*

HIẾU:

Hiếu là gì?

Hiếu là sự đáp lại cho người bề trên bằng lòng thương yêu và kính mến.

Người bề trên ở đây là Phật Trời, Thầy, Ông Bà, Cha Mẹ.

Đức Ngài dạy: *Hiếu” ở đây không phải hiếu đối với cha mẹ không mà thôi, còn hiếu với Tam Bảo nữa, vì nếu không có Phật, Trời làm sao có cha mẹ ông bà ta? Không có cha mẹ ta làm sao có ta? Vô Vi và Hữu Vi phải đi đôi với nhau như hình với bóng.*

Thế nào là Hiếu với Tam Bảo:

Hiếu với Tam Bảo là tỏ lòng thương yêu, kính trọng các Đấng Bề Trên. Sự tỏ lòng này không cần phải cầu kỳ, vì sự thương yêu, kính trọng là cái chơn thật, đơn giản, bình thường ai cũng có.

Ngoài đời có rất nhiều quan niệm về Hiếu với Bề Trên thật sai lầm. Sau đây là một vài ví dụ để minh chứng:

Ví dụ 1: Trong một sách dạy Đạo của một giáo phái có viết rằng: “Các Chư Phật đã từ bỏ ngôi vị của mình. Không lẽ các Ngài cần chúng sanh phụng thờ các Ngài sao?”.

- Các Ngài thì không cần nhưng bản thân chúng ta, phải tỏ lòng tôn thờ các Ngài. Sự tôn thờ có nhiều dạng, tùy mỗi quốc gia, tập quán có cách tôn thờ khác nhau, tuy nhiên điều cốt yếu đó là cách tỏ lòng Hiếu với Thiêng Liêng.

Ví dụ 2: Cũng trong một sách dạy Đạo của một giáo phái có viết rằng một vị Thầy của giáo phái đó xuất hồn ra ngoài thấy có nhiều ma nương theo các tượng Phật... Vì thế, vị này khuyên các tín đồ không nên lễ lạy Phật, vì khi người ta lạy Phật, người ta lạy Ma lúc nào không hay...

- Trái đất này đã tồn tại hàng tỷ năm, nơi nào lại không có ma, nơi nào lại không có âm phần? Lạy Phật, hay lễ lạy các Đấng Bề Trên, khi ấy tâm ý của người lễ hướng đến các Đấng Bề Trên. Hình tượng chỉ là cái móc để dẫn

tư tưởng người ta hướng về. Nếu con người có tiền, thì sắm tượng, ít tiền, thì sắm hình giấy còn không tiền thì lễ lạy khời khời cũng được.

Tâm ý hướng về Thiêng Liêng thể hiện qua hình hài vật chất bằng những nghi thức tôn thờ, lễ lạy. Không vì một con ma, con quỷ mà ngưng đi cái tâm hiếu kính ấy.

Ví dụ 3: Cũng trong một sách dạy đạo của một giáo phái khác có viết: “Đành rằng tất cả các tôn giáo đều được tạo bởi Thượng Đế, nhưng Thượng Đế có chấp nhận sự thờ phượng của các tôn giáo ấy không?”...

- Tình thương như một nguồn nước chảy. Nó cứ chảy và trôi đi mà không đòi hỏi dòng nước ấy chảy ngược bao giờ. Thượng Đế thương con của Người bằng một tình thương vô bờ bến. Thượng Đế không đòi hỏi những đứa con mình trả lại tình thương ấy như thế nào. Nó đối với mình như thế nào tùy vào lòng hiếu kính của nó. Sự so đo nhau, chê trách nhau về lòng hiếu kính là không đúng vì tình thương và lòng hiếu kính là sự tự nhiên không so đo hơn thiệt.

Kết Luận về sự hiếu thảo với Thiêng Liêng:

- Hiếu với Tam Bảo không phải là sự thờ phượng một cách như trả bài. Như phải đọc kinh ngày nào, ăn chay ngày nào, dâng hương mấy giờ, tế lễ lúc nào,... Cái hiếu thực sự đúng nghĩa nhất là hãy thương người bằng tình thương thực sự như Thượng Đế đã thương mình. Hãy tha thứ cho người như Ông Trên đã từng tha thứ cho mình và hãy giúp người như Thiêng Liêng đã từng giúp mình để tất cả đều trở thành người con tốt của Thượng Đế, của Tam Bảo.

Thế nào là Hiếu với Thầy:

- Thầy là người khai tâm ta, chỉ ta đường ngay nẻo chánh để tu học mà trở về với Thượng Đế.

- Thầy là vị Minh Sư hướng dẫn sự tu học của đệ tử, giúp cho đệ tử khai mở Chơn Trí, đạt đến Giác Ngộ, đạt được quả vị Thiêng Liêng, thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Ân đức ấy không có gì có thể so sánh được. Do đó, các đệ tử đối với Thầy phải hết sức tôn kính, tôn kính hơn cha mẹ mình nữa mới phải Đạo.

- Hơn nữa, khác với Thầy ở Đời, Thầy dạy Đạo là người chịu nhiều cay đắng để dẫn dắt đệ tử trở thành những bậc Thiện - Trí - Thức. Đối với Thiêng Liêng, một khi người Thầy dạy Đạo chấp nhận một người nào làm đệ tử để dạy dỗ, có nghĩa là người Thầy đó phải chịu trách nhiệm đối với Thiêng Liêng dẫn dắt cho người đệ tử mình tu học cho đến ngày thành quả. Sự tu học này có thể kéo dài làm nhiều đời, nhiều kiếp,... Người Thầy ấy phải đi theo đệ tử mình, dẫn độ nó từ Vô Vi đến Hữu Vi cho đến khi đệ tử ấy thành quả.

Ví dụ: Trong tuyển tập Ánh Sáng Mặt Pháp tập 1, có bài viết về một vị Đại Tiên dẫn độ một đệ tử đến xin Đức Ngài thọ ký. Điều này đã cho ta thấy thêm, các Thầy dạy Đạo đã theo đệ tử của mình từ đời này sang đời khác.

- Người Thầy dạy Đạo dù có lòng thương yêu đệ tử nhưng nếu lỡ dạy sai đường thì phải bị trầm luân và người Thầy dạy Đạo chưa thành quả mà trực tiếp hay gián tiếp cho đệ tử biết mình đã tu học thành quả. Vị Thầy ấy phải chịu đọa vào Vô Gián Ngục.

Ví dụ: Trong tập Bài Học Khai Tâm Công Bằng và Từ Bi của Thầy Từ Minh Đạt và Ban Biên Tập Tạp Chí Quy Nguyên có đề cập đến một phần lực bị tiền thân của cô

Vân mỗ bụng. Phần lực này chính là một giáo chủ của một pháp đạo tại Trung Đông gần 2000 năm trước và cô Vân là một trong những đệ tử của vị này.

Một người Thầy phải cưu mang nhiều nỗi khổ tâm để độ cho trò. Vì vậy, bản thân người tu học phải coi trọng sự hiểu đạo đối với Thầy ít nhất được diễn tả qua những hành động sau:

Luôn luôn tôn kính Thầy, tin phục và không ngờ vực Thầy.

Trước mắt của người học trò, Thầy dạy Đạo của mình là một hiện thân của Thiêng Liêng.

Trong tâm khi nghĩ đến Thầy là phải nghĩ đến Thầy trước mình.

Ví dụ 1: Theo lời Thầy Từ Minh Đạt kể, khi Đức Ngài sắp lìa thế, các đệ tử của Ngài ai ai cũng lập bàn hương án và nhiều đệ tử cầu nguyện với Đức Vua Cha, Mẫu Mẹ cùng Cộng Đồng các Cõi chứng tri cho Đức Ngài trụ thế lâu dài để dẫn dắt Pháp Đạo hay độ cho các đệ tử, chúng sanh còn nhiều ngu muội,...

Cách cầu nguyện đúng nhất là xin cho Đức Ngài trụ thế lâu dài để chúng con thờ phụng và phụng sự Đức Ngài. Vì cầu cho Thầy ở lại để mà chịu khổ dạy dỗ cho mình, chịu khổ làm việc tiếp,... Lời cầu nguyện ấy không nhuốm cái tình thương của mình trong đó. Chỉ cầu Thầy ở lại để hưởng sự cung phụng của đệ tử. Sự tu học, tội con sẽ cố gắng, chúng sanh ngu muội, tội con sẽ cố làm...Xin có để mà cho, chứ không phải xin có để mà hưởng. Đó là lời cầu nguyện đúng nghĩa nhất.

Ví dụ 2: Có một lần Thầy Từ Minh Đạt cùng một số đệ tử đến 1 gia đình bệnh nhân. Thầy cùng 1 số vị ngồi dưới xe không vào nhà người bệnh, Thầy thấy có chuyện không ổn cho người bệnh nên Thầy phái 1 đệ tử vào nhà

xem có chuyện gì. Người đệ tử ấy vào nhà hơn nửa tiếng sau mà không ra trình Thầy. Thầy phải phái 1 đệ tử khác vào nhà bảo người đệ tử nọ phải ra trình Thầy vì đệ Thầy đợi quá lâu. Người đệ tử này mới nói vì thấy bệnh nhân đang hấp hối nên ở lại phụ với gia đình người bệnh... Người đệ tử này đã không làm tròn sứ mạng, thấy ngoại cảnh hơn Lệnh của Thầy mình, coi tâm tư, tình cảm của mình hơn nhiệm vụ của mình đang làm. Nếu vị này xuống trình với Thầy thì biết đâu sự việc có diễn biến khác tốt đẹp hơn, vì dầu gì khả năng của đệ tử này không bằng Thầy. Thầy mình hơn Thầy đó là bất hiểu với Thầy.

Những hành động cụ thể để tỏ lòng Hiếu đối với Thầy theo Vô Vi Quy Nguyên.

Khi gặp Thầy phải xá chào, lúc xá hai tay chấp lại đưa lên trán, đầu cúi xuống. Đối với bạn đạo chỉ đưa lên tới ngực.

Trong các buổi họp mặt pháp hữu hoặc nghe Thầy giảng Pháp, đệ tử muốn trình hỏi điều gì trước phải chấp tay xá Thầy rồi mới bạch. Khi nghe Thầy chỉ dạy xong phải xá Thầy để tạ ơn. Trong khi Thầy đang nói không được ngắt ngang, người khác không được nói xen vào hay đi ngang qua trước mặt Thầy.

Trong khi đang nghe giảng hay họp bàn đạo sự, không được dọn thức ăn, thức uống cho mọi người, nếu dọn, phải dọn sẵn trước khi bắt đầu cuộc họp giảng hoặc phải đợi cho cuộc họp, giảng chấm dứt mới được dọn.

Khi Thầy đang hành lễ không được rời khỏi lễ đàn mà không có lệnh của Thầy.

Khi dự họp không được ra về trước Thầy nếu không xin phép Thầy ân xá cho.

Trong ngày đại lễ do Thầy cầu nguyện, dâng hương, thỉnh chuông cho các đệ tử lễ lạy, đến khi Thầy lễ lạy, các đệ tử phải quỳ mọp đầu xuống chớ không

lạy theo Thầy, chờ khi Thầy lễ xong đứng lên các đệ tử mới đứng lên, đợi Thầy rời đàn lễ mới rời theo. Khi Thầy trở diện phải quỳ xuống chắp tay xá Thầy, Thầy điểm xong thì xá Thầy rồi mới đứng lên. Khi được Thầy ban Bảo Pháp phải quỳ sau Thầy chắp tay lên trán. Thầy chú nguyện xong quay lại để ban thì xá và xòe 2 bàn tay ra đưa lên khỏi đầu để tiếp nhận Bảo Pháp Thầy ban trên lòng 2 bàn tay. Xong chắp tay lại xá Thầy và lễ ngôi Tam Bảo thọ nhận Pháp Bảo.

Ngày Khánh Đan của Thầy, các đệ tử qui tụ về ngôi của Thầy dâng hương cúng dường Tam Bảo và bái lễ chúc mừng Thầy, biểu lộ lòng tôn kính tri ơn.

Nếu dâng ẩm thực phải dâng cho Thầy trước tiên rồi mới đến các pháp hữu. Trên bàn tiệc, Thầy chưa thọ dụng, các đệ tử không được thọ dụng trước Thầy.

Khi đi hành, các đệ tử thấp tùng không được đi ngang hàng với Thầy, phải đi sau Thầy. Lúc vào nhà, phải đợi Thầy vào trước, lúc đi ra cũng vậy.

Khi có người khác Pháp đến vấn đạo, chưa có lệnh của Thầy không được tự ý trả lời thay Thầy.

Các đệ tử không những tôn trọng Thầy mà cả đến vật dụng của Thầy cũng phải tôn trọng. Ngai của Thầy ngôi không được ngồi lên đó. Cái vật nào của Thầy sử dụng chỉ để riêng Thầy sử dụng mà thôi.

Trên đây là những nghi thức mà các pháp hữu đã tuân thủ. Ngoài ra, còn những điều khác tự tâm tôn kính của pháp hữu biểu lộ, không thể diễn tả hết được.

Kết luận về sự Hiếu với Thầy:

Từ đó cho ta thấy rằng, vai trò của một người Thầy dạy Đạo rất lớn. Ngoài Thiêng Liêng, Thầy là một hiện hữu cao quý nhất mà chúng ta phải tôn thờ, kính trọng và hiếu lễ.

Đức Ngài dạy: *Không phải lo cho cha mẹ một chén cơm cho là Hiếu, lo cho Thầy một ly nước hay một công việc gì gọi là Công. Phải mình tâm cảm hóa lòng sanh diệt, xa lìa ngã tướng, nuôi dưỡng bản tánh, làm chủ sự hành động. Như vậy chén cơm, ly nước này trong tình thương kính mà hành đạo là thực thi được tánh trời.*

Hiếu với Cha Mẹ:

Đức Ngài dạy: *Hiếu thảo cha mẹ đứng đầu các hạnh, đó là nền tảng của người tu học. Nếu không hiếu kính, không trung, không lễ, không nghĩa, không tín, không sĩ, không liêm, ta chỉ đưa ta xuống vực thẳm của cuộc đời, sa đọa vào ngạ quỷ mà thôi.*

Không có hiếu thảo với cha mẹ dù có tu khổ hạnh đến đâu cũng không thành chánh quả được.

Sư Huynh tin rằng các chú luôn luôn hiếu kính cha mẹ, không lý do gì mà không suy tư và thực hành những lời chân thực, một hành động lành của một người cha đã một đời hy sinh cho các con.

Làm thế nào để hiếu với Cha Mẹ:

Hiếu với cha mẹ là sự thương cha mẹ. Tình thương này không được đong, được đo, được đếm. Tình thương hoàn toàn là tình thương. Có như vậy, mọi hành động hiếu thuận sẽ trọn lành một cách tự nhiên. Nhưng làm sao để tất cả mọi người bình thường rõ được cái ý niệm hiếu kính cha mẹ nếu chỉ nói bằng một cái tình thương thuần túy? Sau đây là một số hành động được gọi là tỏ lòng hiếu kính với cha mẹ.

Luôn luôn tìm cách làm cho cha mẹ vui lòng, an tâm vì con cái và an tâm vì cuộc sống.

Nhìn bớt thời giờ của bản thân mình và gia đình mình mà chăm lo cho cha mẹ.

Tạo những hạnh lành để hồi hướng về cho cha mẹ.

Cố gắng tu học để sau này có phương tiện báo hiếu cho cha mẹ.

Hướng dẫn cho cha mẹ tu học theo pháp Vô Vi Quy Nguyên để cha mẹ có phương tiện giúp tâm được an vui, thanh tịnh. Có phương tiện giúp cho cha mẹ được thoát khỏi những khổ ải của trần gian đời đời kiếp kiếp.

Đức Ngài dạy:

- *Không có Cha Mẹ là không có mình!*
- *Hiếu đứng đầu các hạnh.*
- *Hành lễ cầu nguyện, chúc thọ cha mẹ là báo đáp ơn sâu muôn một.*
- *Trước bàn hương án Phật, Trời các chủ đã cầu lễ chúc thọ cho cha mẹ được trụ thế lâu dài đến tuần cừu thập, bách thập.*

Như Đức Ngài đã dạy: “Không có cha mẹ là không có mình”. Như vậy, tình thương của ta dành cho cha mẹ phải thương hơn bản thân của mình.

Đức Ngài dạy: *Ruột cắt ruột sao nở, tay chặt tay sao đành. Các người có biết: Phật, Bồ Tát, Thánh, Tiên khi xưa là người giác ngộ, biết được cái tai hại vô ích đó, rõ được tánh mọi vật, lòng từ bi bác ái, ra tay tế độ cho kẻ phải lỗi thân xác mình, thức tỉnh bước sang bờ giác. Mong các chủ thức tâm đừng đi lầm vào Ngạ Quỷ.*

Làm thế nào để biết được mình thương cha mẹ hơn bản thân mình:

Ví dụ 1: Khi Đức Ngài lìa thế độ 3 ngày, kim thân của Ngài vẫn còn nằm trên phòng của Ngài, thân xác vẫn như người bình thường đang ngủ. Sở dĩ kim thân của Đức Ngài chưa được liệm vì Đức Thầy Từ Minh Đạt đang cầu nguyện với Thiêng Liêng cho Đức Ngài sống lại. Ôn Trên cho Đức Thầy Từ Minh Đạt thời hạn 3

ngày để biết kết quả. Ba ngày sau, Đức Thầy Từ Minh Đạt đã có mặt tại Việt Nam, Thầy xin lệnh của Ôn Trên cho Thầy biết kết quả. Lời trình cầu của Thầy được viết vào sớ. Thầy xin cho Thầy được vào Địa Ngục để đổi lại cho cha Thầy được sống. Tờ sớ của Thầy được Thầy đặt trên hai tay, Thầy quỳ xuống trước ngôi Tam Bảo kính cẩn dâng sớ lên. Lá sớ được đốt trên đôi bàn tay của Thầy. Thầy cắn răng chịu đựng cái nóng mà không phát lên một tiếng rên rĩ nào cả. Thầy nguyện bước vào địa ngục, lời cầu xin của Thầy không phải là lời nói thường tình, tùy hứng nói hay nói cho có nói mà lời cầu xin này đã chứng thực chịu đựng qua thử thách và lòng dũng cảm của Thầy, cái hiếu của Thầy có đủ để cho Thầy bước chân vào địa ngục như lời Thầy cầu xin không? Hành động của Thầy đã làm cho các cõi Trời chấn động và 2 lần trong một buổi, Đức Mẫu Mẹ, vị Chí Tôn Cao Cả đã giáng thể an ủi Thầy và chúng đệ tử. Đó là một đặc ân cao quý mà từ tạo thiên lập địa đến giờ chưa có một chúng sanh nào có được.

Ví dụ 2: Có một lần Đức Thầy Từ Minh Đạt nghe các Chư Vị báo về một chuyện không hay sẽ xảy đến cho vị đệ tử trong pháp và nhân đó Thầy muốn thử xem tình thương của học trò mình đối với cha mẹ như thế nào, Thầy bảo:

- Này em! Hai năm nữa ba của em sẽ có chuyện, em hãy cầu nguyện cho ba liền đi.
- Em không cầu nguyện!
- Tại sao vậy? Nói tâm bậy, em hãy tự phạt mình mà nói lại.
- Tự mình mà nói lại.

Thầy lập đi, lập lại nhiều lần, người học trò nhất định không tự phạt mình mà sửa lại câu nói. Thầy hỏi “Tại sao?”. Vị này trả lời rằng:

- Vì Thầy đã dạy, hiểu với cha mẹ thì hành động là chính.

Thầy nói:

- Đúng! Hiểu với cha mẹ hành động là chính, nhưng ở đây, giờ phút này khi vừa mới biết cha mẹ mình sẽ có chuyện và mình tin thực cha mẹ mình sẽ có chuyện thì phải có hành động cụ thể liền. Thầy gợi ý là cầu nguyện cho cha mẹ. Đã tin lời Thầy nói cha mẹ sẽ có chuyện tại sao không chụp cái phao liền trong thời gian hiện tại là cầu nguyện cho cha mẹ? Tình thương nếu thật có thì sẽ phát sinh liền trong tích tắc, chụp liền cái phao lúc ấy mà cầu nguyện cho cha mẹ, xong cái hành động sau đó sẽ tính những cái hành khác sau.

Đây là điểm thử tâm ý, vì vậy Thầy nói hơi chi li một chút. Hiểu với cha mẹ phải thể hiện qua hành động hàng ngày. Như bung cho cha mẹ 1 ly nước, 1 bát cơm,... nhưng hành động bung nước, bung cơm ấy cha mẹ mình có thật vui không? Hay cũng như những người con khác bung cơm, bung nước cho cha mẹ mình mà cha mẹ lại thấy vui, còn mình cũng làm như vậy mà cha mẹ không vui, thì phải xem nơi cái cách. Cái cách có được từ cái tâm thương. Thầy kêu em tự phạt một cách gấp gáp như vậy là cho em thấy, em đã sai cần phải sửa. Em không chịu tự phạt cho thấy cái bản ngã của em. Lòng thương thân em nhiều hơn thương cho cha mẹ. Nếu không tin vào lời thầy nói, 2 năm nữa cha mẹ mình có chuyện thì không nói gì. Nhưng ở đây em đã tin, mà em không chịu làm để thay đổi cái điểm sai là chuyện khác. Bây giờ, em có gần gũi cha mẹ, lo cho cha mẹ từng chút, em cũng làm cho cha mẹ phiền lòng. Không chuyện này thì cũng chuyện khác vì cái tâm của em nghĩ cho em nhiều hơn.

Cái tâm là cái tự nhiên, bất chợt mở, bất chợt phò bày một cách tự nhiên và ta nhìn tâm ta bằng sự bất chợt ấy. Có một chuyện ngày xưa, 2 cha con vào rừng đốn củi,

người cha bị hổ vồ, người con xông đến cứu cha. Cậu đánh hổ cứu cha mà trong lòng cậu không hề nghĩ rằng cậu chỉ là một cậu bé vài tuổi.

Cái tình thương là cái tự nhiên, cái lòng hiếu là cái tự nhiên cũng như cái tâm là cái tự nhiên vậy. Nó có, nó đến một cách tự nhiên không qua sự suy luận, tính toán của bản thể phạm tục.

Như vậy, để một bản thể phạm tục có được một tình thương, lòng hiếu thuận một cách tự nhiên chỉ có cách hành động mỗi ngày đến thành nhuần nhuyễn mà nhập vào tâm.

Đức Ngài dạy thêm:

Vậy đối với cha mẹ một lòng kính trọng vâng lời. Mình không thể so sánh với Bồ Tát hay các bậc Thánh Nhân. Nhưng cố gắng giữ Bát Chánh làm khuôn vàng thước ngọc, để tạo cho tâm nhuần nhuyễn, báo hiếu cha mẹ.

- Đối với cha mẹ trong lúc tuổi già khi trở về già, là trở về trẻ, thân tánh cũng như trẻ. Tương đi chậm chạp, lời nói không lớp lang. Có khi hờn giận không chừng. Mình làm con, phải hiếu cha mẹ thời bấy giờ. Đừng vì đồ mà khinh khi bất kính, tội lỗi vô cùng. Làm con phải dẫn sự nóng giận, đem hết cả tình thương dành cho cha mẹ, đem sự hiếu thảo kính dâng người, đó mới đúng. Khi thấy cha mẹ đau là con khổ, khi thấy cha mẹ lơ đãng là con sầu. Vì như thế, chúng tỏ cha mẹ mình không còn bao lâu với mình cõi thế. Đừng nóng giận, đừng hờn giận mà tội lỗi với Người với Đấng Bề Trên. Mình không thể so sánh với các bậc hiền nhân, bậc hiếu thảo. Nhưng mình cố giữ cho trọn Đạo, tạo những phương cách làm vui lòng cha mẹ lúc tuổi già.

Cha mẹ thương con bằng trời bằng biển.

*Con thương cha mẹ, con tính tháng, tính ngày.
Như vậy làm sao phải đạo làm người. Phải quên mình vì người.*

*Ta được cái sống mà không rõ cái chết, chưa phải là cái sống trường cửu. Cũng như làm con không hiểu đạo, chỉ sống hại vật chất của Tạo hóa mà thôi.
- Người con Hiểu đạo như Bồ Tát hành đạo.*

Ta thấy được mình, là bốn phận hiểu đạo đối với cha mẹ. Lễ nghĩa đối với mọi người. Đó là đạo đức, là cực lạc Niết Bàn. Không những có cha mẹ, Phật, Trời, mà Tạo Hóa, vật chất, Vũ Trụ nuôi nấng ta cũng là công ơn.

Ta sống với tất cả, ta cần phải rõ sự hư thiệt. Ta phải lấy cái tâm chơn thiệt, nhơn ái, từ bi, vị tha mà hành đạo. Ta phải giác ngộ cái chơn thiệt, xa lìa vọng ngã. Đem cái chơn tâm này đưa vào sự sống hằng ngày của ta, ta mới tròn được hiểu đạo. Ta đừng nghĩ vật chất phù hoa, cha mẹ là chướng ngại, mà ta quên mất. Cây có gốc mới nở cành sanh ngọn. Do đâu có mình? Cha mẹ cũng như gốc cây, còn mình là cành lá. Nếu ta đem đốn chặt gốc, là ta tự giết ta, ta chặt cành lá là ta tự hủy mình. Tất cả là mình.

- Nuôi nấng phụng kính cha mẹ là sự cúng dường các Chư Phật.

- Hiểu là Hạnh của Bồ Tát.

Hiếu với chúng sanh

Đức Ngài dạy: Tại sao các Bậc Bồ Tát thường bảo: “Hiếu với chúng sanh”.

- Vì các Ngài xem chúng sanh như bậc Cha Mẹ, có như vậy mới tròn đầy Bát Chánh. Có chúng sanh mới có Bồ Tát, Phật. Không chúng sanh, không Phật, không Bồ Tát. Vậy chúng sanh là cứu cánh của Bồ Tát, Phật.

Muốn có tâm Bồ Tát phải có hiếu với chúng sanh, muốn có hiếu với chúng sanh phải lấy sự hiếu kính cha mẹ làm đầu.

Nếu không có cha mẹ từ mới lọt lòng hay lỡ sống trong một môi trường không hề có tình thương, thì hãy quán tưởng về cha mẹ, tự nghiệm tình thương cha mẹ cho ta và lòng hiếu kính thương yêu của ta hướng về cha mẹ. Sự quán tưởng, tự nghiệm này cứ nhân từ tình thương nào mà ta thấy là đẹp hiện hữu chung quanh, tình của con người, tình của loài thú, tình của loài cây,... nơi đâu cũng có tình thương chan hòa, hãy ngồi nghiệm và sẽ thấy. Nghiệm được tình thương, thấy được tình thương, ta sẽ có được tình thương không chỉ cho đời này mà muôn đời sau ta sẽ có tình thương và ngược lại, nếu tâm ta thiếu vắng tình thương thì muôn đời ta sẽ sống trong hoàn cảnh thích hợp với tâm của ta là không cần đến tình thương, có nghĩa là phải sống cô độc.

Khi thấy thực được tình yêu thương với cha mẹ rồi thì từ đó mà nhân ra. Hãy để tình yêu thương này lan rộng từ từ, thương anh, thương chị, thương em, thương con, thương cháu, thương người cùng xóm, thương người đồng quê,... hãy để tình thương ấy cứ lan rộng và nuôi dưỡng nó bằng lòng từ để mỗi khi nghịch cảnh có xảy đến như gặp lại một vài trắc trở từ lòng người lừa đảo, đen bạc, ta vẫn có thể điềm nhiên tọa thị được. Tình thương của ta vẫn chan hòa, không phải vì vài người, vài chục người, vài trăm, vài ngàn người đen bạc mà ta xem cuộc đời là đen bạc, lòng người là đen bạc. Thương được cái đáng thương của con người, thương được cái cùng khổ của con người, thì cái đen bạc của con người cũng thương được. Lòng thương của ta vẫn tràn đầy không hề suy suyển.

Ví dụ 1: Nhiều người thường thắc mắc tại sao Thầy Từ Minh Đạt, xưa kia lại học châm cứu và thuốc bắc trong khi Thầy chữa trị không lấy tiền. Hơn nữa, Thầy có thể giúp bệnh bằng cách dùng Pháp Hộ Bệnh. Chuyện như thế này:

Vào khoảng năm 1975-1976, tình hình kinh tế của Việt Nam rất khó khăn. Đời sống thật khổ cực. Thức ăn, thuốc uống yếu kém. Hằng đêm, Thầy nghe tiếng bà ngoại của Thầy ho khan từng chập. Thầy nghĩ, gia đình mình ba, mẹ, ngoại, anh, em bệnh hoạn thì lấy thuốc đâu mà dùng. Chỉ có Đông Y là trị bệnh không cần thuốc men. Lúc ấy Thầy là một thiếu nhi 11, 12 tuổi nhưng Thầy đã lao vào học và nghiên cứu Đông Y. Thầy thụ huấn và tìm học với nhiều danh y đương thời như: Khương Duy Đàm, Trần Quan Nghi, Nguyễn Đồng Di,...

Từ tình thương dành cho ông bà, cha mẹ mà từ ngày hành y cho đến khi nhận lãnh trách nhiệm dẫn dắt Pháp Đạo, gần 20 năm qua, Thầy đã sử dụng Đông Y để cứu bệnh cho hàng ngàn người. Từ cái hiểu đạo dành cho cha mẹ, được nuôi dưỡng nó tự lan dần thành cái hiểu với chúng sanh một cách tự nhiên.

Theo lời Thầy Từ Minh Đạt kể, vào khoảng thời gian Thầy được 14, 15 tuổi, Thầy có làm một ca cứu cấp một nữ bệnh nhân do làm việc mệt mà ngất xỉu. Trong lúc vội vã Thầy lỡ làm phỏng chân người này. Một vết phỏng rất nhỏ và thật nhẹ. Khi người này tỉnh dậy lời đầu tiên của người này là trách cứ Thầy làm phỏng chân của họ. Thầy không phản ứng gì cả. Sự kiện đó không làm cho Thầy giảm lòng cứu bệnh cho người khác. Ngày nay, người bệnh nhân đó đã trở thành đệ tử của Thầy.

Ví dụ 2: Vào năm 1995, trong một ngày Thất thứ 5, tức 35 ngày sau, ngày Đức Ngải lìa thế. Ngày ấy cũng trùng

vào ngày vía của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Các pháp hữu cùng ngồi đọc kinh, Đức Thầy Từ Minh Đạt thì ngồi ở hàng kế cuối. Đức Ngài có trở về trong ngày hôm đó. Ngài âm thầm nói chuyện với Thầy Từ Minh Đạt trong khi các pháp hữu khác đang đọc kinh và không biết đến sự hiện diện của Đức Ngài.

Đức Ngài nói với Thầy:

- Chúng sanh nơi đây cần một người độ cho họ. Con có làm được không?

Thầy Từ Minh Đạt gật đầu. *(Sau này Thầy có kể, khi ấy Thầy gật một cách tự nhiên và không một chút thắc mắc là lúc đó Thầy không hề biết về Pháp Đạo một cách rõ rệt).* Đức Ngài nói tiếp:

- Để đủ khả năng thông suốt độ cho chúng sanh và biết mình cần phải làm những gì, những gì... con phải trải qua một cuộc đốt xác. Sau khi đốt xác, mọi đau khổ của trần thế này sẽ đổ ập lên đầu của con, con sẽ gánh chịu tất cả mà không một ai giúp cho con hết. Con phải chịu đựng một mình con. Đức Vua Cha, Đức Mẫu Mẹ cũng không giúp cho con. Nếu con chịu đựng không nổi con cầu xin với Đức Vua Cha. Đức Vua Cha chỉ giúp cho con bằng cách ngưng tạm cái khổ cho con, sau đó con sẽ phải chịu đựng tiếp tục. Đức Chúa Jesus ngày xưa, khi Ngài chịu đau khổ, Ngài có nguyện: “Lạy Cha, xin Cha hãy cất lấy chén đắng này nhưng theo ý của Cha”. Ngày nay, con có dám vì chúng sanh chấp nhận không?

Thầy Từ Minh Đạt chấp nhận. Đức Ngài vui mừng nói rằng:

- Ta rất hãnh diện vì con, con hãy đến trước Ngôi mà đánh lễ, có Đức Vua Cha đang hiện diện tại đây.

Hai tuần sau đó, nhằm ngày thất thứ bảy của Đức Ngài. Đức Ngài trở về và chính thức chọn Thầy Từ Minh Đạt làm hậu thân, kế vị Đức Ngài hoằng truyền Pháp Đạo. Đó cũng là tấm gương về cái Hạnh, Hiếu với chúng sanh.

Kết luận về đạo Hiếu:

Đức Ngài dạy: *Trong Bát Chánh được chọn: Hiếu Trung là hai điều quan trọng, người ta sinh ra ở đời phải gìn giữ. Trung với nước tổ, quê hương. Hiếu với Phật, Trời, Thầy, Cha, Mẹ.*

Người tu học phải lấy Hiếu Hạnh làm đầu, luôn luôn, trên thì hằng kính niệm các Đấng Thiêng Liêng, sửa mình noi theo gương sáng, lời nghiêm huấn để phần nào đền đáp tình thương các Ngài đã trao và chính mình cũng là ngọn đuốc cho người người noi theo. Dưới thì tôn kính các bậc trưởng thượng, cha mẹ, học hỏi điều hay, lẽ phải, chăm lo cho các vị được phần nào đầy đủ tinh thần và vật chất, nhất là giúp đỡ cho các vị ấy đi đến con đường tự sửa để thoát khổ. Hiếu còn đối với chúng sanh, vì bậc tu hạnh Bồ Tát thờ chúng sanh như cha mẹ mình, hằng lo nghĩ tương cứu giúp, tạo điều kiện cho tất cả cùng được an lành như mình. Vì nếu không có chúng sanh thì người tu học không thể có cơ hội lập hạnh, sửa mình vậy.

TRUNG:

Là Đức Hạnh chỉ sự tòng phục, tuân theo trọn vẹn, hết lòng với con đường cao cả, Đạo lý siêu nhiệm mà người tu đã được học, hiểu, thực hành và chứng nghiệm. Chúng ta chỉ đi theo con đường mà Đức Ngài đã vận chuyển để tu sửa mà thôi.

Đây còn là chữ Trung đối với Thầy, là Minh Sư đắp đường chỉ lối cho chúng ta ra khỏi vòng luân chuyển, đạt đến cảnh bất sinh bất diệt.

Người tu học không thể hai lòng. Nhờ đó mới có sự tự tu, tự sửa và tự đắc. Dù khó khăn, thử thách, ngăn ngại, gian khổ, người Trung Nghĩa không đi ngược lại, không

sống trái Đạo, nghịch với lẽ phải, với chơn lý, không phản Thầy, hại bạn.

Kết luận về hạnh Trung:

Đức Ngài dạy: *Người nào bất trung bất hiếu không có gì tự hào đứng trong trời đất nữa.*

Lễ và Nghĩa:

Lễ là cái cách tốt đẹp để đối lại.

Người thương ta, ta nhận được tình thương của người hay ta cho người tình thương của ta, thì cách nhận hay cách cho gọi là Lễ. Nếu cách nhận hay cách cho không được tốt đẹp thì gọi là thiếu lễ.

Cái nghĩa bao hàm hai yếu tố: Nhân và Đức. Nhân là lòng cho, Đức là kết quả nhận được từ lòng cho.

Sự cho, sự nhận được rồi tái bồi về lòng cho tạo nên một sợi dây nối liền gắn bó với nhau. Nghĩa anh em, nghĩa vợ chồng, nghĩa bạn bè, nghĩa đồng bào.....

Sợi dây gắn bó ấy nếu thiếu 1 trong 2 điều kiện Nhân và Đức thì không còn được gọi là nghĩa nữa.

Đức Ngài dạy: *Cung kính là nền tảng của Đạo Hạnh. Cung kính những hạng người nào là ta đã gieo những chủng tử đó vào thân.*

Người tu học hằng cung kính Phật Trời để tương lai sẽ thành Phật, cung kính Thầy, Minh Sư ở nơi ăn, chốn ở, hành động, bài giảng, vật dụng để sẽ thành quả như Thầy mình.

Lễ Nghĩa trong đời sống hằng ngày để người người noi theo. Có Lễ Nghĩa để nơi mình tự giữ Giới và đi vào Hạnh lành, là nền tảng của sự thành đạt trong tương lai.

Người tu học tạo cho mình những dáng điệu mực thước, trong cái oai nghi Đi, Đứng, Nằm, Ngồi. Lễ Nghĩa phải có để thăng tiến không sa ngã suy đồi và thoái chuyển.

Đối với kẻ dưới, ta luôn nhường nhịn, chỉ dẫn điều hay lẽ phải hợp lý đạo, để người người đều có cơ hội thăng hoa, hướng thượng và trở về nguồn cội. Đây cũng là âm đức của người tu. Không Lễ Nghĩa, không thành chánh quả.

Kết luận về hạnh Lễ và Nghĩa:

Lễ và Nghĩa là đức hạnh chỉ lòng kính trọng với bậc trên, Trời, Phật, Thầy, bậc trưởng thượng, người xung quanh và ý thức đã thọ ơn người, tìm cách báo đền ơn ấy.

TRÍ:

Là mức độ suy xét và thấu đáo sự việc. Hiểu rõ sự việc một cách tường tận và cặn kẽ.

Sự thông minh, sự biết rộng thuần túy chưa được gọi là trí. Vì vậy, để mình là người trí, cần phải tập quán xét, chiêm nghiệm tất cả những gì đến cho mình một cách rốt ráo.

Đức Ngài có dạy: *Chỉ có những kẻ còn mê muội, mắt trí không biết quý trọng thân xác cho nhau, hành phạt cái thân xác mình. Kẻ ấy đi thẳm trong hang tối. Cũng như người đui không thấy đường đi. Tự dẫn thân vào cái khổ chính do nơi mình tạo, phải chịu luân hồi quả báo.*

TÍN:

Là đức hạnh chỉ lòng tin của người tu học, không sai lệch nơi Trời, Phật, Thầy, Pháp. Đây là lòng tin chân chánh, chánh tín cũng là sự hành xử sao cho xứng đáng với lòng trông cậy của các Đấng Thiêng Liêng, mong mỗi chúng ta luôn luôn trong hạnh lành, thực thi những lời giáo hóa của Chư Phật, của Thầy.

Trong đời sống hằng ngày, người tu chữ tín luôn giữ gìn lời nói, hạnh lành sao cho đúng với sự tin tưởng của người xung quanh. Lòng tin là mẹ của công đức, đứng đầu của đạo, giúp cho con người thoát khỏi luân hồi sinh tử. Ta tin vào Pháp, tin lời Thầy, tin mình có khả năng thành đạt đạo quả vô thượng.

Ví dụ 1: Một vị pháp hữu trong khi làm lễ thọ nhận Y Báu có phát nguyện. Nguyện hoằng độ, cứu độ và dẫn độ quần sanh.... Như lời nguyện chỉ là lời nguyện, vị này không có tư tưởng dẫn độ, cảm thấy mệt mỏi trong việc dẫn dắt. Đó là sự thất tín với Thiêng Liêng.

Ví dụ 2: Cũng tương tự trong trường hợp trên, vị pháp hữu này có hướng dẫn cho người tu học. Một hôm, vị này hỏi Thầy Từ Minh Đạt về cơ ngơi của vị này mới sắm. Vị này hỏi:

- Thưa Thầy! Tôi nên đặt ngôi Tam Bảo ở nơi nào trong ngôi gia này.

Câu hỏi này cũng diễn tả nên sự bất tín với Thiêng Liêng bởi 2 lý do:

Lòng tín thành là việc đầu tiên của người tu học phải có. Là một người hướng dẫn đạo mà không biết hướng lòng tín thành của mình nơi nào thì không thể dạy đạo được dù rằng hiện tại đang dạy cho rất nhiều người, thì sự dạy này chỉ nằm ở sự dạy chứ không nằm ở sự độ.

Là người Thầy mà không chịu tự nghiệm, tự trau dồi học hỏi thêm để có đủ khả năng độ cho người. So với lời nguyện, đó cũng là sự bất tín.

Ví dụ 3: Cũng như trường hợp trên, nhưng không phải là thắc mắc đặt ngôi Tam Bảo nơi nào trong nhà mà là thắc mắc đặt ngôi Tam Bảo nơi nào trong hăng xưởng của mình có hơn 600 nhân viên. Nơi hăng xưởng này được xây trên một nơi mà người ta từng chết hàng loạt nên có rất nhiều ma. Nhiều âm phần nhập vào công nhân làm việc hàng ngày khiến cho công việc làm trì trệ. Người chủ nhân, giám đốc, quản đốc là những vị Thầy của Pháp Đạo, mỗi ngày, khi nghe báo cáo có âm phần nhập vào công nhân, các Thầy phải xuống cơ xưởng để hộ bệnh và đưa các phần lực xuất ra ngoài.

- Điều thắc mắc trên, cũng biểu hiện ở sự Bất Tín với lời nguyện của mình. Người thực có tâm độ cho chúng sanh thì phải tận dụng tất cả phương tiện, hoàn cảnh để trợ lực cho việc hoằng độ. Là một chủ nhân của cơ sở với hơn 600 nhân viên, thử hỏi có bao nhiêu người là học trò của mình, có bao nhiêu người hiểu đạo? Muốn đặt ngôi Tam Bảo trong hăng, tại sao không đặt nơi thuận tiện cho nhiều người chiêm ngưỡng. Ngôi Tam Bảo nhỏ cũng được, cũng đủ trồng một chủng tử vào nơi công nhân của mình rồi. Đó là chưa kể, mỗi khi mình hộ bệnh cho công nhân để trục các âm phần ra, tại sao không nhân cơ hội đó mà giáo hóa mọi người. Công nhân ai cũng đều thức tâm tu học, hướng thượng, làm lành thì không có vấn đề bị nhập. Với phần đời, khi công nhân hướng thiện, Thầy trò cùng hướng thiện thì mọi việc sẽ được hanh thông, công việc làm từ đó mà phát triển.

Ví dụ 4: Một người nữ bệnh nhân bị các phần lực quấy phá,... đến gặp thầy Từ Minh Đạt. Thầy hỏi người nữ này:

- Cô cần gì?

- Tôi muốn các người đó đi chỗ khác, đừng phá tôi nữa. Suốt năm nay tôi không ngủ được, tôi không làm việc gì được.

- Tại sao nó lại đến nhà phá cô mà không phá những người khác trong nhà?

- Chắc... nó thấy tôi hiền.

- Không đâu! Cô có cầu nguyện với Ông Trên xin giúp cho cô không?

- Có!

- Cô cầu nguyện như thế nào?

- Tôi cầu nguyện cho tôi được khỏe, tôi sẽ xây chùa.

- Cô có đủ khả năng và tiền bạc để xây chùa không?

- Không!

- Vậy thì làm thế nào để cô xây được chùa?

- Mai mốt có tiền rồi tính.

- Tại sao cô lại cầu nguyện và hứa những gì mà mình không thể làm được hay không có được? Cô hứa lèo à? Cô lường gạt Thiêng Liêng à? Cô xem Ông Trên là gì? Ông Trên không cần cô, không cần người ta phải xây chùa chiền,... Tiền bạc của cô, của tất cả người ở đây đều do Ông Trên cho mà. Cô cầu nguyện khơi khơi như vậy, cô coi thường Ông Trên quá. Bây giờ cô có biết tại sao các phần lực lại phá cô mà không phá người khác không? Cô thử tưởng tượng ở một lúc nào đó, cô không phải mang thân xác yếu đuối mảnh mai như vậy, mà là một người khỏe mạnh, quyền thế, tài lực,... với tâm gạt người, gạt trời, coi thường tất cả, cô sẽ hại biết bao nhiêu người. Như vậy khi tôi đuổi hết những người theo phá cô đi, cô dám bảo đảm với tôi không còn ai đến phá cô nữa không? Tôi sẽ bảo họ đi, với điều kiện cô phải là người đạo đức, tốt thiệt, lo tu tâm, dưỡng tánh. Một người có tu dưỡng thực sự, nếu ai muốn xâm phạm thì phải hỏi qua Ông Trên. Hôm nay tôi tạm giúp cho cô được an ổn trong tinh thần, về nhà cô và cả nhà phải bắt đầu lo tu dưỡng bản thân, thiện, tịnh tâm lại, tuần sau trở lại, tôi muốn

xem cô tiến bộ như thế nào. À! tại sao cô lại có ý nghĩ là xây chùa vậy?

- Tôi muốn xây chùa cho người ta tới tu.
- Cô không phải là người tu, thì lấy căn bản gì để xây chỗ cho người tu. Cô có thấy ngược đời chưa...

Ví dụ 5: (Trích bài “Làm thì làm, đừng có hứa” của Thầy Từ Minh Đạt đăng trên TCQN số 52).

....Có một lần tôi sang một tiểu bang ở miền bắc của Hoa Kỳ để giúp cho một số pháp hữu về chuyện thương mại, chuyện cuộc sống hằng ngày. Các vị đây là những người rất tốt về phần đời, biết lo tu dưỡng bản thân, giữ tròn trách nhiệm đối với gia đình, giòng họ, biết lo cho mọi người chung quanh. Khi được khá giả, thì chia xẻ cho những người khó khăn hơn mình, giúp cho Đạo Pháp có thêm phương tiện hoằng độ chúng sinh.

Tôi đã xem địa lý cho cơ sở thương mại của các vị này, chỉnh lại cuộc đất, xin lệnh để cho các Chư Vị hộ trì và chuyển lộc đến cho họ và mong rằng cơ sở này luôn phát triển, bền vững. Đó cũng là phần thưởng dành cho những người tốt.

Một bữa nọ đang ngồi, thì bỗng nhiên có một vị Thổ Thần đến cho tôi biết, lộc không được Ôn Trên chuyển vận xuống cho ngôi gia này vì gia đình đã thất tín. Thổ Thần đây là vị cai quản một ngôi chùa tại Việt Nam. Ông cho tôi biết gia chủ đó đã từng hứa xây lại một ngôi chùa ở Việt Nam nhưng mãi cho đến ngày nay các vị này vẫn chưa thực hiện vì quên.

- Nghe báo, tôi mới hỏi các pháp hữu đó rằng:
- Các vị có hứa xây chùa gì ở Việt Nam không?
 - Không!
 - Đâu! Các vị rần nhớ lại coi!
- Sau khi suy nghĩ giây lát, mắt vị này sáng lên:

- Có! Tui có hứa. Tuii thấy ở Việt Nam có ngôi chùa đổ nát, thấy tội nghiệp nên tui có nguyện nếu trúng số tui sẽ xây lại ngôi chùa.
- Rồi vị có trúng số không?
- Có! Nhưng trúng có 1 đồng hà...!
- Trúng 1 đồng cũng là trúng, không ít thì nhiều vị phải thực hiện lời hứa này...
- Nhờ Thầy nhớ dùm tui, coi tui còn hứa gì nữa không?

Kết luận về hạnh Tín:

Đức Ngài dạy: *Tín là lòng tin, đứng đầu các công đức để tạo hạnh lành, nếu các chú để mất, phạm tội rất nặng. Người tạo cho kẻ khác mất lòng tin, bị đọa vào Tam Đọa Khổ.*

LIÊM:

Là Đức Hạnh chỉ sự biết đủ, không tham, sống đơn giản. Giàu nghèo do duyên nghiệp, âm đức cá nhân. Người tu học luôn tập sống với những gì Thiêng Liêng đã chuyển đến cho mình và không tham lam của người. Biết vật chất là huyễn, không chạy theo mà quên đi việc trau dồi hạnh lành, trau chuốt viên ngọc quý nơi mình là Điểm Linh Quang của Thượng Đế. Do nơi không tham mà người tu học tự nơi mình không gieo nghiệp dữ, tự nơi mình xa lìa các ác trược, phiền não, tâm linh thời thời vô ngại, lìa xa dục nhiễm, bước vào thiền định.

Ví dụ: Một đệ tử tại tiểu bang miền bắc Hoa Kỳ. Vị này làm việc cho một ngân hàng, chồng là chủ nhân của một cơ sở sản xuất lớn. Gia đình khá giả, có chồng, có con, có cha mẹ già tưởng là hạnh phúc nhưng vị này cũng cảm thấy chưa đủ. Ngoài giờ nghỉ, vị này còn kiếm thêm nghề bán ở chợ trời. Tưởng bán để cho vui, kiếm thêm huê lợi, nhưng cái tâm người này chưa dừng ở mức độ đó, cảm thấy cần phải chụp, giật cho nhanh, cho nhiều

nên kéo theo bà mẹ già của mình ra chợ bán với mình. Đã vậy cũng chưa dứt, thấy nhiều người về Việt Nam, nguồn tiền mua vé máy bay đó lọt vào túi người khác cũng không chịu nổi nên vị này chụp thêm cái nghề là đại diện bán vé máy bay. Có thể nói vị này thành công trong đời, sắm sửa nhà cửa cho khang trang, đất tiền,... nhưng để có được một giấc ngủ yên bình trong cái nhà mà mình bỏ mồ hôi, công sức để tạo dựng thì không có được. Người chồng ngoại tình, con cái mình bấy lâu nay sống trong nhung lụa mà không được dạy bảo bằng đạo đức nay đã đến tuổi trưởng thành, thích đua đòi, chơi bời, hỗn xược với cha mẹ, ông bà, khiến cho vị này phải từ 1 trong những đứa con. Còn những đứa khác cũng đâu có tốt đẹp gì hơn. Chúng cũng bỏ nhà mà đi. Cha mẹ già thì sống đơn độc hiu quạnh và thường khóc lóc than thở cùng Thầy. Bản thân của vị này cũng vậy. Chồng ngoại tình, con xa lìa, ly tán.... Mỗi lần có chuyện đau buồn thì vị này thường than khóc với Thầy. Thầy giúp việc này, rồi việc khác sinh, giúp việc khác rồi việc nọ sinh. Nguyên nhân chính là vị này đã không sống đúng hạnh Liêm. Không chịu trui rèn mình trong tinh thần đạo đức. Những gì mình nhận cũng từ những gì mình đã làm.

Sĩ:

Là đức hạnh của người tu hiểu biết chân chính, có tư cách, có tác phong tốt, biết cư xử hợp lẽ phải, hợp lý đạo, trong đời cũng như trong đạo.

Đức Ngài dạy: *Còn "Sĩ" ở đây không phải như mọi người lầm tưởng là "Kẻ Sĩ" học trò mà chính là Sĩ Phu trong pháp đạo (Luôn luôn tâm lành, hành động lành và nghĩ lành).*

Kết luận về đời sống toàn thiện:

Đức Ngài dạy:

Muốn thành người hữu dụng, phải có đạo đức.

*Muốn sống lâu giàu bền, phải có đạo đức.
Muốn thành Tiên, Phật phải có đạo đức.
Đạo đức bao gồm cả trên lẫn dưới, từ trong ra ngoài, từ
ngoài vô trong.*

*Đức Ngài dạy thêm: Biết mình cho đời sống Đạo Đức là
phẩm hạnh tốt là làm tròn phận sự ở đời. Những tánh tốt
là một Điểm Linh Quang yên lặng ở cõi lòng thanh tịnh,
khi phát động là hạnh lành của người Đức Nhân. Phải
thành tâm tôn kính Trời, Phật, Thầy, hiếu thảo Cha Mẹ,
kính nhường người trên, yêu trẻ, bình vực kẻ yếu hèn.*

*Có sự tôn kính mới giữ được bản tánh, có thành tâm mới
cảm ứng được Trời, Phật. Ta mới nuôi được Tâm, dưỡng
được Tánh, thì nạn tai hay khổ sở ta không còn nghĩ đến.*

*Những sự tinh diệu của Vũ Trụ, cho đến sự sanh hóa con
người, lần lần được khai mở với tâm ý ở cõi lòng thanh
tịnh, thì pháp Công Phu VVQN được kết quả mỹ mãn.*

Để dứt kết thành một phương châm, Đức Ngài dạy:
*Người tu phải chịu chua cay, khổ cực để biết mình là
người **Nhẫn**.
Không gian xảo, chân thật để biết mình là người
Thiện.
Đi sâu, đi sát chuyển biến để biết mình là người **Trí**.
Bình tĩnh, can đảm để biết mình là người **Dũng**.
Tôn kính Phật, Trời, Thầy, Cha Mẹ để biết mình là
người **Hiếu**.
Giữ trọn niềm tin Phật Trời, Thầy với Pháp, với lời
ước nguyện và trọn lòng tin với người để biết mình
là người **Tín**.
Đối đãi với bạn Đời cũng như Đạo, một lòng kính
yêu giúp đỡ coi như thể tay chân mình, đó mới là
Nghĩa.*

Nhân Quả

Khái niệm:

Nhân là sự tác động, Quả là sự gặt hái được từ sự tác động đó.

Theo định luật 3 của Newton, ông phát biểu: Khi ta tác động 1 lực vào một vật thì ta sẽ nhận lại 1 lực bằng với lực đã tác động đó.

Luật Nhân Quả cũng vậy, tất cả những gì ta tác động, từ hành động, lời nói, ý nghĩ,... ta đều nhận lại kết quả giống như những gì ta đã tác động. Vì vậy, không có vấn đề Thượng Đế tạo ra số phận của con người. Tất cả định nghiệp, số mạng của con người là những mắc xích nhân quả và đều do con người tạo ra. Như một ví dụ ở trang 43 cũng diễn tả một cách rõ nét về cái lý Nhân Quả. Không có tôn kính cha mẹ thì con cái sẽ không tôn kính mình. Không sống trong tu dưỡng đạo đức thì nhận lại sự vô đạo đức và cuộc sống thiếu mất sự đạo đức. Đó là chuyện bình thường của luật Nhân Quả, không phải lỗi do ai, cũng không phải số mạng do trời an bài như vậy, mà do mình tạo ra như vậy.

Qua định luật Nhân Quả, làm thế nào để thay đổi cách sống, biến xấu thành tốt?

Đối với những Quả đã lỡ tạo nhân từ trước:

Với quả này thì những gì xảy ra phải xảy ra. Tuy nhiên ta có thể ức chế và giảm thiểu những quả xấu bằng cách:

Không tiếp tục vun bồi những quả xấu ấy nữa.

Ví dụ: Ngày xưa, khi chưa biết tu dưỡng, ta lỡ mượn nợ rồi giật tiền của người để ngày nay nhận lãnh hậu quả là

bị người kiện cáo, tù tội và khánh tận đang bị đe dọa trước mắt, thì ngay hiện tại ta không nên vun bồi quả xấu ấy nữa bằng cách đừng mang tư tưởng và hành động mượn nợ giết tiền hoặc những ý nghĩ xấu cướp của người.

Luôn giữ hành động lành, ý nghĩ lành.

Tạo nhân lành.

Tu học theo Pháp Vô Vi Quy Nguyên

Ví dụ 1: Nhiều năm trước, trước khi Thầy Từ Minh Đạt trực tiếp dẫn dắt Pháp Đạo, ở phần đời Thầy tên Châu Nhật Tân, từng là một thương gia nổi tiếng ở thương trường và còn là một chuyên viên thượng thặng về việc kinh tài của chính phủ Liên Bang Hoa Kỳ. Ông Tân từng làm việc với những hồ sơ tối mật của chính phủ mà những công việc này không được tiết lộ ra ngoài. Người tài xế của Ông lúc đó là HLT, thường tháp tùng với Ông đi các nơi để làm việc. Thường thì người tùy viên này không được các nhân viên an ninh cho vào phòng làm việc của Ông nhưng nhiều khi họ cũng cho người tùy viên này vào để mang cà phê, nước uống cho Ông. Trong những lần mang nước như vậy, người tùy viên đã lén xem những hồ sơ mật và người này đã áp dụng để làm tiền bên ngoài. Để tiến hành công việc, vị này đã kêu gọi một số người tiếp tay, một trong số người tiếp tay ấy có một nhân viên là đại diện thương mại của ông Tân. Người nhân viên này lại rủ ngược với ông Tân để tham gia làm ăn. Công việc bại lộ, HLT bị ông Tân cho thôi việc. Một thời gian không lâu sau đó, cơ quan an ninh của chính quyền gọi đến ông Tân thơ mời đến ty cảnh sát để điều tra một sự việc mà họ không tiết lộ cho biết là sự việc gì. Ông liền họp ban giám đốc của Chau Modern Products lại bàn thảo sự việc và ai cũng quyết đoán có lẽ từ chuyện của HLT. Có lẽ người này đã ăn cắp tài liệu của chính phủ hay mang danh nghĩa công ty và làm việc gì sai bên ngoài nên ảnh hưởng đến ông.

Bên cạnh vai trò một thương gia, ông Châu Nhật Tân còn là một nhà tử vi và lý số nổi tiếng đương thời. Ông mới lấy tử vi của mình ra xem thì thấy rằng số Ông bị ở tù trong một thời gian cả năm trời. Ông mới hội thảo với các pháp hữu giỏi về lý số thời đó thì ai cũng quyết đoán là Ông sẽ bị vào tù. Tuy nhiên, đến ngày hẹn với cảnh sát, thì cảnh sát chỉ hỏi Ông về chi tiết của chiếc xe mà Ông bị mất cắp. Không có vấn đề tù tội hay quan trọng gì. Vài ngày sau trên đường công tác, người lái xe của Ông mệt nên ngủ gật, Ông mới bảo đề xe cho Ông lái, vừa lái xe được 5 phút thì cảnh sát chặn xe lại nói Ông lái quá tốc độ. Khi hỏi bằng lái thì lúc đó Ông không có bằng lái nên bị nhốt vào khám 1 tiếng.

Từ số mệnh phải vào tù cả năm trời nay chỉ đổi thành một tiếng đồng hồ đó, cũng là nhờ ông Châu Nhật Tân từng hành thiện, từng tu học theo pháp Vô Vi Quy Nguyên nên cách số đã được giải.

Ví dụ 2: Ông Châu Nhật Tân trong thời gian mới sang Mỹ, khi còn là một sinh viên. Một buổi sáng, khi chuẩn bị rời nhà để đến trường Ông xá chào ngôi Tam Bảo thì hai ngọn đèn trên ngôi Tam Bảo chợt tắt. Ông tới đưng thử vào đèn thì đèn cháy lại. Ông cảm thấy có điều gì không an nên mới tự xem tử vi cho mình. Ông thấy, hôm ấy có các sao đại hao và tiểu hao nhập hạn. Ông nghĩ; “Mình không có tiền thì hao cái nổi gì”. Gạt chuyện lo âu sang một bên, Ông đi ra xe để đến trường. Nhưng đề mãi mà xe không nổ máy nên ông mới mượn tạm xe của người hàng xóm. Vừa rời khỏi nhà chừng vài phút thì ông bị tai nạn xe cộ. Xe vừa mượn đã bị nát tan. Dầu không có tiền, ông cũng phải chạy kiếm đủ tiền để trả nợ chiếc xe. Rất may nhờ ông là người tu học, từng lập hạnh lành nên dầu trong hoàn cảnh khó khăn, không tiền cũng có nhiều người giúp đỡ ông. Cuối cùng ông cũng có đủ tiền để trả nợ chiếc xe.

Chuẩn bị một định số tốt đẹp trong tương lai:

Từ sự thông suốt định luật Nhân Quả, áp dụng nó mà chuẩn bị cho bản thân một số mệnh tốt đẹp bằng cách tạo những nhân lành để trong tương lai sẽ gặt hái được quả lành.

Những nhân lành được xem là cao quý nhất

Chuyên tâm tu học theo Pháp Vô Vi Quy Nguyên.

Hướng dẫn cho chúng sanh cùng tu học như mình, hoặc hướng dẫn họ tạo hạnh lành để tương lai được đến con đường Đạo Pháp.

Kết Luận:

Luật Nhân Quả là một định luật tự nhiên mà khoa học ngày nay đã chứng minh.

Muốn điều tốt đến thì phải làm điều tốt. Gặp điều xấu đến cho mình thì phải biết ngay mình đã làm điều không phải, từ đó nên chỉnh lại hướng sống, hướng suy nghĩ. Không một việc gì xảy đến một cách vô lý cả mà luôn có nguyên nhân của nó.

Luân Hồi

Khái Niệm:

Luân Hồi là dây chuyền của sự sanh tử. Nghĩa là sanh ra rồi chết đi, rồi sinh ra nữa, rồi chết đi,... cứ như vậy tiếp diễn. Luân hồi là chuyện tự nhiên, không còn là chuyện tin hay không tin nữa. Thế giới đã chứng minh được điều này.

Qua định luật chuyển hóa năng lượng của Newton cũng đã chứng minh được điều này. Năng lượng không hề mất đi mà chỉ có sự chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác và cứ tiếp diễn.

Tại sao nói sự luân hồi là sự khổ?

Mỗi một cuộc đời được sinh ra là sự khổ. Có thể xác là có sự đau ốm là sự khổ, sống giàu phải lo giữ của, không sống được một cuộc sống bình thường khác, giàu nên không lo nghĩ về ăn mặc nên con người sẽ buôn thả theo những tánh xấu thường tình, gia đình mất hạnh phúc,... đó cũng là sự khổ; nghèo phải lo toan đó là sự khổ; gặp gỡ rồi chia lìa đó là sự khổ; không được toại lòng mong muốn đó là sự khổ; người sống kẻ chết đó là sự khổ,...

Nói chung, từ lúc sinh ra đời con người phải trải qua rất nhiều sự khổ. Lại còn phải sinh đi sinh lại và chịu thêm nhiều lần đau khổ khác.

Thấy được điểm ấy người ta mới thấy rằng: Luân hồi là dây chuyền của sự khổ, ta phải thay đổi nó, phải đi ra khỏi cái vòng luân hồi sinh tử ấy. Chỉ có một con đường duy nhất là Tu.

Vô Vi Quy Nguyên Pháp là Pháp giúp cho con người ra khỏi sự khổ. Dầu sống trong cõi thế hay bước ra ngoài cõi thế, nơi nào người tu học theo Vô Vi Quy Nguyên Pháp cũng thấy được sự an bình.

Tại sao con người phải bị luân hồi? Sau khi chết nếu ta không muốn bị luân hồi có được không?

- Như đã nói ở phần quả báo. Ta đã tác động một lực thì phải nhận lại cái phản lực bằng với lực tác động ấy. Mang một bản thể vật chất, trong quá trình sống ta đã tác động bao nhiêu lực? Lực ấy phải quay lại. Bản thể sống là sự cấu tạo tạm thời không tồn tại vĩnh viễn nên con người phải chết. Vì vậy, con người phải mang những bản thể vật chất ấy nhiều lần nữa để nhận đầy đủ những phản lực mà mình đã tác động.

- Ta không muốn bị luân hồi cũng không được, vì con người bình thường bị ảnh hưởng và chi phối bởi những hấp dẫn lực chung quanh. Con người không đủ lực để vượt qua nên luôn bị lôi kéo, cuốn hút.

Ví dụ: Tại sao ta có những người này là cha mẹ, anh em,... tại sao có nhiều khi cha mẹ không hòa thuận với con cái, anh em ở chung nhà mà không hòa thuận với nhau. Trong lúc ấy, nếu không là gia đình ta nhất quyết sẽ không chọn những người tánh nết giống như vậy làm bạn. Ta không rõ những lý do tại sao ta làm anh em, làm bà con,... với họ cũng đồng nghĩa là ta đã bị lôi kéo vào những hấp dẫn lực khác. Các hấp dẫn lực này gọi chung bằng cái tên là Nghiệp Lực.

Vô Vi Quy Nguyên Pháp sẽ giúp cho con người thay đổi, giảm thiểu và tiêu trừ nghiệp lực. Quá trình thay đổi này không cần phải trải qua nhiều đời, nhiều kiếp mà trong đời sống hiện tại ta có thể thực hiện được.

Nếu phải luân hồi, con người ta có chọn được định số cho mình hay hoàn cảnh sống cho mình được không?

Bạn có thể tự ra đường nhận đại một đứa nhỏ nào làm con của mình, mang nó về nhà và chăm lo như một đứa con thực sự được không? Em có thể ra đường nhận đại một ai làm cha mẹ mình xem họ thực như cha mẹ mình được không? Hãy tự nghiệm ta sẽ thấy chắc chắn là rất khó làm được công việc ấy. Cũng tương tự không ai chịu mang thai, nặng nề, đau đớn cho một người lạ rồi sinh họ làm con, rồi dưỡng nuôi, rồi chăm lo mọi thứ, rồi đau khổ vì họ. Không ai chịu làm công việc ấy, vì vậy một người muốn sanh lại, phải phối hợp đầy đủ các nhân duyên như:

Phải có người làm cha mẹ, anh em, bè bạn, thầy dạy, bà con....

Phải có tiền bạc, thức ăn, thức uống, quần áo, nhu cầu cho cả một đời sống, việc làm...

Phải phối hợp tất cả những thứ thì một người mới sanh ra đời như người có vai trò làm cha và người có vai trò làm mẹ phải sống cùng trong một thời đại và trong đời họ phải có cơ hội gặp nhau,... Thời gian trung bình để các yếu tố cần thiết cho một đời sống mới hiện diện phải mất 1200 năm.

Tất cả những yếu tố trên đều do mình tạo ra từ quá khứ. Vì vậy ta có thể nói định số, cuộc sống của mình không phải do Thượng Đế an bài mà do mình tạo ra cho mình, tự mình tạo, tự mình nhận. Khi đau khổ thì đừng oán trách Thượng Đế.

Hệ Quả:

Qua sự Luân Hồi Sinh Tử, những điều ta học được là:

- Sự luân hồi sinh tử là chuỗi dài của sự khổ, ta phải vượt qua nó, thoát khỏi vòng kiểm tỏa của nó.

- Phải mất trung bình 1200 năm mới có được một bản thể. Vì vậy, dầu bản thể ấy là sự khổ nhưng nó cũng là cái vốn quý vì rất khó khăn mới có được nó và nó cũng là phương tiện cho ta trau dồi học hỏi để thành quả là thoát khỏi sự khổ.

Kết Luận:

Đã mang thân làm người thì đừng phung phí nó. Cố gắng tu học! Chỉ có Vô Vi Quy Nguyên Pháp giúp cho ta xử dụng đúng cái vốn quý này để thoát vòng luân hồi sinh tử và tìm được Thiên Đàng dầu ta đang ở vào bất cứ cõi nào như Địa Ngục hay Trần Gian.

Điển Quang

Khái niệm:

Điển Quang là ý niệm tổng hợp: Cường Độ, Ánh Sáng, Năng Lượng, Tầng Số, Rung Cảm.

Ví dụ: Một người nói, khi ngồi thiền tôi cảm thấy một luồng xung động chạy rần rần trên khắp châu thân của tôi, đó chính là điển quang. Hay có người nói bỗng dưng tôi thấy nhiều bóng trắng nhỏ bay chập chờn trước ánh mắt của tôi, đó cũng là điển quang. Hoặc có người nói khi đang hành lễ, tôi cảm thấy sau lưng tôi một luồng khí nóng bóng hừng hực ra ngoài, đó cũng là điển quang.... Nói chung, điển quang là một khái niệm không có sự đồng nhất bởi vì người ta chỉ nhận được điển quang qua sự cảm nhận. Có cảm, có ứng và mức độ cảm nhận khác nhau nên dòng điển có biến dạng khác nhau.

Đại đa số con người chỉ cảm nhận được dòng điển bằng hình thức cảm nhận của thân thể vật chất như : Nóng, Lạnh, Rung Động,.... Khi người ta tu học, mức độ của con người thanh nhẹ hơn lên, từ đó sẽ khiến cho người ta có thể cảm nhận được dòng điển có tính cách chi li hơn và mức độ cảm nhận được dòng điển cao nhất là cảm nhận điển quang từ cõi Trung Thiên trở xuống. Trên nữa thì nhận biết không qua sự nhận biết bình thường, không còn dùng phương tiện của thế gian để đối chiếu. Vì vậy, sẽ không có việc 1 vị Phật, 1 vị Bồ Tát hoặc các hàng tiên chúng cõi cao nhập vào xác của một người phàm nhân.

Vũ Trụ Quan

Khái niệm:

Bên ngoài trái đất (Earth) mà ta đang ở còn có rất nhiều thế giới (World). Mỗi thế giới có chất chứa nhiều cõi (Realm). Trong bài Vũ Trụ Quan này chỉ viết về khái niệm, sự diễn giải chi tiết chỉ dành cho các Huynh Trưởng tại Học Viện Vô Vi Quy Nguyên.

Thế Giới:

Có tất cả 3000 đại thiên thế giới (Great million worlds set).

Mỗi Thái Dương Hệ bao gồm nhiều hành tinh (planet).

Cứ mỗi Thái Dương Hệ là 1 tiểu thế giới (Small world).

1000 tiểu thế giới là 1 tiểu thiên thế giới (Small million worlds set).

1000 tiểu thiên thế giới là 1 trung thiên thế giới (Medium million worlds set).

1000 trung thiên thế giới là 1 đại thiên thế giới.

Cõi:

Mỗi thế giới có nhiều cõi chồng chất và xen kẽ trong thế giới ấy. Ví dụ như trên trái đất có người, có ma, có quỷ, có tiên,... Thông thường mỗi thế giới có 9 tầng cõi giới khác nhau. Mỗi tầng cõi được cấu tạo bằng các loại điển lực khác nhau. Mỗi tầng cõi có nhiều tầng cao thấp khác nhau cũng được kết cấu bằng điển lực khác nhau. Nhiều thế giới, nhiều cõi, nhiều tầng tập trung nhau lại như một hệ thống kim tự tháp khổng lồ hay đúng hơn tương tự như một quả núi khổng lồ. Trong các kinh điển của Phật Giáo, quả núi này được gọi là Tu Di Sơn. Thái Dương

Hệ của hành tinh chúng ta chỉ nằm ở một góc cực nhỏ dưới chân của Tu Di Sơn. Chúng sanh tùy vào điển lực được kết cấu mà tiến hóa theo các tầng khác nhau.

SƠ ĐỒ CẤU TRÚC CỦA CÁC CỖI

THE CHART OF THE UNIVERSAL STRUCTURE

CỖI TỐI ĐẠI NIẾT BÀN

(Nơi Thượng Đế vận hành)

CỖI ĐẠI NIẾT BÀN

CỖI NIẾT BÀN

(kingdom of Atmique)

(Nirvada, còn gọi là cõi Huệ)

CỖI BỒ ĐỀ

(Intutional Kingdom)

CỖI THƯỢNG GIỚI (Mental Planet, cõi Trí)

(Gồm 2 phần, Thượng Thiên và Trung Thiên)

THƯỢNG THIÊN

(Superior Mental Realm)

* Tầng 3: _____

* Tầng 2: _____

* Tầng 1: _____

TRUNG THIÊN

(Inferior Mental Realm)

(Còn gọi Thiên Đàng)

đây)

* Tầng 4: _____

* Tầng 3: _____

* Tầng 2: ____ (ALaHán thường trụ tại

* Tầng 1: _____

CỖI TRUNG GIỚI

(Emotional Realm)

(Astral Planet)

* Tầng 7: _____

* Tầng 6: _____

* Tầng 5: _____

* Tầng 4: _____

* Tầng 3: _____

* Tầng 2: _____

* Tầng 1: _____

CỖI HẠ GIỚI (Phàm Trần, Physical world)

Thiên Ma

Khái niệm:

Thiên Ma, Ma, Quỷ có thật và hiện hữu ở ngoài đời. Riêng Thiên Ma (Satan) có mặt ở khắp các cõi có chúng sanh tồn tại.

Thiên Ma hoạt động như thế nào, có thể làm hại con người được không?

Thiên Ma làm chủ tâm vọng động của con người và nương theo cái tâm vọng động đó mà thi thố.

Ví dụ 1: Một người làm việc ngoài đời không chịu trui rèn tay nghề, không thích bỏ sức ra làm việc đàng hoàng chỉ mong chóng xong bằng cách đi công hậu, chui lòn, giấu giếm, làm việc không quang minh chính đại,... những người đó cũng được quyền tu như mọi người khác. Nhưng một lúc nào đó khi người này muốn tu, Thiên Ma sẽ vận dụng từ tâm thích sự không quang minh chính đại đó khiến cho người này tu theo những pháp có vẻ như “gọn nhẹ”, đỡ tốn công sức, chỉ ngồi niệm vài tiếng là thành quả,... mà chỉ những bản môn tả đạo mới có cách như vậy. Tu thành mà không cần phải bỏ sức.

Ví dụ 2: Một người có cuộc sống keo kiệt, rách rưới. Cho người cũng không dám cho, sợ hao tổn tiền bạc. Thương người cũng không dám thương, sợ hao tổn tình thương. Những người này cũng được quyền tu như những người khác, nhưng một lúc nào đó khi người này muốn tu, Thiên Ma sẽ vận dụng từ tâm rách rưới, keo kiệt đó khiến cho người này gặp Pháp Môn tu luyện để tạo ra một cái gì đó như tạo điền, tạo năng lượng,... và

giữ bo bo cái mình tạo ra. Họ sợ gặp người bệnh, người chết, vì sợ bị hút mất điện, mất công năng luyện tập của họ, dầu người bệnh, người chết ấy là thân nhân của họ. Họ luôn thấy mệt, mất điện, mỗi khi đến những nơi như bệnh viện và nhà quàng. Họ không hề nhận ra rằng họ là người tập luyện mà còn tệ hơn cả người phạm tục như những y tá trong bệnh viện và những nhân viên nhà quàng. Những người này làm việc mà không mệt và mất tinh thần như họ. Chung quanh họ, ai cũng là tà đạo, mỗi khi họ “cảm” thấy “điên” của họ bị “rút” khi nói chuyện với người khác. Thực sự họ không có bị rút điên bởi vì họ có điên đâu mà bị rút. Cái cảm giác mệt, yếu, tưởng như bị mất năng lượng là do tâm ý keo kiệt của họ mà ra. Một người bình thường lỗ mất 100 đồng, họ tiếc rồi thôi. Nhưng một người rít róng lỗ làm mất 1 xu, họ sẽ tiếc đến đứt ruột.

Ồ đời họ làm tiền, giữ bo bo tiền không cho một ai. Khi đi tu, họ sẽ được chuyển đến những Pháp Đạo tạo điên,.. rồi cũng giữ bo bo cái điên,... của mình. Coi lại cũng không khác chi người đời, cũng không phải là sự tu.

Tưởng là tu nhưng thực sự không phải là tu đó là cái dụng của Thiên Ma nương vào cái tâm sân có của người phạm.

Ví dụ 3: Hai nước đánh nhau vì nước này thấy chủ quyền của mình bị xâm phạm, nước nọ thì thấy nước kia khinh thị mình hay nước này thấy mình là thượng đẳng và thấy người là hạ đẳng hay nước kia có tinh thần quốc gia cao độ, đất nước mình phải được phát dương quang đại,... thế là chiến tranh ai vì nước ấy. Ai cũng thấy mình đang ở vào một lẽ phải, ai cũng thấy mình có chính nghĩa... Thế thì chiến tranh do đâu mà ra? Do sự xúi dục của Thiên Ma? Cũng đúng mà cũng sai. Thiên Ma thực sự có xúi giục con người gây chiến tranh giết chóc với

nhau và sự xúi giục này dựa vào cái tâm phân biệt, ích kỷ của con người mà tác động, chỉ thích mình hơn người, ăn trên, ngồi trước người...

Nếu người ta không có tâm vọng động thì Thiên Ma sẽ không thi thố được quyền phép.

Nếu nói Thiên Ma hại người thì không hẳn như vậy mà phải nói, trước hết người ta đã có mong tâm để cho Thiên Ma lợi dụng.

Vì vậy, để không bị Ma Chướng, người ta phải sống với hành động, tư tưởng đạo đức làm căn bản. Kế đó, nâng mức sống và hiểu biết của mình cao hơn dưới sự dẫn dắt của Vô Vi Quy Nguyên để cái hiểu, cái đạo đức của mình luôn được dẫn đúng và được chỉ rõ mỗi khi có thử thách để tiến hóa mà ra khỏi những chuyện vận của Ma Chướng.

Thiên Ma là ai? Tao sao Thượng Đế lại tạo ra Thiên Ma?

Thiên Ma không phải là một loài Ma Quỷ như người ta lầm tưởng. Thiên Ma thực ra là một chức vụ do Thượng Đế cất đặt các Chư Thiên hành xử. Nhiệm vụ của Thiên Ma là kiểm soát những cái Tâm vọng động, những cái Tà Kiến của chúng sanh. Thiên Ma còn có vai trò là môi trường thử thách sự tiến bộ và mức độ thành tâm của muôn loài khi hướng về Thượng Đế. Qua khó khăn, khổ ải, thử thách triền miên sẽ biết được lòng người.

Tại sao Thiên Ma có thể xưng là Phật, là Thượng Đế mà không bị trừng trị?

Ài cũng biết rằng Thiên Ma thường xưng là Phật, là Bề Trên, là Thượng Đế mà bao đời nay rồi chuyện này vẫn tiếp diễn. Tại Sao Thượng Đế không trừng trị chúng? Tại sao Thượng Đế lại để chúng gạt người như vậy? Chỉ

một lý do đơn giản là Thiên Ma có cái lý của nó. Nó hành xử đúng theo cương vị của nó. Nó xưng nó là Thượng Đế, chính là Thượng Đế trong lòng những người tin nó là Thượng Đế. Tại sao lại có người tin nó là Thượng Đế mà người khác lại không? Những người tin nó là những người không thấy cái thật của Thượng Đế hay nói cách khác hơn là không chịu nhìn đời, nhìn người, nhìn mình bằng cái Thật. Luôn có sự tà niệm, bóp méo vì vậy khi nhìn về Thượng Đế, thì với họ Thượng Đế và Ma không có gì khác biệt cả.

Ví dụ: Khi biết trong nhà ta ở có Ma Quỷ. Có người thì cầu nguyện Ôn Trên cho các loại ma này được siêu thoát, thoát kiếp làm Ma. Giúp cho họ được cơ hội tu học để họ được tiến hóa... Nhưng có người lại khác, họ sợ ma, sợ hơn cái sự tin tưởng vào Thiêng Liêng đang che chở họ, sợ ma hơn cái lòng tin rằng có Ôn Trên hộ trì cho người ngay. Như vậy, trong tâm những người đó đã thấy ma hơn Thượng Đế rồi. Còn tệ hơn nữa là có người khi biết trong nhà có ma thì cầu xin con ma ấy giúp mình toại nguyện những đòi hỏi tầm thường như tiền bạc, tình dục,... Với những loại người như vậy họ có xem Thiên Ma là Thượng Đế cũng là chuyện bình thường và Thiên Ma xưng là Thượng Đế của họ cũng không gì là lạ.

Ngoài ra, cái lý khác của Thiên Ma khi xưng mình là Thượng Đế có nghĩa nó là Thượng Đế thuộc cái cõi của nó. Nó tạo dựng muôn loài trong cái cõi của nó. Mặc dầu muôn loài này và cả cái cõi này đều được tạo dựng từ Đức Vua Cha Cao Cả.

Thiên Ma có cái lý của nó, chỉ tại con người nhìn lệch mà thôi. Đó là lý do nó không bị Thượng Đế trừng phạt. Nó chỉ bị trừng phạt một khi nó đi xa ngoài chức năng của nó.

Giới Động Vật

Sự tiến hóa của loài thú:

Thú có hồn khóm nên khác xa với người. Vì vậy, người không thể thành thú, tuy nhiên, có một vài trường hợp đặc biệt.

Những trường hợp loài người phải mang kiếp thú:

Con người mang tâm thức của loài thú, thích sống theo thú tính, buông thả mình không kiểm soát, để dục vọng tăng trưởng theo thú tánh thì dòng điện của người ấy sẽ thích hợp với loại thú có thú tánh tương tự. Vì người có tánh như vậy, thì sống trong hoàn cảnh như vậy nên tánh thú mới được thích hợp.

Ví dụ: Người có thú tánh như loài chó chẳng hạn. Tánh thú ấy không thể chấp nhận trong xã hội loài người. Như thích hãm hiếp người là hiếp,... xã hội loài người không chấp nhận được. Cộng thêm cái tánh ích kỷ, bo bo giữ của,... hợp với cái tánh giữ của con chó....Cộng hưởng tất cả các tánh trên, tự động con người này sẽ chọn thác sanh làm con chó. Có làm con chó, tánh của người này mới thoải mái phát sinh được.

Con người thích ăn mặc, trang điểm như loài thú, như xỏ mũi, xỏ mắt, mang nanh giả,..sẽ tạo tâm ý hướng gần đến loài thú và từ từ thích hợp với loài thú. Khi chết, tâm thức đi theo cái mình thích mà cái người ấy thích chỉ loài thú mới có nên tự động phải thoát sanh làm loài thú.

Con người có lỗi nặng và bị trừng phạt nên phải mang kiếp thú. Trường hợp này rất ít khi xảy ra.

Hồn khóm là gì?

Là tổng hợp tất cả các phân tử hồn của các con thú cùng loại với nhau gọi là hồn khóm.

Sự tiến hóa của con thú, là sự tiến hóa của tổng hợp hồn khóm. Con thú không có hồn riêng cho cá nhân của nó.

Ví dụ: Một con chó tên là Lucky. Khi còn sống thì nó có cả thân xác của con chó và hồn của nó. Nhưng khi chết, thể xác bỏ lại, hồn của nó trở về hòa nhập cùng với hồn của đồng loại nó, tất cả trộn lẫn vào nhau không còn sự riêng biệt của cá nhân con chó nào cả. Hồn của con chó Lucky thực sự đã không còn tồn tại. Cái khối trộn lẫn với nhau đó gọi là hồn khóm.

Sự tiến hóa của hồn khóm:

Đối với con thú thì phải nói là sự tiến hóa của hồn khóm chứ không phải là sự tiến hóa của con thú.

Khi con thú chết, nó trở về với hồn khóm của nó và mang theo sự học hỏi của nó, kinh nghiệm của nó trộn lẫn vào sự học hỏi của đồng loại để tất cả cùng học hỏi kinh nghiệm. Từ những sự học hỏi kinh nghiệm này, khi các phân tử của hồn vì nhân duyên nào đó đầu thai trở lại xuống nhân gian, con thú sẽ có nhiều kinh nghiệm hơn và dễ thích hợp với hoàn cảnh sống của nó hơn.

Tuy nhiên, trong quá trình tiến hóa, hồn khóm của con thú cũng như chơn linh của con người cũng qua quá trình đào thải, thanh lọc và thử thách để tiến hóa.

Ví dụ: Một con chó được chủ nhân là người nuôi chiều, thương yêu, khi trở về khóm của nó, nó mang theo sự thương yêu gói gắm từ loài người mà truyền đạt cho đồng loại để đồng loại cũng đều cảm nhận rằng, từ con người, loài chó được thương yêu và học hỏi. Tuy nhiên, một con chó khác bị người làm thịt, nó mang về sự ác tâm của loài người chia xẻ cùng đồng loại,... các

kinh nghiệm mang về trên được chia xẻ để cùng thông suốt và cũng có thể sẽ khiến ra sự phân hóa để tách ra làm những hồn khóm khác biệt, mà mỗi hồn khóm ấy có hướng đi riêng. Một con chó đến từ khóm căm ghét loài người tự dung nó sẽ không hợp với loài người. Có thể nó sẽ sanh vào loài chó mà loài người không thích để tâm nó có thể phù hợp với hoàn cảnh đối chọi với người. Hoặc nó sẽ sanh làm loài chó hoang. Còn con chó đến từ khóm muốn học hỏi từ loài người thì chúng sẽ sanh trong hoàn cảnh được người dạy bảo. Tuy nhiên, trường hợp nào cũng có sự đột biến, thay đổi và hồn khóm của con thú phải trải qua hàng triệu năm mới được tiến hóa lên một mức khả quan hơn.

Đó là một ví dụ thật là nhỏ, người tu cứ nhìn mà quán nghiệm. Không phải tự dung một con thú có hình hài như vậy, ở chỗ như vậy, hoàn cảnh sống như vậy. Nó cũng chịu chung những định luật tác động lên con người trên con đường tiến hóa như: Luật Nhân Quả, Luân Hồi,... Chỉ khác ở một điểm là con người tiến hóa tùy theo cá nhân nhưng con thú thì tiến hóa tùy theo cả nhóm.

Con người lỡ mang lớp thú, khi chết về đâu?

Con người mang lớp thú, khi chết không trở về với hồn khóm của loài thú mà vẫn giữ nguyên linh hồn của loài người. Sau bài học trải qua, người mang lớp thú ấy phải nghiệm mà thấu triệt. Sự thấu triệt có được không phải đợi khi con thú chết mới có được mà nó phải có từ lúc con thú ấy còn sống.

Sự thấu triệt sẽ chuyển đổi tâm ý của con người mang lớp thú ấy trở về với bản chất Người hơn. Với bản chất Người ấy, nếu sinh lại, linh hồn sẽ đầu thai vào con người.

Ngoài ra, có trường hợp đặc biệt là các Pháp Hữu Vô Vi Quy Nguyên được Thầy ban Lệnh Pháp có thể chuyển Lệnh để loài thú thoát sanh khỏi kiếp cầm thú.

Con thú có tu được không? Và ta có thể độ cho con thú được không?

Cũng như con người, con thú cũng cần sự tu học để tiến hóa.

*** Đối với con thú không sống chung với loài người:**

Với loài thú này thì có các Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Thiên độ cho chúng hoặc các loài Quỷ Tiên, Âm Thần, những loài thú tu học thành quả hướng dẫn cho chúng.

*** Đối với con thú sống chung với loài người:**

Với con thú này thì con người nên lấy căn bản là tánh Thiện của con người mà dạy chúng. Vì từ Thiện Định ta mới thấy được điểm kẹt của chúng, nguyên nhân chúng mang kiếp thú và phải làm kiếp thú mà không là một tiến hóa cao như người chẳng hạn. Hãy xem thú tánh của nó nổi lên lúc nào, nguyên nhân mà tìm biện pháp diệt cái thú tánh đó. Điểm kẹt của con thú này khi được cởi bỏ, có nghĩa là con thú hay hồn khóm của nó, cả nhóm sẽ được lên một bậc.

Ví dụ 1: Các con thú có căn duyên đến được với Thầy Từ Minh Đạt hoặc được mua về từ các chợ sát sinh mà phóng sanh và nuôi dưỡng tại khuôn viên của Đại Hùng Linh Điện, như chó, rùa, thỏ, cá,... đều được Thầy và các pháp hữu tại đây chú ý và hướng dẫn.

Ví dụ 2: Có nhiều người khoe rằng con thú của họ biết lạy Phật, biết Thiện,... họ cho là con thú của họ biết tu. Thực sự con thú biết lạy Phật, biết thiện là con thú đang làm xiếc. Cái tu của con thú là cởi bỏ cái điểm kẹt của nó. Nếu không tin, con chó của các vị biết lạy Phật mà

quý vị cho là nó đang tu, thì quý vị cứ lấy cục xương dẻo thành tượng Phật mà cho nó xem nó có ăn không.

Một phương thức khác để độ cho con thú:

Là trồng nhân lành vào hồn khóm của loài thú đó. Sự trồng nhân lành này rất đơn giản mà ai cũng có thể làm được là mang tình thương cho loài thú. Phóng sanh loài thú khi nó bị nguy cơ đuổi, giết. Loài thú có giác linh rất cao và nhạy. Nó sẽ mang theo nó cái tình thương mà ta gợi gắm, cái lòng tri ơn của nó trở về với hồn khóm của nó và tất cả loài thú của nó sẽ cảm nhận. Vì vậy, đừng nghĩ rằng khi ta phóng sinh cho 1 con chim đang bị giam cầm là ta chỉ độ, chỉ tạo duyên lành cho con chim ấy mà công việc ta đã làm là đã độ và đã tạo duyên lành cho vô lượng loài chim rồi đó. Hành động ấy cứ tiếp diễn để sau này sự cảm nhận của loài ấy càng nhiều, sự cảm nhận về lòng từ bi càng tăng, từ đó loài thú ấy cũng được bước vào cửa Pháp như bất kỳ một người nào khác. Nó cũng là con của Thượng Đế và nó cũng có quyền được trở về với Thượng Đế.

Loài thú có trở thành người không?

Loài người tiến hóa hơn loài thú, nên quá trình tiến hóa của loài thú sẽ diễn qua mức độ gần giống như người nhưng ở khía cạnh khác. Tuy nhiên, tùy ở nhóm thú, nếu nó có khuynh hướng tiến tới người, do nhiều nguyên nhân như thích loài người, thích học với người, chịu nhiều ân huệ của loài người thì nhóm thú ấy sẽ có ngày tiến hóa và hòa nhập vào xã hội loài người.

Ví dụ 1: Nhiều người sống ở thời nay có cách như thú tính là do ở 2 trường hợp. Một, là do con người có khuynh hướng mang tính thú. Hai, là do loài thú mới tiến hóa thành người.

Ví dụ 2: Tại Ngòi ở Northridge của Thầy Từ Minh Đạt khi xưa có vị đệ tử tuổi đời còn rất trẻ tên là Nguyễn Trung Hảo. Vị này sau khi được phóng thích từ tù ra thì ở chung với Thầy. Đây có thể nói là một con người hiền lành và đần độn. Em chỉ học đến lớp 3 và bị người đời lợi dụng để bước vào đường tù tội thế cho họ. Khổ nỗi là em lại thích ở tù. Vì với em, ở tù không phải lo ăn, lo mặc. Về ở với Thầy, vì tánh của em là không biết động não nên Thầy chỉ dạy cho em những phương thức mà em tự tập để thành thói quen mà thôi. Nhà của Thầy lúc đó có 1 cửa sổ, cửa sổ này có màn che và cái màn này giống như song sắt của nhà tù. Vì vậy, mỗi ngày em Hảo thường ngồi trước cái màn này mà nhìn ra ngoài đường. Kể cả khi em làm việc phụ Thầy cũng vậy. Em thường mang đồ đến trước cái màn này ngồi làm việc và nhìn ra đường. Thầy có giải thích với mọi người, ngày xưa em là một loại chim lồng mà Đức Ngài có lần phóng sanh. Em đã được cởi bỏ lớp thú mà tiến hóa. Đời này em học đến lớp 3, có muốn kêu em học tiếp cũng không được. Nhưng đời kế, đời kế nữa, từ từ trình độ tri thức sẽ mở mang hơn. Hiện tại ta cố dạy được lúc nào hay lúc ấy, mở được lúc nào hay lúc ấy. Miễn là người ta có tiến theo căn cơ, thời gian cũng không cần gấp rút.

Sự luân hồi sinh tử của loài thú diễn ra như thế nào?

Mặc dầu là tồn tại dưới dạng hồn khóm nhưng vẫn chịu ảnh hưởng của luật luân hồi sinh tử chi phối. Những phân tử trong khóm cũng tùy theo nghiệp duyên mà phối hợp và thoát sanh.

Tinh Linh:

Là sự kết hợp diện tích của mức độ thú không đồng bộ, không cân bằng nên thành một loài gọi là Tinh Linh. Loài Tinh Linh cũng có những quy luật như loài thú nhưng ở mức độ thấp hơn.

Giới Thực Vật:

Cũng tương tự như loài thú và Tinh Linh nhưng mức độ thấp hơn nữa.

Trong khuôn khổ của tập giáo lý này không cần thiết lắm trong việc tu học, nên Ban Giáo Huấn không đi vào cận kề, chỉ nêu lên nhằm cung cấp thêm kiến thức cho pháp hữu.

Tận Thế

Khái niệm:

Những gì được cấu tạo bằng vật đều phải qua quy luật có sanh tất phải có sự hủy diệt. Một món đồ dầu tốt đến đâu đi nữa, cũng có ngày nó bị hủy diệt. Trái đất cũng vậy, cũng có ngày trái đất này bị hủy diệt và ngày hủy diệt của trái đất gọi là ngày tận thế. Chuyện tận thế là chuyện đương nhiên mà người tu học không cần phải bận tâm.

Tại sao ta lại cần biết về sự tận thế?

Biết về sự tận thế không phải để chất chứa thêm sự lo âu mà để chuẩn bị cho sự việc khi xảy ra. Ta sẽ về đâu? Người sẽ về đâu? Sự chuẩn bị của ta và người như thế nào?

Ai cũng chết, ai cũng biết đều đó nhưng tại sao khi nói về cái chết của sự tận thế, trong tâm người ta lại sợ hơn bất kỳ những cái chết bình thường khác? Một người chiến binh có thể xông pha trong hàng tên mũi đạn, dám xả bỏ thân mình, xem cái chết như không, thế nhưng khi nghĩ đến tận thế thì trong tâm có sự sợ? Một em bé cũng vậy, khi tuổi đời còn thật nhỏ, nếu ta nói về tận thế em bé ấy sẽ sợ,... Một cái gì đó ám ảnh vào tâm thức của người lớn, trẻ em nỗi sợ về tận thế?

Muốn thấy cái gì thắc chặc trong tâm thức con người niềm sợ hãi ấy, ta hãy xem tận thế diễn ra như thế nào.

Tận thế diễn ra như thế nào?

Rất nhiều sách vở kinh điển nói về tận thế. Nào là động đất, đại hồng thủy, lửa trong lòng đất phun ra, các hành tinh khác va chạm vào cuộc đất,...

Những sự kể trên chỉ mô tả một phần bề ngoài của tận thể, nếu người ta có chết vì những mô tả trên, chỉ là một cái chết bình thường như một người chiến binh lăn xả vào cuộc chiến. Cái chết cũng không đáng ngại, không phải là cái chính để ám ảnh vào tiềm thức con người.

Cái chính là sự chấn động về điện lực, sự rung chuyển này không những khiến cho thể xác con người bị tan mà còn khiến cho phần hồn của con người bị nát ra như vi trần nữa.

Con người đã bao lần chết, trải qua đời này kiếp nọ con người đã thay biết bao là xác thân. Mất một xác thân, đối với tâm linh con người không bị ảnh hưởng chi lắm. Phần hồn của họ còn tồn tại, họ còn có những xác thân khác tiếp nối. Nhưng sự rung động của ngày tận thế sẽ làm tan nát tất cả các phần hồn. Đó là cái ấn tượng mạnh ăn sâu vào tâm thức của con người, họ mang cái tâm thức ấy đi theo khi sinh ra đời. Vì thế, nghĩ về tận thế họ sợ là vậy.

Hồn bị tan nát thành vi trần nhỏ li ti như hạt bụi trộn lẫn với những hạt bụi khác hòa vào không gian. Năng lượng của linh hồn chuyển hóa thành năng lượng của những hạt bụi. Các hạt bụi này rải rác tìm nhau, góp nhặt với nhau để chuyển hóa thành hồn trở lại. Quá trình góp nhặt phải mất tối thiểu 7000 năm.

Khi hồn được kết tụ trở lại, họ sống lơ lửng trong không gian cho đến khi nào có một cuộc đất mới, thích hợp cho cái hồn của vật chất nương vào thì họ sẽ được chuyển hóa đến đó. Một loài sinh vật mới ăn lông ở lỗ bắt đầu, mở ra một thời kỳ mới. Cứ như thế loài sinh vật ấy tiếp diễn, họ tiến hóa rồi những đợt còn sót lại không tiến hóa được, họ sẽ đón chờ đến những lần tận thế tiếp và tiếp nữa,...

Các âm phần khi bị phạt, bị sấm sét đánh trúng, họ cũng bị tan ra như những vi trần như trên.

Sự chuẩn bị cho ngày tận thế:

Như ta đã nói cái đáng ngại của ngày tận thế là sự chấn động điện lực mạnh mà những chúng sanh chưa tiến hóa được còn kẹt lại cuộc đất này phải gánh chịu.

Những chúng sanh đã được tiến hóa, các vị ấy đã có nơi để mà đến. Chúng sanh chưa tiến hóa dù muốn đến những nơi này cũng không được vì điển quang của họ không thích hợp được dòng điện của các cõi khác. Vì thế, việc đầu tiên để có những dòng thanh điển thích hợp người ta phải bắt đầu nâng cao mức độ tiến hóa của tâm linh mình bằng cách chuyên cần trong công phu và tu học.

Chuyên cần trong công phu và tu học là phương thức gội rửa phàm tánh của mình. Thay đổi những tánh phàm trong công việc hành xử hằng ngày và thể vào đó bằng tư tưởng và hành xử mở rộng hơn. Sự mở rộng ấy sẽ khiến cho tâm linh của con người mở rộng, luồng tiên thiên khí sẽ lừa vào theo sự rộng mở tâm linh ấy. Điển quang tức là tiên thiên khí đến với con người nhiều ít tùy vào tâm của con người mở ra nhiều ít. Mức độ của điển quang đến tức là mức độ của sự tiến hóa.

Khác với nhiều người lầm tưởng là sự trau dồi và tích lũy điển quang càng nhiều thì mức độ tiến hóa của họ càng cao. Đó là tư tưởng sai vì mức độ của điển quang chỉ tùy thuộc vào mức độ của sự tiến hóa mà sự tiến hóa tức là sự khai mở của tâm linh.

Sự tiến hóa của con người phải cần đến hàng triệu năm. Vậy trong thời kỳ cuối cùng này, con người có

đủ thời gian để tu luyện và thoát khỏi cuộc sàng xảy của tạo hóa hay không?

Muốn thực sự muốn tu tập, con người vẫn còn đủ thời gian để gội rửa mà tiến hóa và qua được cuộc sàng lọc của tạo hóa là nhờ ở sự Đại Ân Xá của Thiêng Liêng.

Đại ân xá trong thời kỳ mạt pháp là gì? Đại Ân Xá diễn ra như thế nào?

Con người thực sự muốn được tu học và gội rửa trong thời Mạt Pháp đều không sợ trễ nếu thực tâm tu học theo Pháp Vô Vi Quy Nguyên. Pháp Vô Vi Quy Nguyên là chìa khóa mà Thượng Đế đã chuyển vận cho tất cả chúng sanh, các Pháp, các Tôn Giáo dùng để rút ngắn thời gian tu luyện. Đó là sự Ân Xá lớn cho chúng sanh trong thời Mạt Pháp. Các Pháp Bảo mà chúng đệ tử Vô Vi Quy Nguyên có đã được chuyển vận từ cõi Thượng nhằm trợ lực sự tu hành cho hành giả và là dòng điện bảo vệ cho hành giả khi có sự chấn động về điện lực xảy ra.

Hội Long Hoa

Khái niệm:

Đức Ngài dạy ngày 26 tháng 2 năm 1984:

Mỗi người là một cánh hoa, phải hợp tất cả các cánh hoa đó đầy đủ thì mới thành cái Hội Long Hoa được. Kết hợp chưa đủ thì chưa có Hội Long Hoa được.

Không có một ông Tiên hay ông Phật nào mà xuống làm được việc đó. Phải tất cả các ông Phật, ông Tiên hợp lại thành những cánh hoa mới thành được Hội Long Hoa.

Cái Hội Long Hoa không phải là trừu tượng mà Hội Long Hoa phải thị hiện, hiện tiền để kết hợp thành một cái hoa gọi là Hội Long Hoa.

Ở trên vô vi đã có nhưng ở hữu vi chưa có tại vì còn thiếu, còn gom, còn góp lại cho đầy đủ số lượng đó mới kết tụ thành một cái hoa được, mới có Hội Long Hoa, chứ không phải đương nhiên mà có Hội Long Hoa.

Lợi ích khi có Hội Long Hoa:

Hội Long Hoa là kết quả của quá trình Chọn Lọc, Đào Thái, Phán Xét mà người đời chỉ hiểu một phần nhỏ là ngày phán xét.

Khi quá trình chọn lọc, đào thải, phán xét xảy ra và kết thúc thì thế giới sẽ là thế giới của sự trong sạch nhất, tốt đẹp nhất, thanh bình nhất. Con người không cần phải tìm một thiên đàng ở đâu xa mà thế giới của ta sẽ không khác gì một thiên đàng trên trần thế.

Con người sẽ được ấm no, không bệnh tật, tuổi thọ tăng trưởng, gia đình đê huê, người người an lạc...đó không

còn là điều khó khăn để có vì đó là chuyện tự nhiên của một thế giới tốt đẹp.

Ở phần Chơn Linh, sau ngày Hội Long Hoa bế mạc, thế giới vật chất dầu có bị tan biến, con người trong thế giới ấy không bị tan biến theo vì những chấn động của điện lực. Vì con người lúc ấy mang tư tưởng, tâm linh tốt đẹp và hướng thượng hòa đồng, hoặc cộng hưởng, hoặc phù hợp với Thượng Đế nên điện lực của tất cả có tính hướng lên trên ra khỏi sự chấn động của những dòng điện vật chất. Vì thế, Chơn Linh của con người không bị diệt như những phần hồn vương bận vào cuộc đất khác.

Các Chơn Linh hướng thượng ấy sẽ được chuyển hóa đến cuộc đất khác và sống tiếp tục cuộc sống an nhàn, hạnh phúc nơi đó.

Từ đó, cho ta thấy sau khi Long Hoa Hội bế mạc, cuộc sống của con người dù có phải ở nơi đâu hay dầu có tận thế cũng không có gì đáng ngại. Tất cả đều luôn ở trong cảnh thiên đàng an nhiên, hạnh phúc.

Vì vậy, Long Hoa Hội rất cần thiết để khai mở. Đó là hạnh phúc chung của bản thân, gia đình và nhân loại.

Điều kiện để có Hội Long Hoa:

Đức Ngài dạy:

Chưa có Hội Long Hoa ở hữu vi tại vì thế giới chưa có Đại Đồng. Muốn thế giới đại đồng thì mọi người đều phải Đức Hạnh, phải Đức Hạnh hết thảy 100% thì mới kết hợp lại, mới Đại Đồng được, còn nếu không thì làm sao thế giới Đại Đồng được.

Thế giới Đại Đồng là mọi người cũng như một, một ý tứ, một ý niệm, một khái niệm về tư tưởng và đạo đức của

con người kết hợp lại thành một khối, nếu còn chia rẽ là không thể có Đại Đồng được đâu.

Hội Long Hoa khai mở sớm hay muộn là cũng do nơi mình mà thôi chứ không phải do ông Trời, ông Tiên hay ông Phật gì hết.

Nhiều người nói Hội Long Hoa khai mở nhưng không biết khai mở bằng cách nào? Làm sao để mà biết rằng Hội Long Hoa khai mở? Hay chỉ nghe suông, đọc kinh kệ nói là Hội Long Hoa khai mở, mở làm sao? Để cái quả thế nào, cái hoa thế nào thì mới được? Mặc dầu ở trên đã Hội rồi, đã định rồi, nhưng từ đó còn chuyển vận xuống dưới này. Sư Huỳnh thường nói rằng từ cõi Trên mà chuyển vận xuống cõi dưới này là còn mấy trăm năm nữa kia mà. Một ngày ở cõi Thiên là mấy trăm năm trên cõi thế. Do đó, từ trên đó xuống dưới đây là phải chia ra từng giới, từng giới để mà tạo hạnh đức con người của mỗi người, mỗi giới khác nhau, kết hợp thành một cánh hoa. Mỗi một giới có một cánh hoa như vậy thì gộp lại mới có Hội Long Hoa được. Rồi xong rồi đàng hoàng mới ở trong thế giới Đại Đồng.

Thế giới Đại Đồng là đạo đức của con người. Nếu tất cả đều đạo đức là thế giới Đại Đồng, là Hội Long Hoa, là thiên đàng tại thế. Nếu còn những cảnh tiên vi tiên thì đương nhiên cứ vậy, cứ vậy hoài, bởi vậy mới chết, con người của mình sẽ chết dài dài, chừng nào chết sạch hết lớp đó rồi thì cái hoa mới khai mở được. Không có lâu đâu.

Mỗi con người của mình là một ông Tiên, ông Phật, mỗi người là một cánh hoa, kết hợp các cánh hoa đó lại thì Hội Long Hoa mới có được.

Tóm lại, cho ta thấy một điểm then chốt để có Long Hoa Hội là, THẾ GIỚI ĐẠI ĐỒNG!

Làm thế nào để Thế Giới Đại Đồng?

Trước hết là phải không phân biệt. Các đệ tử phải ngay từ bây giờ tập cái tánh không phân biệt để làm hành trang trong cuộc sống và để cảm hóa chúng sanh. Muốn có tánh không phân biệt thì phải tập mình có tình thương, có sự sống bình dị, cởi mở, dễ dãi. Mặc dầu mình có riêng cả một phương thức, đường lối để làm việc nhưng phải chấp nhận những sự hiểu khác của chúng sanh. Tùy những sự hiểu đó sẽ giúp cho ta hòa đồng được họ và từ từ chinh họ theo đúng đường hướng. Kế là lấy cái Tâm mình làm chánh trong mọi việc hành xử để mọi công việc làm của mình không nhuốm sự cân, đo, đong, đếm thường tình của thế gian mà thành sai biệt. Sau đây là những ví dụ minh họa về sự phân biệt, không phân biệt và lấy tâm mình làm chánh.

Ví dụ 1: Sự phân biệt.

Một pháp hữu nọ trong tâm luôn thấy chúng sanh khổ, tội cho họ và muốn họ thoát khổ bằng cách giúp cho họ tu học nhưng khi hướng dẫn cho ai cũng vậy, ai cũng lánh mặt kể cả người thân trong nhà. Vị này giận mà thường trách rằng: “Tu dễ quá mà sao làm không được, thấy chúng sanh khổ, dạy cho họ niệm Phật, lẩn chuỗi và Thiền để họ không còn khổ nhưng không ai nghe cả. Tôi thấy khổ cho họ quá”.

Thầy Từ Minh Đạt trả lời:

- Vị thấy họ khổ, nhưng trong tâm họ không thấy họ khổ thì sao?

Vị này cất lời:

- Có chứ! Có người bệnh, tôi thấy họ khóc.

- Họ khóc vì họ đau chứ họ không thấy khổ. Nếu họ thực thấy khổ, đang thấy mình chơi vui giữa dòng nước thì dầu cái lá của vị đang cầm trong tay, họ cũng cầu xin vị

ném ra cái lá để họ chụp lấy mà không bị chết chìm. Trí họ thấy đau nhưng trong tâm họ không thấy sự khổ hay trong đầu họ nghĩ họ khổ nhưng trong tâm họ không thấy sự khổ thì sao? Vị khổ giúp cho người ta, vị là người khổ, vị đến cùng người không khổ và bảo họ rằng “niệm Phật đi, cầu nguyện đi, tu đi,... để hết khổ” là thế nào?

Tưởng người là ta, tưởng ta là người, không thấy được chỗ đứng đó cũng phát xuất từ cái tâm phân biệt.

Ví dụ 2: Sự phân biệt.

Một vị pháp hữu có tâm muốn xây dựng một Linh Điện để phụng thờ các Đấng Chí Tôn và cho chúng sanh có nơi để tu học. Một hôm vị này bắt gặp 1 bức tượng đồng của 1 vị có 4 cánh tay, thấy đẹp, vị này mua tượng ấy về thờ. Hôm khác thấy tượng người đầu voi, cũng thỉnh về thờ và thờ được nhiều năm. Một hôm vị này biết được lịch sử và thân thế những vị của các tượng, vị này phát giận và nói với thầy Từ Minh Đạt rằng:

- Tôi mới biết được những bức tượng của tôi đang có là Thần nên tôi đã mang cho bà kia....
- Tại sao vị mang đi cho?
- Tại vì đó là Thần, tôi không thích thần, tôi chỉ thờ Phật.
- Tại sao vị lại cho bà kia?
- Vì bà thờ Thần, thích về Thần.
- Tại sao vị lại cho người ta cái mà vị không thích?
- ?????
- Mình là người tu học nên làm cái gì tốt đẹp. Nếu cho, thì cho những gì mà mình nghĩ nó là tốt đẹp nhất. Vị muốn xây dựng một Linh Điện phải không?
- Phải!
- Mà Linh Điện là nhà của chúng sanh phải không?
- Phải!
- Chúng sanh bao gồm người, ma, quỷ, thần,... phải không?

-Phải!

- Những người mình thương, mình ghét cũng là chúng sanh phải không?

-.....

- Cái nhà mà mình có sự phân biệt, không cho chúng sanh vào, như vậy có còn gọi là cái nhà của chúng sanh nữa không? Ý muốn xây dựng Linh Điện cần phải coi lại. Xây dựng để chi? Để làm cái gì? Nó có thực là cái nhà cho chúng sanh không?

Ví dụ 3: Sự không phân biệt.

Một lần Thầy Từ Minh Đạt nhận 1 số đệ tử từ các tôn giáo khác, Thầy vẫn đứng trước ngôi thờ của các tôn giáo đó mà thọ ký và ban chuỗi cho đệ tử.

Có một lần, một đại đệ tử của một tôn giáo lớn đến xin tu học với Thầy Từ Minh Đạt. Ngay trong ngày hôm đó vị giáo chủ của tôn giáo ấy đang sống ở một quốc gia khác biết được, đã vận dụng thần thông thị hiện đến ngôi của Thầy ở Northridge nhưng vị này vào nhà không được và bị đánh bật ra ngoài. Vị này chỉ còn biết đứng ở ngoài cổng mà kêu gào:

- Tại sao tôi chỉ có 1 căn nhà mà cướp của tôi?

Phần chơn linh của vị này đứng ngoài cửa mà la hét như vậy. Thầy Từ Minh Đạt bước ra ngoài. Thầy ôn tồn nói rằng:

- Vị hãy nghe đây! Tôi đến đây từ cái Không, tôi sẽ trở về với cái Không. Những cái gì của vị là của vị. Vĩnh Viễn là của vị. Nhưng vị nên nhớ rằng, sau này ngày phán xét, không phải các bậc Giáo Chủ trình lên Thượng Đế rằng họ đã độ được bao nhiêu người để được sự ban thưởng của Thượng Đế. Giúp cho một triệu người tu, giúp cho mười triệu, một trăm triệu người tu,.. Con số đó không có nghĩa gì với Thượng Đế và cũng không có nghĩa gì đối với chúng sanh, con số đó không là bao

nhiều cả mà hãy xem rằng trong 100 triệu người tu ấy có bao nhiêu người thành quả.

Nếu Thượng Đế có hỏi tôi, tôi có công gì dưới thế này? Tôi sẽ trả lời tôi không có công gì cả. Độ chúng sanh, đó là chuyện tự nhiên. Tình thương là một dòng nước chảy xuống, không bao giờ nó đòi hỏi sự chảy ngược bao giờ....

Gần hai năm, kiểm nghiệm những lời giảng trên, tìm hiểu và thử thách Thầy. Bây giờ thì vị giáo chủ này đã bước vào Vô Vi Quy Nguyên Pháp tu học và chịu sự rèn luyện như các Pháp Hữu khác.

Ví dụ 4: Sự không phân biệt.

Nhiều người chưa từng biết có Trời, Phật, Bề Trên... trong tâm của họ khi nghĩ về những quyền năng của Thiêng Liêng họ thường nghĩ đến ông bà, cha mẹ đã khuất là cùng. Với họ, những người gia đình đã khuất là những bậc Tối Linh có thể giúp đỡ cho gia đình và con cháu. Có lần thọ ký cho những người này vào Pháp, Thầy Từ Minh Đạt dạy họ quỳ trước Ngôi Ông Bà của họ mà thệ nguyện tu học....

Sau này trong quá trình tu học, Thầy nâng dần sự hiểu của họ lên.

Ví dụ 5: Sự không phân biệt.

Thầy Từ Minh Đạt có một đệ tử, vị này xuất thân là một người chuyên và thích ngồi đồng. Vị này luôn tin tưởng những phần lực nhập vào thân xác của vị này là Thần Thánh.

Khi người này vào Pháp, Thầy không đả động gì đến việc ngồi đồng cả, không bài bác cũng không ngăn cản. Trong suốt gần 3 năm, Thầy hầu như không dạy vị đệ tử

nọ một bài học gì riêng cho vị ấy. Vị ấy chỉ được học qua những buổi học đạo chung với nhiều người. Thầy cũng không dạy vị đó nghi thức lễ bái, cũng không dạy thiền, không dạy các chấp tay, cầu nguyện gì cả. Suốt gần 3 năm, Thầy chỉ giúp riêng cho vị ấy về phần đời thuần túy như hộ bệnh, giúp cho thân nhân đoàn tụ, khuyên nhủ các con cái trong gia đình cố gắng học hành và mỗi khi có con cháu nào trong gia đình ham chơi không chịu học, các vị này thường dẫn con cháu đến để Thầy giáo huấn.... Nhưng ở phần đời, chuyện khó khăn cứ đến dồn dập cho vị đệ tử này, cuối cùng qua một buổi hàn huyên, Thầy hỏi nhẹ:

- Tại sao mình không làm một vị Thánh để giúp cho gia đình mình khi cần thiết. Vị làm một vị Thánh được mà. Các vị Thánh khác, đừng phiền đến họ nhiều, họ có công việc của họ. Thôi nhé! Ráng, để trở thành một vị Thánh để cứu cho gia đình.

Vị này đồng ý, Thầy nói tiếp:

- Vậy thì thôi, đừng phiền đến các vị Thánh khác nữa nhé! Đừng lên đồng nữa, sống bình thường lo cho nhà.

Vị này đồng ý.

Thực ra, một vị Thánh thực sự không một ai rảnh rang cả. Ai cũng lo cứu độ cho chúng sanh. Nếu cần nhập vào xác phàm, các vị ấy phải lấy chuyện dẫn độ, dạy bảo là hàng đầu. Không một vị Thánh nào nhập xác qua phương tiện đồng cốt và múa may quay cuồng cả. Thầy biết các phần lực đó là ai nhưng Thầy không vội nói vì cái hiểu của các phần xác là như vậy, họ tưởng là Thánh nên Thầy nương từ cái hiểu của họ mà khơi nguồn, giúp cho họ đi lên. Phải mất đến ba năm, Thầy mới đi vào cái điểm chính là tự mình làm một vị Thánh và đừng có mời phần lực nhập xác nữa.

Ví dụ 6: Lấy tâm mình làm chánh.

Một pháp hữu trình với Thầy rằng:

- Thừa thầy! Hôm nay em của con phải vào bệnh viện để giải phẫu. Con bảo nó cầu nguyện thì nó không chịu, xin Thầy cầu nguyện cho nó.

Thầy đáp:

- Vị cầu nguyện cũng được vậy!

- Con có cầu nguyện, nhưng xin Thầy cầu nguyện thêm.

- Tôi cầu nguyện hay các vị cầu nguyện cũng như vậy thôi. Cũng gửi lời cầu xin lên trên.

- Thầy có thần thông, cầu nguyện chắc hơn.

- Này vị! Chính vị cũng không tin vào lời cầu nguyện của mình có hiệu quả, thì làm sao vị lại đòi người ta tin vào vị mà cầu nguyện được?

Tưởng là lời dạy, hướng dẫn người khác cầu nguyện, tu học như mình, giúp người hưởng thượng,... nhưng coi kỹ lại đó là sự giúp từ sự đong, đo, cân, đếm, không phải bắt nguồn từ cái tâm của mình làm căn bản.

Những bài học then chốt để có được thế giới đại đồng:

- Cần phải có tình thương thực sự, có tình thương thực sự thì sẽ mất đi tánh phân biệt.

- Phải nương theo tư tưởng, trình độ, hiểu biết,... của chúng sanh để hòa đồng với chúng sanh. Từ đó hướng dẫn đến mục đích tối hậu là dạy cho chúng sanh cách thức để gội rửa tâm tánh hoàn chỉnh nhất. Tuyệt đối không được đả phá những tư tưởng, tín ngưỡng... khác biệt với mình.

- Quá trình độ cho chúng sanh là quá trình bền bỉ, được thực hiện ngày này qua ngày nọ, đời này qua đời kia, không phải là chuyện một ngày một buổi, vì vậy, sự hành động của người dạy Đạo phải kiên nhẫn, không được gấp rút. Từ từ đi từng bước cho thật vững, tránh đi

nhANH, thiếu căn bản sẽ làm hại người khác. DẠY ĐẠO không chọn đúng thời cơ sẽ làm hại cho người khác.

- DẠY ĐẠO cũng như quá trình trồng hạt giống vào tâm chúng sanh. Trồng, vun bồi và kiên nhẫn đợi hạt giống ấy nảy mầm, đơm hoa, kết trái. Đừng bao giờ tỏ ra thái độ mất thăng bằng khi thấy đệ tử mình sau bao ngày trui rèn vẫn chứng nào tật ấy mà phải hiểu rằng những cây trong tâm thức của đệ tử ta đang mọc ngày hôm nay là bắt nguồn từ quá khứ. Còn những cây của ta đang trồng từ kiên nhẫn chờ nó sẽ mọc ở tương lai. DẠY ĐẠO, dạy điều tốt thì không bao giờ mất cả.

- Phải có sự tha thứ là nền tảng để dạy ĐẠO. Hãy nhớ câu này làm phương châm “Thượng Đế đã ân xá cho chúng sanh hàng tỷ, tỷ lần thì ta hãy tha thứ cho học trò mỗi khi nó lầm lỗi và biết phục thiện. Nếu nó không biết phục thiện thì chỉ đường cho nó phục thiện, nếu nó lầm lỗi mà không biết xin lỗi thì chỉ cho nó cách xin lỗi.

- Để thế giới sớm được Đại Đồng, tất cả các pháp hữu Vô Vi Quy Nguyên phải là những con tàu, vững tay lái. Là con tàu, chứ không phải là người ngồi trong tàu. Các đệ tử Vô Vi Quy Nguyên phải có tư tưởng cứu độ chúng sanh, nếu khả năng hạn chế thì cứu độ cho thân nhân, bạn bè hoặc góp phần cùng các huynh trưởng khác làm công tác hoằng độ. Đệ tử Vô Vi Quy Nguyên tuyệt đối không có tánh ích kỷ là tu chỉ cho bản thân mình.

- Dạy cho chúng sanh, tình thương dành cho chúng sanh, sự dạy và tình thương đó phải bắt nguồn từ cái Tâm của mình mà ra, không phải là do đầu óc hạn hẹp.

- Các con tàu hoằng độ cho chúng sanh phải đi theo tiến trình sau:

Với thiên hạ, thì độ cho những người hữu duyên và khuyến khích những người hữu duyên ấy độ lại cho gia đình họ.

Trong gia đình ta, hoặc gia đình đệ tử ta nếu có sự xung đột về tư tưởng thì trước mắt phải giải cái xung đột đó. Có thể giải thích để chuyển đổi, có thể chịu theo hoàn cảnh để chờ chuyển đổi. Sự chuyển đổi chỉ xảy ra theo phương hướng của đa số. Nếu chỉ một mình ta là người tu học trong gia đình thì ta nên tìm nhân tuyến gần gũi ta nhất trong nhà mà truyền đạt cho họ, cứ như thế tiến lần ra cuối cùng thì người tu học sẽ là đa số trong nhà và rồi cả nhà sẽ đi vào đường tu học. Trong một xóm thì cũng theo phương thức đó. Phát triển từng nhà, từng nhà... những nhà đã tu học trong cùng một xóm nên gần gũi nhau tạo thành một sự kết hợp. Từ cái lực kết hợp ấy sẽ mở dần ra và ảnh hưởng cho cả một xóm. Cuối cùng, cả xóm sẽ là xóm của những người tu học. Cứ như thế mà tiếp diễn thì sớm muộn, thế giới sẽ được đại đồng.

Hội Long Đình:

Đức Ngài dạy:

Các chủ nghe người ta nói Hội Long Hoa, Hội Long Vân và Hội Long Đình. Sau khi Hội Long Hoa xong còn Hội Long Đình là để làm chi? Là để trao phẩm tước cho các vị đó, đã công quả được như vậy, đã thành tựu được như vậy, đã thành tựu được như vậy ở trên quả vị ở ngôi vị đó.

Quả Vị

Khái Niệm:

Quả Vị không là một chức được phong tặng mà là những gì đạt được qua quá trình tu học.

Các bậc đắc quả tại thế:

Thông thường đối với người ở cõi trần, sự tu học của người ta thường đạt được 10 quả vị.

1. Bậc Đại Giác Kim Tiên:

Gọi tắt là Đại Tiên, là bậc có quả vị cao nhất tại thế. Bậc này đã diệt tận 12 nhân duyên, thực hành trọn vẹn Bát Chánh Đạo, hành hạnh Bồ Tát đến chỗ giác ngộ hoàn toàn. Hành hạnh Bồ Tát khác với lập hạnh Bồ Tát. Hành hạnh ở đây có nghĩa là một vị Bồ Tát đang làm công việc của mình mà trong công việc làm đó các vị thấu rõ căn cơ của chúng sanh, lấy căn bản của sự khai tâm chúng sanh làm chủ yếu, còn lập hạnh Bồ Tát có nghĩa là làm theo những gì chư Phật và Bồ Tát đã làm.

Vì tu hành công quả viên mãn nên được trọn lành trọn sáng, đắc được Kim Thân (như các thiền sư Vũ Khắc Minh, Vũ Khắc Thường ở chùa Đậu thế kỷ 17 hay Ngài Tế Công Phật Sống) chứng quả Niết Bàn. Là quả Bích Chi Phật mà thông thường quả vị Bích Chi Phật đã qua được năm lần điếm đạo và đắc được quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác chỉ trong thời gian của sự chuyển kiếp.

Khi lìa thế các Bậc Đại Giác Kim Tiên thường trụ tại tầng trời Đại La nên còn gọi là Đại La Kim Tiên. Nếu chỉ trụ ở cõi trời Đại La thì gọi là Đại Tiên, xuống các

cõi khác để độ chúng sanh thì gọi là Bồ Tát. Viên mãn thì trở về quả vị Phật.

2. Bậc A La Hán:

Hay còn gọi là Chơn Nhơn, là người tu đắc đạo đến bậc Tiên, bước đầu của sự thoát khỏi vòng Luân Hồi Sinh Tử. Bậc này thường dụng công luyện các Pháp như trực thân Tiên Thiên Khí, trí huệ phát khởi, thanh tịnh, đắc Tứ Thiên, Đắc Lục Thông...

Bậc này khi lìa thể được chuyển về cõi Trung Thiên thuộc cõi Niết Bàn thứ ba. Bậc này đã qua bốn lần điểm đạo.

3. Bậc A Na Hàm:

Còn gọi là Đạo Nhơn, là người tu học đắc đạo Tiên, có đạo thuật, đạo đức luôn giữ tròn, hòa theo âm dương, thuận theo ý trời mà hành đạo, sống có nề nếp, chơn thật, luôn giữ gìn Tinh-Khí-Thần sung mãn. Được học trong Vô Vi ở các cõi, đắc Tam Thiên, thông suốt và phân biệt được tất cả các điển quang Phật và Thiên Ma...

Khi lìa thể được chuyển về cõi Trung Thiên. Bậc này đã qua ba lần điểm đạo.

4. Bậc Tư Đà Hàm:

Còn gọi là Chí Nhơn, là người cao thượng, đạo đức, luôn giữ mối đạo không lìa. Bậc này đắc Nhị Thiên, hòa đồng với điển quang chư Phật và các Đấng Bề Trên. Có cảm, có ứng....

Bậc này khi lìa thể được chuyển về cõi Trung Thiên. Bậc này đã qua hai lần điểm đạo.

5. Bậc Tư Đà Hoàn:

Còn gọi là Bậc Thánh Nhon, là người có phẩm cách vượt bậc hơn mọi người thường. Về Đạo thì không có chỗ nào là không thông suốt, thấu suốt được mọi sự kiết hung. Bậc này luôn sống trên thuận trời, dưới thuận đất, không có sự ham muốn, trong tâm không có sự sợ, làm việc tốt không cần đời biết, không cảm thấy mệt nhọc hay phiền hà, có lòng từ bi rộng lớn...

Bậc này khi lìa thể được chuyển về cõi Trung Thiên, được qua một lần điềm đạo.

Hầu hết tất cả chúng sanh có duyên được đến tu học với Pháp Đạo Vô Vi Quy Nguyên đại đa số là những chơn linh có tiền căn, có đầy công tu học từ hiện kiếp và tiền kiếp. Đại đa số nằm từ bậc 5 trở lên.

6. Bậc Thiện Nhon:

Còn gọi là Hiền Nhon. Là người có Đức, biết theo phép tắc của trời đất mà sống cho hợp lẽ. Phân biệt được trời, thần, người. Biết thương đời, hành đạo và tu học.

Khi lìa thể, nếu bậc này có nhiều công tu trong đời nhưng chưa thành quả thì được chuyển vận tu học xong được chuyển lên cõi Trung Thiên hoặc được chuyển ngược xuống thể là người để lập hạnh mà giúp đời.

Thông thường các vị lãnh tụ quốc gia, các vị quan chức lớn thường nằm trong Bậc này. Thời gian ở cõi đời sẽ lâu nếu chỉ lập hạnh thuần túy mà không có thêm sự tu tập trong đó. Sau khi lìa thể, nếu lập hạnh và sự tu tập chưa tròn đầy thì thường được chuyển làm Thần để tiếp tục giúp đời, giúp người ở cõi âm dương và Trung Giới. Cứ như vậy nếu tiến triển đều và nếu không có một nhon duyên đặc biệt thì thời gian trụ thể khoảng 2000 năm mới có đủ nhân duyên gặp Chánh Pháp để được lên bậc

5. (Làm sao biết được các tiêu chuẩn thời gian trên, chỉ có trong các chương trình đào tạo tại Học Viện VVQN).

7. Bậc Chí Thiện:

Là người tu, hoặc là người đời chỉ giữ thiện. Khi lìa thể được giống như bậc thứ 6 hoặc được chuyển đến cõi Trung Giới để hưởng phước, hoặc nếu có duyên sẽ được chuyển tu học tiếp tục.

8. Bậc Minh Thiện:

Là người chuyên làm việc lành, đức độ mà không cầu sự báo đáp, khuyến khích và dẫn dắt cho mọi người làm điều lành như mình từng làm. Bậc này khi lìa thể được chuyển lên cõi Trung Giới, khi hưởng hết phước duyên thì phải được chuyển lại xuống thể, hoặc nếu có duyên sẽ được chuyển tu học một thời gian xong sẽ chuyển lại xuống thể hoặc các cõi khác tương đương.

9. Bậc Hành Thiện:

Là người biết được việc lành và luôn giữ tư tưởng, hành động lành.

Bậc này khi lìa thể, cao thì được chuyển lên cõi Trung Giới để hưởng phước, thấp thì được tái sanh trở lại để hưởng phước. Nhưng sự hưởng phước của cuộc đời tối đa chỉ vài mươi năm, nếu có nhiều phước báu muốn kéo dài chỉ qua con đường tái sanh và phải sống qua quá trình Sanh, Lão, Bệnh, Tử như quy luật tự nhiên của cõi thể.

10. Bậc Giác Thiện:

Là người mới biết việc lành, nên còn đời, còn đầy đủ Tham, Sân, Si, Hy, Nộ, Ái, Ó,... Bậc này mới biết ăn năn tu tỉnh và từ từ tập hành thiện để cởi mở tội lỗi và sám hối những nghiệp quá, lỗi lầm mà mình đã từng gây.

Bậc này khi lìa thế nếu không có nghiệp nặng thì sống trong Âm Giới để chờ sự phán xét thông thường kéo dài từ 20 đến 100 năm. Nếu có nghiệp đời phải sanh lại.

Kết luận về 10 quả vị:

Đó là 10 quả vị tiến hóa từ người phạm nhân đến quả vị Phật. Vì vậy muốn độ cho chúng sanh phải đi mức căn bản là khai tâm chúng sanh. Có khai tâm, chúng sanh mới có sự cầu ở giải thoát, có cầu sự giải thoát mới có tư tưởng giác ngộ. Có tư tưởng giác ngộ mới chứng được Đạo Quả.

Âm Thân:

Đức Ngài dạy: *Sư Huynh cho các vị biết bên Thánh có năm bậc, bên Tiên có 5 bậc, bên Phật có năm bậc mà ở dưới cõi âm cũng có năm bậc. Sư Huynh nhắc đi nhắc lại cho các vị nhớ để đừng bao giờ lầm lẫn mà lạc vào đường tà đạo.*

Bên Thánh có: Giác Thiện, Hành Thiện, Minh Thiện, Chơn Thiện và Hiền Nhân.

Bên Tiên có: Nhơn Tiên, Địa Tiên, Thần Tiên, Thiên Tiên và Kim Tiên.

Bên Phật có: Tỉnh Văn, Duyên Giác, La Hán, Bồ Tát và Phật.

Còn cõi Âm có năm đẳng cấp gọi là Âm Thân.

Bậc thứ nhất: Những người này hay cướp bào thai thuộc phần hồn khác để lên làm người tu rồi trở lại để thành quả vị cõi Tiên. Nếu không lo tu thì những vị đó thoát sanh trở lại làm vua Diêm Vương. Những vị này hay nói sự họa phước trên đời, thâu quĩ, thấy thân, nhờ nơi một điều duy nhất là họ có tiền căn nên mới được như vậy. Có khi sanh ra còn nhỏ tuổi đã nói được cái này, biết cái kia. Đó là Quĩ Tiên. Các vị đừng quên, đừng bao giờ lầm lẫn cho là các vị đó thần thông quá mà sẽ bị lạc

lông. Nếu không lo tu hành để nói chuyện gạt gẫm thiên hạ là người đồ thuộc hàng Âm Thần, một trong các bậc của Âm. Gọi là Âm Thần để các vị thấy đó cũng là Thần nhưng thuộc Âm chứ không phải thuộc Dương đi lên, lên, lên.

Bậc thứ hai: Thấy được Thiên Cung, Địa Phủ, Thủy Cung. Bậc này cũng tu hành, cũng dụng công, cũng bế lục môn, cũng xuất âm thần, nhưng hay dùng bùa ngải làm việc này việc kia, hại người này, người nọ, tạo lợi ích cho riêng mình.

Bậc thứ ba: Thường hay xuất hồn đi chơi chỗ này, chỗ nọ hoặc lên cõi Thiên, hoặc xuống cõi địa ngục. Bậc này ngồi thiền còn tư lự, còn vọng tưởng, nên bị Thiên Ma dẫn lạc vào Ma Đạo, xui khiến làm các công việc đó.

Bậc thứ tư: Là vị thần, vốn có căn ở cõi Thượng. Là Thần Tiên, Thiên Tiên ở cõi Thượng lâm lỗi phải bị đọa xuống phàm trần hoặc Quỷ Tiên, Địa Tiên mượn xác người chuyển kiếp hoặc Thần Tiên du hí chốn nhân gian, xuống trần rồi không chịu về ở luôn dưới trần. Bậc này gọi là Bàn Môn Tả Đạo cũng được, thông thiên văn, địa lý, biết quá khứ, vị lai muốn người ta tôn sùng mình để được hưởng lợi lộc. Những người này cũng chết làm Thần.

Bậc thứ năm: Là Quỷ Tiên, bậc này chẳng đặng chánh đạo, cũng khổ tọa, công phu, ngày đêm tu luyện nhưng âm thần xuất ra ngoài, âm thần gọi là Hồn. Những người này cũng siêng năng tinh tấn tu hành lắm nhưng không đứng vào chánh pháp, không được chơn truyền mà tu theo pháp ngoại đạo do Thiên Ma dẫn dắt hiện chứng quả này quả nọ. Khi chết xuống làm vua Diêm Vương.

Đức Ngài Pháp Chủ

Thân Thế:

Đức Ngài có thể danh là Châu Văn Thắc, con của Đức Ông Châu Văn Cam và Đức Bà Đặng Thị Mua, thuộc một gia đình danh gia, vọng tộc và hiền đức tại Gò Dầu. Đức Ngài lâm phạm vào ngày 19 tháng 4 năm 1934 nhằm ngày 5 tháng 3 năm Giáp Tuất giờ Mão âm lịch tại Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, miền nam Việt Nam. (các đệ tử Vô Vi Quy Nguyên trên toàn thế giới thường dùng âm lịch để tổ chức ngày Khánh Đản của Đức Ngài).

Lúc mới sinh ra Ngài có Tướng Nhục Kế Đánh (Như cục bướu trên đỉnh đầu) người nhà thấy tướng lạ nên đắp đủ thứ thuốc, cuối cùng Tướng Nhục Kế Đánh biến mất.

Thử thiếu thời:

Tuổi thiếu niên Đức Ngài rất cực khổ, có lúc vừa đi học vừa phụ giúp chăn giữ bò của gia đình. Tính tình khác người thường nên người dân ở địa phương gọi là “Thằng Nã Diên”. Quần áo không bao giờ mặc gài nút đàng hoàng mà hay xoắn vạt áo lại và cột trước bụng. Ở nhà không ngủ, có đêm người ta thấy ngủ ngoài chợ nơi các sạp hàng chung với những người ăn xin, cùi phong bệnh hoạn, vì vậy mà hay bị phụ thân đánh đòn. Phụ thân Đức Ngài rất nghiêm khắc, mỗi lần trị tội các con là vẽ vòng tròn trên sân, bắt đứng vào giữa vòng rồi đánh bằng roi mây to, chưa đủ số mà chạy ra khỏi vòng thì bị đánh lại từ đầu. Đức Ngài chịu đòn rất hay, lúc bị đánh đau thì khóc nhưng ngừng đánh cũng ngừng khóc theo. Đức

Ngài bị đòn nhiều đến nỗi người cô thứ sáu đã mất phải nhập xác về khuyen Đức Ông đừng đánh Đức Ngài nữa. Có một đoàn sư sãi không biết tu ở đâu cũng đến khuyen Đức Ông không nên đánh Đức Ngài nữa kéo mang lỗi. Từ đó Đức Ngài mới hết chịu đòn roi của phụ thân.

Thật ra, lúc đó Đức Ngài mới có chín tuổi nhưng đêm đêm khoảng nửa đêm có Thiêng Liêng hiện ra dẫn Đức Ngài ra khỏi nhà đến nơi rừng chồi xa nhà để nhắc lại cho Đức Ngài nhớ lại các pháp và hướng dẫn Đức Ngài các động tác tập luyện, lúc về có khi ngủ ngoài chợ. Có lúc dạy trong giấc ngủ. Từ năm chín tuổi (1942) đến năm Đức Ngài được hai mươi ba tuổi (1956) mới chấm dứt. Trong lúc tập luyện Đức Ngài phải hứa không được tiết lộ dù gặp cảnh ngộ nào, do đó dù bị đòn roi, Đức Ngài vẫn không tiết lộ cho phụ thân biết.

Thuở nhỏ, Đức Ngài thích chơi với đám mục đồng cùng xóm các trò đánh trận giả, gọi hồn nhập xác ca múa, dâng hoa quả cúng dường. Bạn trẻ rất thích nhưng không ai biết đó là Đức Ngài thực nghiệm oai lực của pháp lệnh đã tu tập và của Ông Trên ban cho.

Năm 1945 bệnh dịch tả, đậu mùa lan truyền từ làng này qua làng khác, trẻ nhỏ và người lớn chết rất nhiều. Làng của Đức Ngài cũng bị dịch, dân làng rất sợ, hương chức, hội tề quyết định tháng bảy lập đàn tràng cầu an và tiễn ôn thần đi nơi khác. Họ kết bè giấy, đặt đồ cúng tế và tượng Ông Thần thả trên sông cho trôi đi nơi khác. Đức Ngài và các bạn mục đồng khác đang chơi gần bờ sông thấy bè trôi giữa dòng sông liền chuyển lệnh cho bè tập vào bờ nơi Đức Ngài đang đứng, đoạn Đức Ngài lấy tất cả đồ cúng tế cho mục đồng, phá hủy tượng Ông Thần và ra lệnh cho thuyền ra giữa dòng sông chìm xuống. Hương quán trong làng mục kích chuyện này, hốt hoảng chạy về báo cho phụ thân Đức Ngài biết. Đức Ngài bị

một trận đòn nên thân. Mọi người nào biết là Đức Ngài vì lòng từ bi, không muốn vì sự bình yên của làng mình mà đưa tai họa cho làng khác nên đã ra lệnh cho Ôn Thần hồi vị và cầu xin Ôn Trên cho làng thoát khỏi nạn dịch!

Mới chín tuổi Đức Ngài đã nổi danh là thần y. Hàng xóm có người bị bệnh tiêu chảy, ăn gì thì tiêu ra thứ ấy ngay, không có thuốc nào để cầm lại được, sức lực mỗi mòn chỉ còn chờ chết. Đức Ngài theo Đức Bà đến thăm thấy vậy động tâm muốn cứu người đàn bà khỏi chết để nuôi đàn con còn nhỏ.

Đêm đó, Đức Ngài thấy đức Dược Vương Sư Phật đến bảo vì thấy Đức Ngài có ý muốn cứu mạng người nữ bệnh nhân ban sáng nên đến đưa Đức Ngài đi lấy thuốc cứu bệnh. Đức Dược Vương chỉ dẫn cho Đức Ngài chỗ cây thuốc mọc và chỉ dẫn cách sử dụng. Hôm sau, Đức Ngài y theo lời dạy trong mộng tìm ra đúng cây thuốc tại nơi đã thấy trong mộng, đem về cứu người bệnh thoát chết. Về sau, Đức Ngài đặt tên cây thuốc đó là “Cây chùm hôi”. Trong những năm 1975-1980, vị thuốc này được tìm thấy lại trong vườn một đệ tử của Đức Ngài ở Thủ Đức, nó được dùng trị bệnh tiêu chảy rất thần diệu.

Học hết sơ học ở Gò Dầu, Đức Ngài xuống Sài Gòn ở nhờ nhà người chú ruột thứ chín rất giàu ở Sài Gòn để tiếp tục học cho đến khi tốt nghiệp trường Đại Học Phú Thọ bằng Sĩ Quan Cơ Khí của trường Hàng Hải.

Nhà người chú lúc đó ở đường Cô Bắc bây giờ, nước rất yếu, đêm đêm Đức Ngài phải thức canh hứng nước. Có đêm buồn ngủ quá Đức Ngài vừa ngủ vừa gác chân lên xô nước để khi nước đầy ướt chân thì biết mà đem đồ vô lu. Đức Ngài rất siêng năng chịu khó, đi học về là lo phụ giúp mọi việc trong nhà không nề hà khó nhọc.

Đức Ngải học rất giỏi, thường hay giúp các bạn cùng lớp học thêm các môn yếu, nhất là môn toán, Pháp văn. Có bạn đồng học thời đó bây giờ là đệ tử của Đức Ngải, có người là sui gia với Đức Ngải.

Sự nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp Sĩ Quan Cơ Khí Hàng Hải, Đức Ngải hành nghề hàng hải và lập gia đình với Phạm Hiếu Nghĩa và sinh được năm trai một gái.

Thời gian hành nghề hàng hải cũng là lúc Đức Ngải phát huy các quyền năng đặc biệt của mình để cứu đời nên rất nổi danh trong giới hàng hải thương thuyền lúc bấy giờ. Mỗi lần tàu cập bến cảng Sài Gòn cũng như các cảng ven biển Việt Nam: Nha Trang, Qui Nhơn, Đà Nẵng đều có nhiều người đến tìm Đức Ngải để nhờ Đức Ngải trị bệnh hoặc xem nhà cửa, địa lý. Đức Ngải trị bệnh không dùng thuốc mà chỉ chú nguyện vào nước lạnh cho bệnh nhân uống mà hết bệnh. Khoảng năm 1963-1965, Đức Ngải được mọi người biết đến với biệt danh là **Ông Thầy Nước Lạnh**. Cách trị bệnh của Đức Ngải rất đặc biệt, bệnh nhân quy tụ lại ở một địa điểm trên hè phố, mỗi người mang theo nước lạnh không nấu chín từ nhà đến nhiều ít tùy ý. Đức Ngải đứng trên ghế hoặc bục cao bảo mọi người cầu nguyện cho tiêu trừ bệnh tật, xong Đức Ngải chú nguyện chung một lượt cho tất cả bệnh nhân. Mọi người đem nước đó về uống được lành bệnh nên rất tôn sùng Ông Thầy Nước Lạnh. Thấy vậy, nhiều kẻ giả danh Ông Thầy Nước Lạnh dối gạt dân chúng. Đức Ngải không trị bệnh bằng cách này nữa mà đổi sang trị bệnh bằng Ấn Lệnh điểm vào người bệnh nhân cũng hết bệnh.

Lòng từ bi của Đức Ngải thật vô lượng, chỉ một lòng lo cứu độ nhân sinh không biết mệt mỏi, không vì tư lợi. Đức Ngải tự bỏ tiền của, thời gian và công sức của mình

ra lo giúp đỡ trị bệnh cho dân chúng, không hề nhận thù lao dù chỉ là một giọt nước.

Khoảng năm 1969, Đức Ngài chuyển lên làm việc trên bờ, không làm nghề hàng hải nữa. Đức Ngài lần lượt làm giám đốc xí nghiệp VIDICO sản xuất dây điện và xí nghiệp VICASA. Kế đó, Đức Ngài vào làm quản đốc phân xưởng chiết của nhà máy Bia Sài Gòn lúc đó còn thuộc quyền người Pháp. Từ 1975 cho đến lúc Đức Ngài hồi vị 28-12-1994, mỗi ngày buổi trưa đi làm về tới nhà là Đức Ngài trị bệnh cho hàng chục người đang chờ sẵn ở nhà. Chỉ sau khi hộ bệnh xong Đức Ngài mới ăn trưa rồi vội vã đi làm ngay không có thời gian nghỉ trưa!

Thời kỳ sau, từ năm 1975 đến 1989, kinh tế Việt Nam còn khó khăn, thuốc men yếu kém, là lúc có nhiều bệnh nhân nhất. Buổi chiều, Đức Ngài đến nhà đệ tử ở chợ cầu Ông Lãnh để hỗ trợ cho đệ tử của Đức Ngài hộ bệnh. Bệnh nhân buổi chiều cũng đông.

Khai Đạo:

Rằm tháng 7 năm 1977, theo Lệnh của Đức Vua Cha, Đức Ngài chính thức khai mở Vô Vi Quy Nguyên Pháp. Trước mắt, Đức Ngài chỉ dạy cho các đệ tử phương pháp thiền để tu sửa thân tâm và truyền Pháp Hộ Bệnh cho các đệ tử để cùng Đức Ngài cứu độ các bệnh nhân ngày một đông, một mình Đức Ngài khó độ khắp. Đức Ngài chọn trong đệ tử, những người có đầy đủ tâm hạnh lành để truyền Pháp Hộ Bệnh và trước khi thọ pháp phải thệ nguyện trước ngôi Tam Bảo: ***Không được lấy Đạo tạo Đòi. Không thọ nhận của nhân sanh khi hộ bệnh dù chỉ là một ly nước lã. Chỉ một lòng lo giúp đời không màng danh lợi.*** Nếu ai vi phạm sẽ bị thu hồi Pháp Lệnh hộ bệnh sẽ không còn hiệu quả, sau khi mất còn bị đọa tam đồ. Các đệ tử của Đức Ngài đều hành y như vậy không ai dám vi phạm Pháp Lệnh.

Nhiều bệnh nhân sau khi được trị hết bệnh muốn đền ơn Đức Ngài nên mượn có là cúng Phật, đem hoa quả đến nhà Đức Ngài để tạ lễ. Đức Ngài giảng dạy cho họ biết là muốn cúng Phật thì cúng ở nhà mình cũng được chứ, không cần phải mang đến nhà Đức Ngài cúng, cấm lần sau không được mang đến như thế nữa. Còn lần đầu không biết thì Đức Ngài đem hoa quả chú nguyện dâng lên ngôi Tam Bảo xong là giao cho bệnh nhân mang về nhà, coi như đã cúng xong. Đức Ngài làm nhiều lần như vậy khiến bệnh nhân không dám mang lễ vật đến nữa. Các đệ tử cũng noi theo gương Đức Ngài hành y như vậy đối với bệnh nhân của mình.

Đức Ngài có đầy đủ Thần Thông và Lệnh Pháp Tối Thượng của Ôn Trên ban nhưng Đức Ngài rất cẩn mật, không khoe khoang, không tự cao tự đại. Trái lại, Đức Ngài rất bình dị, khiêm tốn như bao người bình thường khác. Nếu không là đệ tử của Đức Ngài thì cũng không biết gì về Đức Ngài. Đức Ngài không bao giờ tự xưng mình là vị gì ở phần vô vi cả, ai muốn gọi Đức Ngài thế nào cũng được. Người thì gọi Anh Tư, Chú Tư, Thầy Tư... Khi bắt đầu truyền pháp thì mọi người quen gọi Đức Ngài là Sư Huynh.

Hoàng Pháp:

Trong thời gian hoàng pháp và hộ bệnh cứu đời, Đức Ngài đã đôi phen hiển lộng thần thông chẳng khác nào Chúa Jesus đã làm thuở xưa vậy:

Hơn bốn lần cứu người chết sống lại.
Hơn ba lần cứu người mù sáng mắt.
Chữa lành rất nhiều chứng bệnh ung thư và đốt cháy đen mụn ung thư của bệnh nhân bằng điện lực.
Nhiều lần hiển lộng thần thông để dạy dỗ đệ tử.
Thấy, nghe được những việc cách xa.
Cùng một lúc có mặt ở nhiều nơi.

Hiện thân tùy ý muốn.

Biết rõ tâm niệm của người khác, không có gì che giấu được Đức Ngài.

Có rất nhiều Chư vị Bề Trên, Chư Thiên... đến dâng lễ Đức Ngài như Đức Chúa Jesus Christ, Đức Mẹ Maria, Đức Địa Tạng Vương,....

Sau khi truyền pháp cho các đệ tử tu tập gần năm năm Đức Ngài mới làm lễ ban Thánh Danh cho các đệ tử (1983). Lễ ban Thánh Danh rất oai nghiêm, không phải như ban pháp danh ở các chùa. Các đệ tử đều có Thánh Danh mang họ Từ, tức là họ của Đức Di Lạc Tôn Vương Phật, tiếng Phạn có nghĩa là Maitreya, Tiếng Tàu có nghĩa là Từ Thị.

Kể đó, rằm tháng tám năm Giáp Tý (1984), Đức Ngài làm lễ Thọ Y và ban Y cho các đệ tử. Trong lễ Thọ Y Đức Ngài có phát ra Mười Lăm Lời Đại Nguyện. Lời Đại Nguyện thứ mười lăm có tiết lộ danh vị của Đức Ngài là:

Đại Thừa Liên Hoa Hóa Thân Minh Vương Phật

Nhờ vậy mà các đệ tử mới biết Đức Ngài là Phật Vương giảng thế hoằng độ nhân sanh cõi này. Những pháp Đức Ngài truyền ban hoàn toàn không có tại cõi thế này, chẳng hạn như:

- Pháp luyện Ngươn Thần.
- Pháp Quán Tâm của Đức Di Lạc.
- Pháp Cực Lạc Tối Thắng của Đức Thích Ca.
- Pháp Di Hành.
- Pháp Chơn Không.

Đức Ngài thường nói với các đệ tử là ngoài Đức Ngài ra thì không có người thứ hai tại cõi thế này biết các pháp đó để chỉ dạy cho loài người tu tập.

Mặc dù chưa từng đọc qua kinh sách của Phật Giáo nhưng Đức Ngài lão thông kinh điển, giảng dạy nghĩa lý cao thâm của kinh điển cho đệ tử nghe. Nhiều cao tăng nghe danh cầu xin Đức Ngài cho gặp nhưng Đức Ngài luôn luôn từ chối.

Trong mười tám năm hoằng khai pháp đạo, Đức Ngài chỉ giải đáp những thắc mắc của đệ tử chứ ít khi giảng pháp. Đức Ngài chủ trương thiền là **tâm truyền tâm**, không dùng văn tự. Tuy nhiên những lời dạy của Đức Ngài kết tập lại thành quyển sách dày hơn ba trăm trang, bao gồm tất cả nghĩa lý kinh điển của Phật. Lời dạy của Đức Ngài luôn luôn khế hợp với lời Phật dạy và lời các Chư Tổ truyền, nghĩa lý cao thâm chỉ cho các đệ tử con đường tu chơn để trở nên con người hiền đức và rốt ráo là đạt quả vị Niết Bàn Viên Minh tức Niết Bàn thứ ba trong bảy Niết Bàn của Phật.

Hồi Vị:

Ba năm trước khi Đức Ngài hồi vị, Đức Ngài truyền lệnh cho các đệ tử thân cận phụ giúp Đức Ngài in ấn quyển **Con Đường Sống** đó là tác phẩm của Đức Ngài ghi lại các pháp Đức Ngài đã truyền có kèm theo hình ảnh để lưu truyền lại cho các đệ tử. Ngoài ra, Đức Ngài còn viết quyển **Hồi Ký Huyền Linh** trong đó ghi lại những việc Huyền Diệu Linh Thiêng mà Đức Ngài đã thân chứng. Tác phẩm này có hai quyển, viết xong quyển một chưa kịp viết quyển hai thì Đức Ngài đột ngột Hồi Vị, để lại cho chúng đệ tử biết bao nỗi thương đau nhớ tiếc vị Tôn Sư kính yêu của mình.

Mặc dù thời gian hoằng pháp chỉ gần mười tám năm, lại ở trong môi trường không thuận lợi cho việc truyền pháp nhưng Đức Ngài đã dẫn độ được rất nhiều người.

Số đệ tử của Đức Ngài hiện nay có mặt hầu như trên khắp thế giới, nhiều nhất là ở Pháp, Mỹ, Úc, Canada, Anh, Ý, Đức ... đang hoằng truyền Pháp Vô Vi Quy Nguyên của Đức Ngài, để đưa nhân sanh trở về thiện tâm, thiện tánh, trở thành người đức nhân. Mọi người thương yêu nhau trong tình thương yêu bao la của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Mọi người sống trong cảnh thế giới đại đồng an lạc. Đó là điều Đức Ngài hằng mong muốn.

Nói là Đức Ngài Hồi Vị đột ngột, chớ thực ra Đức Ngài đã báo trước cho các đệ tử từ ba năm trước.

Nhân ngày lễ Khánh Đản của Đức Ngài lần thứ năm mươi tám vào năm Nhâm Thân (1992) Đức Ngài đem tất cả những Pháp Bảo quý nhất của Đức Ngài đã có trao truyền lại cho các đại đệ tử của Đức Ngài: Từ Trọng Nghĩa, Từ Minh Đạt, Từ Chánh Tín, Từ Minh Đức, Từ Tri Tâm, Từ Thiện Nhơn, Từ Thiện Mỹ mỗi người một vật để làm tín vật. Ngày Khánh Đản hôm đó các đệ tử khóc hết nước mắt, những tưởng là Đức Ngài sắp đi rồi.

Đức Ngài hồi thúc các đệ tử tinh tấn tu tập vì chậm quá rồi Đức Ngài không thể đợi được mãi.

Khi xây dựng điện thất nhỏ trong khuôn viên nhà của Đức Ngài ở Q.8. Đức Ngài nói với các đệ tử là sau này khi Đức Ngài nhập thất thì các đệ tử sẽ khó gặp được Đức Ngài nữa!

Năm Giáp Tuất (1994), lúc làm lễ Khánh Đản Đáo Tuế của Đức Ngài, Đức Ngài bảo các đệ tử là chỉ cho phép tổ chức lần này là lần chót, từ đây về sau không được tổ chức nữa.

Chiều ngày 25 tháng 11 năm Giáp Tuất, Đức Ngài ở nhà bên Q.8 với Sư Tỷ và một vài đệ tử. Đức Ngài rất vui vẻ, Đức Ngài cho các vị đệ tử thường ngày hầu cận là Từ Thiện Tâm Trụ, là Đức Mẫu Hoàng đã cho Đức Ngài chuỗi Như Ý Bảo Tràng và đồng ý cho Ngài trở về với Mẫu.

Đoạn Đức Ngài hỏi thầy Từ Thiện Tâm Trụ có biết ngày mai là ngày gì không? Thầy Tâm Trụ bạch là không biết. Đức Ngài bảo ngày mai 26-11 là ngày các Đấng Giáo Chủ hồi vị! Đức Ngài lập đi lập lại hai ba lần cho thầy Tâm Trụ nhớ.

Đó là lời báo trước Đức Ngài sẽ Hồi Vị vào ngày mai nhưng lúc đó các đệ tử không ai hiểu được ý Đức Ngài. Sáng ngày 26-11 năm Giáp Tuất, lúc 8 giờ 30 Đức Ngài đột ngột Hồi Vị trong khi tình trạng sức khỏe của Đức Ngài tốt hơn ngày thường, nhằm ngày 28-12-1994, trụ thế sáu mươi một năm.

Trong gia đình và các pháp hữu hầu cận hằng ngày đều không ngờ và không tin là Đức Ngài đã Hồi Vị. Tin Đức Ngài Hồi Vị chưa được loan báo cho các đệ tử khác biết.

Thầy Từ Minh Đạt, con trai thứ tư của Đức Ngài, người được Đức Ngài chọn là Hậu Thân của Đức Ngài, từ Mỹ gọi về bảo là để yên nhục thân của Đức Ngài trong ba ngày khoan làm lễ nhập quan. Thầy Đạt lúc đó đang nói chuyện với Đức Ngài, đang cầu khẩn Đức Ngài trở về trần thế. Đức Ngài bảo thầy Đạt và các đệ tử hãy cầu

nguyện với Đức Thượng Đế và Đức Mẫu Hoàng, ba ngày sau sẽ có kết quả.

Trong khi chờ đợi, các đệ tử luôn phiên túc trực bên nhục thân của Đức Ngai để tiếp diễn và chờ thầy Từ Minh Đạt về nước với tràn đầy hy vọng là Đức Ngai sẽ trở về.

Suốt ba ngày đêm, kim thân Đức Ngai nằm như ngủ, tay chân vẫn mềm dịu, da vẫn mát chứ không cứng lạnh như xác chết, cũng không có mùi tử khí.

Ngày 29-11 1994 lúc 23 giờ 45 thầy Từ Minh Đạt cùng quyền thuộc về đến nhà ở Việt Nam. Thầy Từ Minh Đạt vội vã đến bên Kim Thân Đức Ngai dùng Ấn Lệnh và Pháp Lệnh Đức A Di Đà Phật để chuyển động Kim Thân Đức Ngai.

Mọi người tràn đầy hy vọng chờ đợi Đức Ngai tỉnh dậy. Nhưng mọi người lại hoàn toàn thất vọng vì Đức Ngai đã không bao giờ trở về xác thân nữa. Thầy Đạt cầu khẩn với Đức Mẫu Hoàng và được Đức Mẫu Hoàng chuyển diễn qua một nữ đệ tử của Đức Ngai cho biết là Đức Ngai sẽ không trở về nữa! Đích thân Đức Ngai cũng trở về bảo là sẽ không trở về nữa, vì cõi khác cần Đức Ngai hơn và bảo thầy Đạt hãy làm lễ tang Đức Ngai giống như người bình thường.

Chúng đệ tử Từ Tôn tuân theo lệnh của Đức Ngai đưa Kim Thân Đức Ngai nhập quan giờ Tỵ (9 giờ 30) ngày 30-12-1994 nhằm 28 tháng 11 năm Giáp Tuất.

Ngày mùng một tháng chạp năm Giáp Tuất tức 1-1-1995 giờ Thìn (7 giờ 30), Thầy Từ Minh Đạt, quyền thuộc cùng chúng đệ tử Từ Tôn đưa Kim Quan của Đức Ngai

về Gò Dầu an táng gần mộ phần của Đức Ông và Đức Bà, thân sinh của Đức Ngài.

Đức Ngài đã trở về Cõi Thượng nhưng Pháp Bảo Đức Ngài đã truyền trao vẫn còn tại thế, được Hậu Thân của Đức Ngài kế vị hoằng truyền ngày một lan rộng, không dễ dứt mất. Tất cả chúng đệ tử từ tôn đều nguyện: Chỉ tâm đi theo con đường tu học của Đức Ngài đã truyền dạy cho đến ngày đạt quả vị, trở về dưới chân của Đức Ngài để hoàn thành tâm nguyện của Đức Ngài khi còn tại thế.

Đức Pháp Chủ là ai?

Đức Pháp Chủ Vô Vi Quy Nguyên là vị Chủ Pháp Đạo, cai quản các Luật và Pháp ở trong Tam Giới và ngoài Tam Giới. Ngài thông suốt và trực thấu các đạo vào một mối, dưới quyền Đức Lệnh Chủ, tức ***Đức Ngài Di Lạc Tôn Vương Phật***.

Hiện Đức Pháp Chủ đang trụ ở tầng Trời thứ tư, nơi Đâu Suất Đà Cung với thiên hình vạn trạng, biến hóa không ngừng, hầu làm tròn nhiệm vụ của vị Chủ Pháp.

Nơi cõi Nam Thiên Bộ Châu, Đức Pháp Chủ được lệnh xuất hiện nhiều nhất, luôn luôn theo bên chân thể của Đức Ngài.

15 Đại Nguyên của Đức Pháp Chủ khi Đức Ngài thọ nhận Y Báu:

Con kính châu lễ mừng Đức Mẫu Hoàng, Cha Lành đại lâm triều. Vâng theo Thánh Ý, con thọ nhận Y Báu do Đức Mẫu Hoàng, Cha Lành, các Chư Phật mười phương thọ ký ban, các Đấng Giáo Chủ Tam Tòa, Cộng Đồng các cõi chứng tri hộ trì.

1. Khi con thọ nhận Y Báu này, hoàng độ, cửu độ, dẫn độ chúng sanh đến con đường Chánh Đẳng Chánh Giác theo chân Đức Mẫu Hoàng, Cha Lành và Chư Phật.
2. Khi con thọ nhận Y Báu này, tất cả các nghiệp, chướng nghiệp tiêu trừ và đem lại sự an lành, an vui cho tất cả các cõi.
3. Khi con thọ nhận Y Báu này, tất cả Cửu Huyền Thất Tổ, cha mẹ nội ngoại hai bên nhiều đời, nhiều kiếp của con được thoát sanh lên Cõi Thượng, hưởng an vui hoặc tu học thành quả.
4. Khi con thọ nhận Y Báu này, những đệ tử theo con hiện tại, tu học Pháp Vô Vi Quy Nguyên đạt thành quả vị Thượng Phẩm Thượng Sanh hoặc cao hơn.
5. Khi con thọ nhận Y Báu này, tất cả Cửu Huyền Thất Tổ, cha mẹ nội ngoại hai bên của các đệ tử hiện tại được lên Cõi Thượng tu học thành quả, an vui nơi cõi này.
6. Khi con thọ nhận Y Báu này, tất cả chúng sanh ở các cõi nghe biết đến danh và Pháp Vô Vi Quy Nguyên, thức tâm tu học theo Pháp Vô Vi Quy Nguyên đăng thành quả.
7. Khi con thọ nhận Y Báu này, những nơi nào có bước chân con, những nơi đó thức tâm tu học theo Pháp Vô Vi Quy Nguyên đăng thành quả.
8. Khi con thọ nhận Y Báu này, tất cả vạn vật, cây cỏ muôn loài đều được chuyển, nếu có phần hồn, thức tâm theo học Pháp Vô Vi Quy Nguyên thành quả hoặc an vui.

9. Khi con thọ nhận Y Báu này, những nơi cõi nào có lời con phát nguyện, cõi đó thức tâm tu học theo Pháp Vô Vi Quy Nguyên đặng thành quả.

10. Khi con thọ nhận Y Báu này, khi hoảng độ, cứu độ, dẫn độ, nhà nhà, nơi nơi, cõi cõi là nơi an vui, không lo nghĩ ăn mặc, mà đầy đủ sự dụng các thức cho tất cả chúng sanh tu theo Pháp Vô Vi Quy Nguyên đặng thành quả.

11. Khi con thọ nhận Y Báu này, tất cả các cõi lấy tôn chỉ Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả làm cứu cánh, được an vui, sung sướng, vinh thăng tam phẩm.

12. Khi con thọ nhận Y Báu này, tất cả chúng sanh thức tâm tu học theo Pháp Vô Vi Quy Nguyên đặng thành quả, tùy theo công hạnh lành đạt quả Tiên, Phật và các phẩm khác.

13. Khi con thọ nhận Y Báu này, những danh vị các cõi dẫn độ, những nơi chưa thức tâm, trở về với Pháp Vô Vi Quy Nguyên tu học thành quả.

14. Khi con thọ nhận Y Báu này, nơi cõi con phát nguyện rộng lớn vô biên, vô tận trong sự an nhàn sung sướng chỉ biết lo cứu độ, hoảng độ và dẫn độ.

15. Khi con thọ nhận Y Báu này, lúc trở về với danh: *ĐẠI THỪA LIÊN HOA HÓA THÂN MINH VƯƠNG PHẬT*.

Kính lạy Đức Mẫu Hoàng, Cha Lành, Chư Phật mười phương thọ ký, các Đấng Giáo Chủ Tam Tòa, Cộng Đồng các cõi chứng tri. Các Cõi Thiên, Thánh, Thần hộ trì theo luật lệnh. Nam Mô A Di Đà Phật.

Vô Vi Quy Nguyên

Vô Vi Quy Nguyên là gì?

Vô Vi Quy Nguyên là Pháp giúp cho chúng sanh trở về nguồn cội của mình là Thượng Đế.

Vô Vi Quy Nguyên không là một tôn giáo. Vô Vi Quy Nguyên là một pháp môn, một phương tiện, một món quà quý mà Đức Cha Lãnh đã chuyển vận để tất cả chúng sanh, tất cả các Pháp, tất cả các tôn giáo,... ở cõi Ta Bà này xử dụng làm phương tiện hữu hiệu nhất để trở về với Thượng Đế trong thời Mạt Thế.

Tại sao gọi là Vô Vi Quy Nguyên:

Đức Ngài dạy: *“Vô Vi là rỗng không, không khởi sanh nhân duyên tạo tác, tức Chơn Lý. Là xa tâm ý và ý thức, tức là là xa phàm tánh”.*

Quy Nguyên là trở về nguồn cội, tức trở về với Điện Linh Quang của Thượng Đế

Nói một cách dễ hiểu, Vô Vi Quy Nguyên là Chơn Lý chỉ ra con đường Diệt Nghiệp, Diệt Phàm Tánh mà trở về với Thượng Đế.

CÁC NGHI THỨC THÔNG THƯỜNG

Xá chào:

Xá chào là hình thức lễ phép, tỏ bày sự kính trọng và bình đẳng với nhau. Pháp Đạo Vô Vi Quy Nguyên có những phương thức xá chào như sau:

Các đệ tử Vô Vi Quy Nguyên khi gặp nhau, chào hỏi, giả từ hay cảm ơn đều chấp hai tay trước ngực

xá, hai ngón cái tréo lại, ngón phải chéo qua ngón trái.

Sự xá chào này các đệ tử Vô Vi Quy Nguyên nên áp dụng cho tất cả mọi người, kể cả đối với người ngoài đời.

Các đệ tử khi rời nhà, vào nhà hay đến những nơi có ngôi thờ các Đấng Chí Tôn phải xá chào. Hai tay chắp xá từ đỉnh đầu xuống ngực.

Riêng đối với Thầy mỗi khi các đệ tử đến gặp Thầy, từ giả, cảm ơn, đều phải xá chào. Hai tay xá từ đỉnh đầu xuống ngực.

Niệm Phật, niệm Hồng Danh các Đấng Cứu Thế và Lễ lạy:

Niệm Danh Hiệu là hình thức tỏ bày lòng mình hướng đến các Bậc Bề Trên

Lễ lạy là sự bày tỏ sự trang nghiêm của mình để biểu diễn lòng kính trọng, khuất phục trước Thiêng Liêng.

Lễ lạy còn là sự luyện tập cho bản thân đưa cái bản ngã của mình xuống lòng đất và tạo dần cho tâm mình thành không phân biệt trước những hình tướng.

CÁC KIẾN THỨC THÔNG THƯỜNG

Đức Thầy Từ Minh Đạt:

Đức Thầy Từ Minh Đạt là vị truyền nhân đầu tiên của Vô Vi Quy Nguyên.

Thầy thế danh là Châu Nhật Tân sinh ngày 3 tháng 9 năm 1964 tại Saigon, Việt Nam. Là con thứ tư của Đức Ngài Pháp Chủ.

Thầy là người có rất nhiều năng khiếu đặc biệt và được chỉ giáo rất cẩn thận của Đức Ngài, Sư Tỉ và bà ngoại của Thầy ngay từ nhỏ. Thầy có năng khiếu hội họa vào năm 3 tuổi. Thầy rất sớm biết về các phương thức tổ chức từ năm 4 tuổi, thưở ấy Thầy thường dùng nút chai mà tập những phương thức tổ chức và điều động. Sau này, Thầy thường dùng những cách thức này dạy lại cho các Pháp Hữu có công tác cần học đến sự tổ chức. Năm 6 tuổi Đức Ngài bắt đầu dạy cho Thầy võ học Thiếu Lâm (Đức Ngài từng là chương môn của Hàn Bái Đường, Sa Long Cương). Năm 8 tuổi, Thầy được Đức Ngài cho phép học Nhu Đạo tại võ đường của trường Lasan Taberd. Về âm nhạc, trong năm này Thầy đã biết xử dụng thành thạo nhiều nhạc cụ.

Có thể nói, Thầy Từ Minh Đạt ngay từ nhỏ đã được gia đình, xã hội và các pháp hữu ủng hộ và đào tạo. Năm 11 tuổi, Thầy bắt đầu học về Đông Y và năm 12 tuổi, Thầy học về Châm Cứu và bắt đầu bước vào Thiền. Các Thầy đứng ra trực tiếp hướng dẫn cho Thầy Từ Minh Đạt đại đa số là các pháp hữu của Vô Vi Quy Nguyên cũng là những nhân vật thành danh về các bộ môn đó ngoài xã hội như các Võ Sư, các Y Sư, Giáo Sư, Pháp Sư... Ngoài ra, ngay từ thưở nhỏ, Thầy đã được học và am tường về các bộ môn Tử Vi, Địa Lý, Nhân Cảnh, Độn Toán, Linh Phủ, Độn Pháp, Bình Pháp, Thiên Văn, Hàng Hải....

Năm 20 tuổi, khi bước chân ra đời, Thầy liền được xã hội trọng vọng. Tại Indonesia, Thầy được mời làm thông dịch cho Cơ Quan Cao Ủy Liên Hiệp Quốc cùng các phái đoàn Y Tế Quốc Tế, làm giảng viên dạy các lớp Nghệ Thuật Tìm Kiếm Việc Làm (Job Finding), Filmstrip, Điện Tử cho Trung Tâm dạy nghề World Relief, làm giáo viên dạy Hóa Học cho các lớp từ lớp 6 đến 12 tại trung tâm Giáo Dục Phổ Thông của Liên Hiệp

Quốc tại Indonesia và cũng là một trong những người soạn thảo ra chương trình dạy Hóa Học cho trung tâm này. Ngoài ra, trong cùng năm, Thầy đã làm rất nhiều công việc khác cho xã hội như làm việc cho Cơ Quan Y Tế của Liên Hiệp Quốc, trực tiếp chữa trị cho đồng bào tại các bệnh viện thuộc trại tạm cư của người Việt bằng Đông Y, Châm Cứu và Pháp Hộ Bệnh của Vô Vi Quy Nguyên,...

Tại Hoa Kỳ, Thầy là người thành đạt trong học vấn. Thầy tốt nghiệp kỹ sư điện tử và tốt nghiệp Tiến Sỹ Y Khoa Đông Phương. Ngoài ra, Thầy còn tốt nghiệp rất nhiều bộ môn như: Địa ốc,... và hiện đang hoàn tất chương trình Tiến Sỹ về Quản Lý Thương Mại.

Thầy là một con người chăm làm, chăm học, bền bỉ và có ý chí sắt đá. Thầy chịu đựng mọi gian khổ, thử thách để cầu tiến. Năm 22 tuổi, đầu bận rộn, lao lực trong cuộc sống, việc học của Thầy cũng không vì đó mà trì trệ. Thầy được giải thưởng về bộ môn Toán của trường đại học Los Angeles Pierce College. Thầy còn cố tâm tìm kiếm và liên lạc lại với các pháp hữu Vô Vi Quy Nguyên tại hải ngoại với mưu cầu là kết hợp tất cả thành một khối để phát triển Pháp Đạo. Ngoài ra, Thầy còn nhận công việc tạp dịch về đêm cho một trong những tờ báo lớn nhất của Mỹ, tờ Los Angeles Times để tìm hiểu và học hỏi cách tổ chức về báo chí của họ.

Năm Thầy được 23 tuổi, trong thời gian còn đi học, Thầy đã thành lập một số tổ hợp nhỏ để sản xuất các linh kiện điện tử, làm thêm các nghề xem tử vi, địa lý vào cuối tuần để sinh sống và chi tiêu trong việc học. Thầy đã rất nổi tiếng trong ngành này, nhiều nhà tài phiệt, kể cả một số Tổng Thống, Thủ Tướng,... của khá nhiều quốc gia đã đến nhận sự chỉ lối của Thầy.

Năm 25 tuổi, Thầy nhận được giải thưởng của Quốc Hội Hoa Kỳ “The Most Successful Refugee” và giải thưởng của Refugee Employment Training Project về công lao Thầy đã vận động với chính phủ tiếp tục thu nhận người tỵ nạn trên thế giới vào Hoa Kỳ. Nhiều lần Thống Đốc Tiểu Bang California, các Thượng Nghị Sĩ, Dân Biểu, các Bộ Trưởng trong Chính Phủ có mời Thầy tiếp kiến. Thầy còn là huấn luyện viên Nhu Đạo và Thái Cực Đạo tại trường đại học California State University Northridge và làm kỹ sư điện tử tại một số hãng xưởng. Cũng trong năm này, Thầy cho ra đời Tạp Chí Quy Nguyên, đánh dấu một bước đi mới cho Pháp Đạo.

Năm 26 tuổi, Thầy thành lập công ty Chau Modern Products, một công ty chuyên sản xuất dược phẩm thiên nhiên. Với số vốn thử nghiệm trong năm đầu tiên là 300 Dollars. Chỉ trong vòng 1 năm, công ty bành trướng mạnh quy tụ hơn 2000 nhân viên và đại diện trên khắp Hoa Kỳ và một số nước. Điều đó cho thấy Thầy Từ Minh Đạt có một năng khiếu tổ chức cao. Do nhiều cơ duyên, Thầy còn là một chuyên viên về tài chánh và ngân hàng và đồng làm việc song phương với chính phủ Hoa Kỳ về ngân hàng và tiền tệ. Cũng trong năm này, Thầy cho ra đời thêm tờ Tinh Hoa Việt Nam. Về mặt Đạo Pháp, Thầy là người đầu tiên chính thức truyền bá Pháp Đạo ra toàn thế giới.

Năm 30 tuổi, Thầy Từ Minh Đạt chính thức nhận trọng trách từ Đức Ngài là dẫn dắt và phát triển Pháp Đạo Vô Vi Quy Nguyên. Thầy có nhiều công lớn trong việc kết tụ những lời giảng của Đức Ngài, phát hành sách vở cho Đạo, hệ thống hóa và lý thuyết hóa tư tưởng của Đạo để trở thành một hệ thống tư tưởng có thứ tự và dễ phổ thông. Thầy cũng là người tái tổ chức hệ thống làm việc của Pháp Đạo được chặt chẽ hơn. Ngoài ra, Thầy là người chủ trương thành lập các phương tiện truyền thông

cho Pháp Đạo, tổ chức các đoàn thể, trường lớp để giới thiệu Pháp Đạo ra thế giới bên ngoài. Công việc của Thầy Từ Minh Đạt vẫn còn tiếp diễn và phát triển.

Lời phát nguyện của Thầy Từ Minh Đạt trong buổi lễ thọ Y Báu.

Con kính châu lễ mừng Đức Mẫu Hoàng, Đức Cha Lành đại lâm triều. Vâng theo thánh ý, con kiên tâm thọ nhận Y Báu do Đức Mẫu Hoàng, Đức Cha Lành, các Chư Phật Mười Phương thọ ký ban, các Đấng Giáo Chủ Tam Tòa, Cộng Đồng các cõi chứng tri hộ trì.

Nguyên thứ nhất: Khi con thọ nhận Y Báu này, con nguyện hoằng độ, dẫn độ tất cả chúng sanh trở về thiện tâm, thiện tánh, thức tâm tu học cho đến ngày thành quả.

Nguyên thứ hai: Khi con thọ nhận Y Báu này, tất cả cửu huyền thất tổ, cha mẹ 2 bên nhiều đời, nhiều kiếp của bản thân con và của các đệ tử theo con hiện tại tu học theo pháp Vô Vi Quy Nguyên được thoát sanh lên cõi Thượng, hưởng an vui hoặc tu học thành quả.

Nguyên thứ ba: Khi con thọ nhận Y Báu này, con nguyện thế giới đại đồng, các pháp đồng quy, thực hiện Long Hoa đại hội và dẫn độ tất cả trở về Đấng Cha Lành Cao Cả.

Nguyên thứ tư: Khi con thọ nhận Y Báu này, lúc trở về với danh: Long Hoa Giáo Chủ Di Lạc Tôn Vương Phật.

Kính lạy Đức Mẫu Hoàng, Cha Lành, Chư Phật mười phương thọ ký, các Đấng Giáo Chủ Tam Tòa, Cộng Đồng các cõi chứng tri, các cõi Thiên, Thánh, Thần hộ trì theo luật lệnh.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Những hoạt động và tổ chức của Pháp Đạo:

Vô Vi Quy Nguyên Pháp được Đức Ngài hoằng truyền từ những năm 1940 và chính thức khai Đạo vào ngày rằm tháng 7 năm 1977. Tính đến nay đã có khoảng 2 triệu người trên thế giới tu học theo Vô Vi Quy Nguyên Pháp.

Vô Vi Quy Nguyên Pháp hiện nay đã có mặt trên toàn thế giới và được dẫn dắt bởi các vị Huynh Trưởng, những đệ tử của Đức Ngài.

Kể từ khi Đức Thầy Từ Minh Đạt được chọn làm truyền nhân của Đức Ngài. Đức Thầy đã hệ thống hóa tổ chức của Vô Vi Quy Nguyên trên toàn thế giới. Tính từ năm 1999, Đức Thầy đã thành lập 12 ban hoạt động chuyên ngành của Vô Vi Quy Nguyên gồm các ban:

- Ban Điều Vận (Operation Department)
- Ban Lễ Đạo (Protocol Department)
- Ban Luật Đạo (Regulatory Department)
- Ban Giáo Huấn (Education Department)
- Ban Sử Đạo (Historical Department)
- Ban Thông Tin (Information Department)
- Ban Xã Hội (Social Department)
- Ban Tài Vụ (Financial Department)
- Ban Ngoại Vụ (Foreign Affair Department)
- Ban Hóa Duyên (External Development Department)
- Ban Bảo Pháp (Evaluation Department)
- Ban Hộ Giáo (Security Department)

Trong tương lai sẽ có nhiều ban khác được tổ chức. Để hỗ trợ cho sự hoạt động của mỗi Ban, dưới mỗi ban Thầy Từ Minh Đạt đã tổ chức các Ngành, dưới mỗi ngành là các Khối và dưới các khối là các Phòng.

Áo Tràng:

Áo tràng là biểu hiện của sự trang nghiêm và oai nghi của người tu học. Áo tràng của Vô Vi Quy Nguyên màu trắng, tượng trưng cho mọi cái bẩn bị loại trừ. Ngoài ra, áo tràng được chú Lệnh, là một lưới điện quang hộ trì và tẩy sạch trước điện cho hành giả.

Pháp Tượng:

Khái niệm: Các Pháp Tượng dùng để chiêm ngưỡng hay phụng thờ đều được khai quang và chú Lệnh để tiếp nhận điện lực từ Thiên Liêng. Vì vậy, các hình tượng ấy không phải là những hình tượng thường tình mà là những trạm tiếp nhận điện lực và phát huy điện lực để hộ trì ngôi gia cho đệ tử.

Những nguyên tắc chính trong việc chọn lựa và thờ phượng Pháp Tượng:

Tượng thỉnh về phải chú ý gương mặt, tượng phải tươi vui, tránh thỉnh ảnh tượng màu sắc tối, lấm lem, nứt nẻ, nét u buồn.

Tượng Đức Cha Lành A Di Đà Phật tư thế ngồi thì hai tay nâng càn khôn, hoặc hai tay bắt ấn của chính Đức A Di Đà. Tượng tư thế đứng thì tay trái cầm ấn và tay phải buông ra bàn tay hướng về phía trước, có ý nghĩa là đang chờ đón các con về.

Tượng Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tư thế ngồi hai tay cầm ấn, tay phải đặt lên tay trái, hai đầu ngón cái đầu giáp lại với nhau.

Tượng Đức Phật Đa Bảo tư thế ngồi hai tay luôn cầm Tháp Đa Bảo.

Tượng Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Phật tư thế ngồi hai tay luôn nâng Dược bình.

Tượng Đức Quán Thế Âm đặt ở vị trí tay cầm nhánh dương liễu hướng ra ngoài.

Tượng Đức Đại Thế Chí đặt ở vị trí tay cầm hoa sen hướng ra ngoài. Ý nghĩa tốt lành là ban phát Hồng Ân ra cho chúng sanh.

Tượng Đức Già Lam chọn tư thế Ngài đang đọc sách, nét mặt tươi nhuận màu cam sang đỏ như màu carotte, không nên thỉnh ảnh tượng mặc chiến bào, cầm Thanh Long đao.

Tượng Đức Phổ Hiền cỡi tượng trắng sáu ngà và tượng Đức Văn Thù Sư Lợi cỡi Thanh Sư hay tất cả các tượng các vị có cỡi thú. Phải chú ý đến đuôi của con thú không được vẩy ngược lên trên mà phải cúp xuống nép vào thân, móng quay ra ngoài, đầu quay phục vào trong ngôi. (4)

Những nguyên tắc chính về đèn thờ trên Ngôi:

Đèn vàng một ngọn đặt giữa ngôi, tượng trưng cho Pháp, thấp liên tục. Đèn này còn gọi là *Thái Nhiên Cực Pháp*.

Đèn đỏ hai ngọn hai bên, tượng trưng cho Hồng Ân, thấp liên tục. Hai đèn này còn gọi là *Hồng Ân Phật Pháp*.

Ba cây gom chung lại gọi là *Thái Cực Đẳng*.

Đèn sáp chỉ để dâng khi hành lễ

Cặp chân đèn để gắn đèn sáp, màu vàng, khi có lễ.

Muốn dâng đèn phải đốt riêng 1 cây đèn sáp nguyên dâng lên Ôn Trên, sau đó mới lại hai cây đã gần sẵn.

Tuyệt đối không được dâng một lần hai cây.

Riêng đối với ngôi của Đức Cửu Thiên Huyền Nữ, Đức Mẹ Sanh Mẹ Độ thì chỉ đặt duy nhất 1 ngọn đèn màu xanh.

Những nguyên tắc chính về lư hương:

Lư hương được đặt ngay chính giữa Ngôi sát bên ngoài, hai bên có hai chân đèn. Vị trí đặt trước ba cây đèn Pháp và Hồng Ân.

Lư Hương chỉ được phép rút chân hương vào trước ngày mùng một và ngày rằm. Tuyệt đối không được xê dịch lư hương, không được cho tro trong lư hương cho bất cứ ai. Được phép lau chùi xê dịch lư hương vào cuối năm sau ngày tiễn đưa các Chư Phật.

Những nguyên tắc chính về việc dâng cúng hoa và quả:

Trên Ngõ, hoa và quả được bày theo vị trí Đông bình Tây quả, nghĩa là đứng nhìn trước ngõ tay phải chưng bình hoa, tay trái chưng mâm quả.

Hoa được dâng 3, 6, 9, 12 cành.

Không được dâng lên ngõ các loại hoa có tên gọi không thanh, mùi hôi thối, màu sắc tím đỏ bầm...

Quả được bày cuốn đặt vào đáy đĩa như trái thơm, cuốn gom vào tâm đĩa, đầu quả xoay ra ngoài.

Quả có lá như cam, quýt, nhãn thì phần cuốn có lá hướng thượng.

Không được dâng lên Ngõ trái chuối và các thứ trái có tên gọi không thanh, có gai như sầu riêng,...

Những nguyên tắc chính trong việc dâng cúng nước:

Nước dâng lên ngõ phải lấy từ nước giếng hay nước hứng trực tiếp từ vòi nước máy. Tuyệt đối không được dùng nước đã đun sôi.

Khi rót nước phải cẩn thận rót một hơi từ từ cho đến khi đầy miệng tách thì ngắt dứt ngay dòng nước đang chảy bằng động tác dứt khoát dờ tay đưa cổ chai nước lên thẳng không cho nước tràn ra ngoài.

Hiểu về Bảo Pháp:

Vô Vi Quy Nguyên được Ôn Trên chuyển vận rất nhiều loại Bảo Pháp mà mỗi loại có những đặc tính, công năng khác nhau. Chúng đệ tử Vô Vi Quy Nguyên tùy theo công hạnh của mình mà được Đức Thầy vận chuyển ban

Bảo Pháp tương ứng. Nhìn chung có 5 loại Bảo Pháp chính:

- Kim Sa Bảo Pháp
- Kim Cang Bảo Pháp
- Hồng Ân Bảo Pháp
- Bửu Châu Bảo Pháp
- Thiên Linh Bảo Pháp

Riêng Thiên Linh Bảo Pháp, các vị huynh trưởng của Vô Vi Quy Nguyên có Kim Cang trở lên và được phép của Đức Thầy Từ Minh Đạt có thể chuyển vận ban ra cho các đệ tử.

Những ai được ban Thiên Linh Bảo Pháp:

Thông thường các pháp hữu mới vào Pháp được Đức Ngài hoặc Thầy Từ Minh Đạt thọ ký đều được ban Thiên Linh Bảo Pháp còn gọi là Thiên Linh Chuỗi. Đôi khi thân nhân của các đệ tử nếu có thiện tâm và lời cầu xin của đệ tử, các thân nhân ấy cũng được ban Thiên Linh Bảo Pháp.

Hình Dáng:

Thiên Linh Bảo Pháp có hình dáng là một xâu chuỗi 18 hạt tròn nhỏ và một hạt kết ở đầu, có khi là hạt lớn hơn các hạt chuỗi trong xâu, có khi là hạt bằng với các hạt chuỗi khác, có khi là hạt nhỏ hơn hay là hình trái bầu. Chuỗi có màu đen hoặc nâu, hoặc được tạo ra từ gỗ, tùy nhiên, vì là vật chất nên nhiều lúc không có những màu trên nên kết tạm bằng những màu khác trừ màu đỏ.

Ở đầu chuỗi có kết bông, có tất cả 18 loại bông, tượng trưng cho 18 màu của Hoa Sen. Khi Đức Ngài còn tại thế đại đa số các pháp hữu đều nhận được bông màu đỏ. Ý nghĩa của màu bông tùy vào căn cơ tiền thân của pháp hữu mà thọ nhận, ý nghĩa này chỉ có Đức Ngài và Thầy biết rõ mà thôi. Tuy nhiên căn cơ không phải là yếu tố

quan trọng trong việc thành quả mà sự bền tâm, bền chí tu học mới là quan trọng.

Điều quan trọng nhất là đầu màu hạt chuỗi và màu bông là màu gì chẳng nữa thì công năng cũng tương tự như nhau và không có sự phân biệt quá lớn.

Những điểm quý của Bảo Pháp:

* ***Về phần đời:*** Chuỗi được tạo bởi công sức của nhiều người và nhiều lòng hảo tâm hợp lại. Trước khi ban phát cho pháp hữu, chuỗi được trân trọng đặt ở những nơi tôn kính và thiêng liêng nhất.

* ***Về phần đạo:*** Thiên Linh Bảo Pháp là một ấn chứng của cộng đồng các chư Đức Phật chuyển vận cho pháp hữu, chấp nhận cho người này sau khi lìa thế được tiếp tục tu học cho đến khi thành quả.

* ***Về phần Vô Vi:*** Chuỗi là một lệnh Pháp để các chư Thiên theo hỗ trợ người mang chuỗi được tiêu trừ, hoặc giảm bớt, hoặc làm ngưng trệ hoành hành của nghiệp chướng như: bệnh tật, tai nạn, khó khăn,... của mình, để người tu học bớt phiền não mà an tâm tu học. Cũng vì lẽ đó mà Thiên Linh Bảo Pháp còn được xem như một Pháp Bảo Hộ Mạng.

Chuỗi nên mang theo người vì chư Thiên chỉ hộ trì cho “Người Mang Chuỗi” chứ không hộ trì cho “Người Có Chuỗi”. Vì ở giai đoạn bắt đầu này, phẩm hạnh và Đạo Lực của người tu mới bắt đầu nên không đủ để các chư vị hộ trì.

* ***Đối với âm phần:*** Tất cả các âm phần phải lễ chào người mang chuỗi hoặc Bảo Pháp mà mình mang theo. Đó là luật định của Vô Vi. Vì vậy, khi mang chuỗi Thiên

Linh vào mình sẽ không sợ bất kỳ những phần lực, tà ma hay bùa chú nào.

* **Mức độ tu học:** Nếu ở vào những thời kỳ trước, người có công tu nhiều kiếp liên tiếp, ít nhất là hơn 100 năm tu tập mới được Ôn Trên ân điển ban Thiên Linh Bảo Pháp cho người ấy. Tuy nhiên, đây là thời Mạt Pháp, Thiên Linh Bảo Pháp được chuyển vận ráo riết để cứu vớt cho những người thiện tâm.

Mục đích ơn trên chuyển vận Thiên Linh Bảo Pháp cho các Pháp Hữu:

Thời Mạt Thế đã gần kề, tất cả chúng sanh nào phát tâm tu học đều được ân điển của Ôn Trên ban vì vậy người ta còn gọi thời kỳ này là thời Đại Ân Xá.

Vì là thời Mạt Thế nên khi phát tâm tu học, hoặc đã phát tâm tu học để gội rửa bản tánh của mình, thời gian gội rửa ấy cũng không còn được bao nhiêu để giúp cho hành giả đủ lực vượt qua được cuộc sàng sẩy của tạo hóa. Vì vậy, những pháp hữu mới vào Pháp cần có thêm lực phù trợ đó là Thiên Linh Bảo Pháp.

Sau khi lia thể với Bảo Pháp trong tay, các pháp hữu được chuyển vận cho tu học tiếp tục cho đến khi thành quả. Đó chính là cơ hội chót là Đại Ân Xá vậy.

Chuỗi là ấn chứng của Thiêng Liêng, nên khi hành giả bỏ xác phàm, chuỗi sẽ có tha lực đưa hành giả vượt qua các tầng điển quang mà trở về với Thiêng Liêng. Nơi đó, hành giả sẽ trình chuỗi với Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mà được định vị hoặc sắc phong. Phẩm vị cao hay thấp, hoặc được chuyển đi tu học thêm là tùy nơi công hạnh của hành giả tại cõi đời chứ không do chuỗi.

Những điều cần ghi nhớ:

Trước khi nhận Bảo Pháp phải lễ 12 lễ trước ngò Tam Bảo để làm lễ thọ nhận.

Bậc chuỗi Hoàng Đạo trở lên phải biết cách lễ.

Bảo Pháp luôn mang bên mình, không rời, trừ khi lúc tắm rửa.

Bảo Pháp luôn được mang ở phần trên của thân thể, không được để trong túi quần.

Có thể để Bảo Pháp vào trong túi vải nhỏ rồi đính kim mang theo bên người.

Không được để Bảo Pháp ở những nơi ô uế.

Khi Bảo Pháp bị mất, đứt,..phải báo ngay cho Thầy.

Bảo Pháp đã được ban ra thì cũng có thể bị thâm hời, vì vậy, các pháp hữu nên giữ gìn Thân Khẩu Ý thanh tịnh.

Khi lìa thể, Thiên Linh Bảo Pháp phải được đính kèm trên áo nơi ngực hoặc được gắn trên tay.

Trong khi tang gia bối rối, có sự sơ xuất quên chôn theo Bảo Pháp với người mất hoặc quên đốt theo khi hỏa táng thì nên ra trước phần mộ của người mất hoặc ra nơi trống trải, đốt Bảo Pháp và nguyện: “Thiên Linh Bảo Pháp này gởi cho...(tên người nhận)”

Nếu khi lìa thể, người tu học lúc ấy chỉ có Thiên Linh Bảo Pháp thôi mà thân nhân quên chôn hoặc đốt theo,..thì vị ấy sẽ không được chuyển vận tu học. Trừ Lệnh Pháp đặc biệt (nhưng cũng không hay bằng có Bảo Pháp).

Thứ bậc và đặc tính của từng loại Thiên Linh Bảo Pháp:

Như đã nói, Thiên Linh Bảo Pháp có 18 loại khác nhau. Theo thứ tự như: Bình An, Hộ Mạng, Ân Giải, Đặc Cách Thiên Linh Bảo Pháp, Tam Thanh Thiên Linh Bảo Pháp, Thiệu Hạnh Thiên Linh Bảo Pháp,... Tâm Khai Thiên

Linh Bảo Pháp. Theo thứ tự thời gian để thọ nhận từ Bình An đến Tâm Khai Bảo Pháp là 9 năm.

Ngày xưa, vì đặc cách nên Ngài đã trình cầu với Cộng Đồng ban cho đệ tử Thiên Linh Bảo Pháp từ phẩm Thiên Linh đến Tâm Khai. Nay các vị thừa sai phải đi đúng trình tự. Thời gian có ngắn hơn nhưng còn tùy vào phẩm hạnh của đệ tử.

18 Thứ bậc của Thiên Linh Bảo Pháp:

<i>Tên Chuỗi</i>	<i>Hạt ở đầu</i>	<i>Màu bông</i>
1. BÌNH AN	Nhỏ	Hồng
2. HỘ MẠNG	Thường	Hồng
3. ẮN GIẢI	Nhỏ	Xanh Lá Lọt
4. ĐẶC CÁCH	Thường	Xanh Lá Lọt
5. TAM THANH	Nhỏ	Xanh Lá Đậm
6. THIỆN HẠNH	Thường	Xanh Lá Đậm
7. TINH TẤN	Lớn	Xanh Lá Đậm
8. HOÀNG ĐẠO	Nhỏ	Xanh Dương Lọt
9. HOÀNG LINH	Thường	Xanh Dương Lọt
10. THIÊN ÂN	Lớn	Xanh Dương Lọt
11. THIÊN LINH	Thường	Đỏ
12. MINH TÁNH	Bầu, Lớn	Đỏ
13. THANH TỊNH	Xanh Nhỏ	Đỏ
14. LIỀN CHÂU	Xanh Thường	Đỏ
15. HOÀNG PHẨM	Nhỏ	Vàng
16. BỬU PHẨM	Thường	Vàng
17. LA HÁN	Lớn	Vàng
18. TÂM KHAI	Bầu	Vàng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy Nguyên Pháp - *Đức Pháp Chủ*
2. Giáo Trình Tu Học - *Từ Minh Đạt*
3. Tiểu Sử Đức Ngài Pháp Chủ - *Từ Tri Nguyên*
4. Tìm hiểu đạo bát chánh - *Từ Tâm Chánh*
5. Tôn sư trọng đạo - *Từ Tri Nguyên*
6. Bài học khai tâm, công bằng và từ bi - *Từ Minh Đạt và Ban Biên Tập TCQN*
7. Tài liệu của Phòng Ghi Nhận Lịch Sử tại Hoa Kỳ - *Ban Sử Đạo.*
8. Cách thiết lập ngôi Tam Bảo - *Từ Tri Hành*
9. Ánh Sáng Mặt Pháp - *Nhiều Tác Giả*
10. Đề nghị một mô hình tổ chức cho Đạo Pháp tại Hoa Kỳ năm 1998 - *Từ Minh Đạt*
11. Những mẩu chuyện về Đức Ngài - *Châu Nhật Tân*
12. Lý Nhân Quả - *Từ Tâm Chánh.*